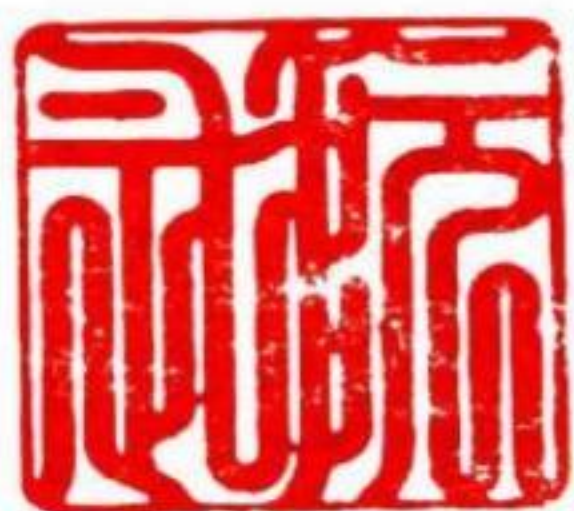




NGUYỄN BÌNH
Lỡ bước sang ngang

**Văn
HỌC**



PHÊ BÌNH . SÁNG TÁC . NGHỆ THUẬT

nội dung

1. VĂN HỌC	Nguyễn Bính
4. — VŨ BẰNG	Có hai Nguyễn Bính
21. MỘNG TUYẾT	Nguyễn Bính với hai khía cạnh : nhà thơ thất tình, nhà thơ bình dân
32. — TẾ XUYỀN	Hai giai thoại về Nguyễn Bính
38. — SƠN NAM	Nguyễn Bính hội trường Hội văn hóa cứu quốc
46. — TẠ TỶ	Nguyễn Bính một thiên tài lỡ dở
60. — KIÊN GIANG	Một giai thoại về Nguyễn Bính
66. — KIÊN GIANG	Chiếc cầu cây giữa rừng tràm
89. — NGUYỄN SA	Nguyễn Bính trong trí nhớ
95. — SÔNG THAI	Nguyễn Bính và những bước lữ làng
THƠ • TRUYỆN	
115. — NGUYỄN BÌNH	Hạnh phương Nam
117. —	Xuân vẫn tha hương
120. —	Lữ bước sang ngang
124. —	Đồng Tháp Mười
127. —	Không nhan sắc
140. —	Tỉnh giấc chiêm bao
145. — NGUYỄN SA	Vẽ
150. — LUÂN HOÀN	Quả xuân cho bé Hòa Bình
155. — NGUYỄN Q THAI	Ăn tiệc cuối năm
160. — DƯƠNG NGH MẬU	Mơ thấy mình bay trên mái nhà

- Giấy phép xuất bản số 5.585/CDV/TT/BC/I ngày 28-10-1962
- Thư từ, bài vở, tiền bạc, chi phiếu xin đề :

TẠP CHÍ VĂN HỌC

- Chủ bút : PHAN-KIM-THỊNH
- Thư ký Tòa soạn : Cô NGUYỄN-PHƯƠNG-KHANH

Tòa soạn và Trị sự

61, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

449B Hai Bà-Trung — Điện thoại : 41.265 SAIGON

NGUYỄN BÌNH

(1919-1966)

Tên thật là Nguyễn Bình Thuyết bút hiệu Nguyễn Bình. Sinh năm 1919 tại làng Thiện Vịnh huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định (Bắc phần).

Không được học ở trường và, chỉ học ở nhà do cha và cậu chỉ dạy tới lớp ba tiểu học.

Năm 13 tuổi đã làm thơ, và năm 22 tuổi Nguyễn Bình đã sáng tác được khoảng 1000 bài thơ ngắn và dài. Nguyễn Bình chính thức gia nhập làng thơ khoảng năm 1935 và 1937. Nguyễn Bình được giải khuyến khích về thơ do Tự Lực Văn Đoàn trao tặng. Thơ Nguyễn Bình làm theo thể lục bát và ý tưởng thiên về tình yêu. Khi tham gia kháng chiến đánh đuổi thực dân Pháp Nguyễn Bình đã sáng tác nhiều bài thơ yêu nước rất hay. Thơ Nguyễn Bình xuất hiện trên các báo tiền chiến như tờ Tiểu Thuyết Thứ Năm, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Ngày Nay, Nam Cường và sau này trên các báo Cứu Quốc, Tỏ Quốc, của phong trào kháng chiến tại Nam bộ.

Tuy sinh trưởng ở miền Bắc, nhưng Nguyễn Bính đã vào Nam sinh sống. Nguyễn Bính đã xuống Hà Tiên thăm thi sĩ Đông Hồ cùng nữ sĩ Mộng Tuyết và chung sống với hai nhà thơ này nhiều tháng. Sau đó Nguyễn Bính về Rạch giá (Kiên Giang ngày nay) nhà thơ Kiên Giang Hà Huy Hà đã gặp Nguyễn Bính. Trong những ngày lưu lạc ở Miền Tây Nam Bộ Nguyễn Bính có sáng tác những bài thơ chữ đời, chữ thực dân nên ông đã bị Pháp bắt giam ít tháng.

Khi cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, toàn dân đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp Nguyễn Bính cũng tham gia phong trào kháng chiến. Nguyễn Bính đã đứng ra lập Hội Văn Hóa Cứu Quốc tỉnh Rạch giá để làm phương tiện tuyên truyền khuyến khích đồng bào chống thực dân Pháp. Thời gian này Nguyễn Bính hoạt động cùng nhà văn Sơn Nam tại Rạch giá và sau đi chiến khu.

Khi hiệp định Genève ký kết tạm chia ra miền Nam, Bắc Nguyễn Bính đã tập kết ra Bắc để vợ con ở lại Saigon. Nhưng khi ra đến đất Bắc Nguyễn Bính đã không toại nguyện và ông đã « Tỉnh giấc chiêm bao ». Vì bất mãn và tiếc công tham gia kháng chiến trong 9 năm gian khổ và ngày nay bị bỏ rơi, nên Nguyễn Bính đã sáng tác bài thơ « Tỉnh giấc chiêm bao » để nhớ vợ con và than trách đời bài đăng trên báo « Trăm Hoa » do ông làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Sau bài thơ trên xuất hiện, Nguyễn Bính bị nhà nước Hà nội chính và loại ra khỏi hàng ngũ Đảng.

Vì chán nản và bị Đảng bạc đãi, nên Nguyễn Bính đã bỏ Hà nội về quê sinh sống qua ngày. Giáp Tết Bình Ngô, 29 tháng chạp Ất tỵ tức 20 tháng 1 năm 1966 Nguyễn Bính từ trần vì cơn bạo bệnh. Ông thọ 47 tuổi.

Văn nghiệp của Nguyễn Bính để lại gồm có những tác phẩm dưới đây mà chúng tôi sưu tầm được:

— Lỡ bước sang ngang (Thơ) do nhà Lê Cường Hà nội xuất bản năm 1940, và tại Saigon sau này người nhà của Nguyễn Bính có cho tái bản hai lần.

— Hương cố nhân (Thơ) do nhà Á châu Hà nội xuất bản năm 1941 và tại Saigon có tái bản.

— Mây tần (Thơ) do nhà Á châu Hà nội xuất bản 1942

— Tâm hồn tôi (Thơ) do nhà Lê Cường Hà nội xuất bản năm 1940.

— Mười hai bến nước (Thơ) nhà xuất bản ?

— Bóng giai nhân (kịch thơ) nhà xuất bản ?

— Không nhan sắc (Tiểu thuyết) nhà xuất bản ?

— Mưa xuân (Tiểu thuyết) nhà xuất bản ?

— Người con gái lầu hoa (?)

— Một ngàn cửa sổ (Thơ) nhà xuất bản ?

— Thạch sương bồ (Truyện thơ dài) nhà xuất bản ?

— Sóng biển cỏ (Thơ kháng chiến Miền Nam)

— Tập thơ yêu nước (Thơ kháng chiến Nam bộ)

— Hương (Thơ) nhà xuất bản ?

— Những thanh gươm bén (Tráng ca) nhà xuất bản ?

— Ca dao gọi lính (Thơ) nhà xuất bản ?

Những tác phẩm trên vì xuất bản đã quá lâu thời gian đã làm nhàu nát những trang ruột và bìa nên những tác phẩm của Nguyễn Bính chúng tôi không rõ nhà xuất bản và năm ấn hành.

Vậy xin cáo lỗi cùng bạn đọc, và mong bạn đọc nào có những tài liệu đầy đủ về nhà thơ Nguyễn Bính xin cung cấp cho tòa soạn Văn Học để chúng tôi có dịp gửi đến bạn đọc hầu kho tàng văn hóa nước nhà được đầy đủ. Xin cảm tạ.

TẠP CHÍ VĂN HỌC

Vũ Bằng

CÓ HAI NGUYỄN BÌNH

Nếu anh chủ bút không nhắc tôi viết một bài về Nguyễn Bình, chính tôi cũng yêu cầu anh dành cho tôi mấy trang trong số đặc biệt này để có dịp nói lên một tâm tư thắc mắc từ lâu về Bình.

Thắc mắc này chôn chặt trong lòng tôi từ hơn ba chục năm nay. Bài này là một bài tự kiểm thảo, tự thú, mà độc giả có thể do đó nhìn thấy một khía cạnh kém phần đẹp đẽ của một người bạn đối với một người bạn của một nhà văn đối với một nhà văn, và nói rộng hơn một chút, của một người đối với một người.

Nguyễn Bình, đối với tôi không từng là một đôi bạn thân thiết bao giờ hết. Bây giờ tôi không còn nhớ tôi đã gặp Bình lần đầu đi với ai và gặp ở đâu. Tôi chỉ biết rằng Bình biết tôi sơ sơ mà tôi đối với Bình cũng chỉ lơ là xã giao, nói dăm ba câu chuyện với nhau cho phải phép, nhưng có lẽ Bình vốn là «nông dân» trời phú cho cái tính thực thà, đôn hậu đặc biệt nên anh không biết như thế mà cứ coi tôi là một thứ bạn chân thành có thể cởi mở nỗi lòng mỗi khi «đẩy vơi tâm sự». Không. Dù biết là có tội và rất có thể bị nhiều văn hữu khinh khi, tôi cũng cứ phải nói thật : ở Hà Nội, vào lúc Nguyễn Bình ra những bài «Lỡ bước sang ngang»

tôi đã coi thường anh và không chịu đăng thơ anh trên «Tiểu Thuyết thứ bảy» lúc đầu. Tôi cho anh là một thử thi sĩ «nhà quê», không làm thơ như làm về và có lần tôi đã nói thẳng với Thâm Tâm rằng «thơ của Nguyễn Bình là thơ «Tống Chân» Cúc Hoa «không thể nào chịu được». Và tôi hay lấy hai câu này trong «Phạm Công Cúc Hoa» nhái thơ Nguyễn Bình.

*Thịt mỡ thái vương con cờ
Lấy ai chấy rận cho bà, bà ôi.*

Không phải tôi chỉ chê thơ Nguyễn Bình. Chính cá nhân Bình tôi cũng không có cảm tình. Đời có những sự kỳ lạ như thế, đến bây giờ tôi vẫn không thể nào hiểu nổi. Tại Bình thành thực đến vụng về? Tại giữa Bình và tôi không có một thứ nhân diện hút lấy nhau? Hay là lại Bình có một tác phong thi sĩ mà tôi một văn sĩ kiêm kỹ giả, mới gặp lần đầu đã nuôi ngay một thành kiến cho là giả tạo?

Tôi cũng chẳng bao giờ phân tách và tìm hiểu sâu hơn trạng thái tâm lý đó làm gì, nhưng về sau này, lúc Nguyễn Bình ở Nam, nhớ đến Bình, tôi có lúc ngờ rằng tôi đã có hồi coi thường Bình chính là vì tôi đã mắc một thứ bệnh ghê tởm bệnh «tự cho mình là nhà văn nhà báo lớn coi thường các bạn hữu chưa tên tuổi các bạn hữu mà lúc đó chúng tôi kêu là bọn mới lớn, bọn tép ranh». Có lẽ chính vì bệnh ấy nên mấy lần Nguyễn Bình tìm đến thăm tôi ở đường Hàng Da, tôi đều tỏ ra vẻ lạnh nhạt, truyện trò lấy lệ, không chút mặn mà. Làm được một bài thơ hay, Bình đọc cho tôi nghe tôi ừ ào và khen lếu mấy câu cho phải phép. Bởi vì đã nuôi một thành kiến về bạn như thế rồi, làm sao mà tôi tìm ra được cái hay, cái lạ, cái mới, cái đẹp? Đúng như tâm trạng này anh em hiện nay thóa mạ các nhà văn tiền chiến tôi chỉ thấy cái dở của Nguyễn Bình và do đó có những cử chỉ rất thường của Bình cũng làm cho tôi khó chịu. Bực

nhất là cái đầu bù của Bính và cái giáng điệu uốn éo của Bính khi trò chuyện. Cái gì mà «đàn ông đàn ang» với nhau, nói chuyện văn chương, báo chí lại không xưng là anh và tôi như mọi người, mà lại lập dị «làm ra cái vẻ ngây thơ cụ» một điều xưng mình là Bính, hai điều xưng mình là Bính ? «Bính nghĩ thế này... Hôm qua Bính vừa làm được mấy câu thơ đặc ý xin đọc hiền huynh nghe... Bính tức quá vì nhà xuất bản nó trả tiền, Bính đi hát cô đầu hết, bây giờ nó đòi lại, và nó dọa nếu không trả thì nó đưa ra tòa».

Thành ra tôi bị một cái thiệt không tả được, đến bây giờ còn tiếc : anh em không nói chuyện nhiều với tôi về Bính, Bính không viết truyện làm thơ cho mấy báo văn nghệ tôi làm lúc đó như «Tiểu Thuyết Thứ Bảy», «Phổ Thông bán nguyệt san» « Ích hữu » và riêng về đời sống của Bính, cách sống hàng ngày tôi không được biết nhiều, cũng như tôi không biết Bính ở đâu ở với ai — nhưng có một điều chắc chắn là Bính không có lúc nào sung sướng và đời anh là một đời «bồ-hề-miêng» — chữ của Nguyễn Tuân » gần hết kiếp người ở nhờ nhà các bạn, tại Trung Nam cũng như tại Bắc và có khi ở nhờ luôn cả những người chỉ quen biết sơ sơ.

BÓNG GIAI NHÂN VÀ NGUYỄN BÌNH

Thật cũng là một cái may mà người ta thỉnh thoảng lại đi chơi tếu. Một buổi sáng thu ở Hà nội tôi đương thơ thẩn một mình trên con đường Nghi Tàm để lựa vài cây thối về trồng thì gặp Trần Huyền Trân và Thâm Tâm ngồi chung một chiếc xe vẫy tay gọi tôi. Đầu họ bù sù, ca-vát sộc sộc : tôi đoán là đêm trước họ vừa «ngủ trọ» ở đâu mới về. Sau câu chuyện «tốc hành», tôi biết là

trưa đó, họ đi Hải Phòng. Anh đi không? Có trò lạ! Muốn gì cũng được:

Nghe thấy câu chuyện «hấp dẫn» tôi bỏ luôn cây thể kêu một cái xe «tháp tùng» liền. Đúng vậy, chiều hôm ấy, chúng tôi xuống đến Hải Phòng và công việc đầu tiên là kiếm một nhà hát thật sang để thiết lập «tổng hành dinh» và đến lúc anh kếp già lên giây cây đàn đáy dạo bài bắt hủ «xanh, chín chùm sung xanh, chín chùm sung xanh» tôi mới vỡ lẽ ra rằng bọn này đến đây đợi Nguyễn Bình, Vũ Hoàng Chương và một vài bạn khác để trình diễn một vở kịch thơ mới nhan đề là «Bóng giai nhân».

Hồi đó là tháng chín năm 1942. «Bóng giai nhân» trình diễn lần đầu. Sau đó, đưa về Hà Nội trình diễn ở nhà Hát Tây khoảng tháng 10, tức là cùng năm trình diễn vở kịch thơ «Vân Muội» của Vũ Hoàng Chương. Tôi còn nhớ bầu không khí hôm ban kịch Nguyễn Bình — Thâm Tâm diễn «Bóng giai nhân» lần đầu. Bởi vì lúc đó phong trào văn nghệ lên rất cao, mà kịch thơ lại không có mấy nên khán giả mua vé trước rất đông, vào khoảng sáu giờ chiều thì vé hết, không còn một cái. Nhà hát chật ních người. Tiếng vỗ tay hoan hô đoàn nghệ sĩ vang lên không ngớt. «Bóng giai nhân» được hoan nghênh nhiệt liệt. Mấy vai chính trong vở được công kênh lên từ rạp ra đến chỗ xe hơi. Thời gian đã trôi qua nhiều rồi nhưng tôi vẫn nhớ như ngày hôm qua từng cái cất tay, lắc đầu, từng nét giận hờn cười nhạt, từng câu rần xuống, từng tiếng ngâm cao vút của Vũ Hoàng Chương, Trần Huyền Trân và Nguyễn Bình, thứ tự thủ vai tráng sĩ, vai đạo sĩ và vai người đúc gương trong kịch.

Kịch chỉ có ba vai. Còn vai «giai nhân» thì chỉ có cái bóng hiện ra rồi mờ đi rồi lại hiện ra, không nói, không ngâm gì hết

nên ban kịch không phải mất công lựa người. Tôi nhớ mang máng vai ấy do một cô đào ở Vạn Thái hay Khâm Thiên gì đó thủ vai.

Vở kịch toát ra một bầu không khí cách mạng, khích thích người coi đi theo ba vai chính để cứu nguy dân tộc. Vào đây tôi không thấy ai có vở kịch đó. Gặp Vũ Hoàng Chương tôi có đem ra hỏi thì Chương cho biết hình như chính Bính cũng không giữ được, một hai bản thảo do mấy người bạn không quan hệ giữ sau khi trình diễn ở, nhà Hát Tây.

NGUYỄN BÌNH VÀ YẾN LAN

Thực ra, Kịch «Bóng giai nhân». Không phải có một mình Nguyễn Bình soạn thảo anh viết vở kịch này cùng với một người bạn mà anh đã từng sống chung ở Huế : Yến Lan. Yến Lan là thi sĩ có tiếng ở miền Trung, hiện nay không biết còn sống hay đã mất, nhưng theo lời những người thân thiết của anh thì khoảng năm 1945-46 Yến Lan đã từng cùng Chế lan Viên, Phạm đăng Chí, Nguyễn hữu Ba hợp thành một phái đoàn đi từ Trung ra Bắc, ngừng lại từng tỉnh một để làm đề tài viết văn, làm thơ. Văn theo nguồn tin trên thì phái đoàn văn nghệ của Yến Lan đã tìm được nhiều tài liệu quý ở làng Cồ Đàm, (làng của thi sĩ Nguyễn Du) để làm giàu cho kho tàng văn học Việt Nam, và một số tài liệu ấy đã được ghi lại cho nhà học giả Đào Duy Anh để thảo về nền văn minh Á Đông giữa hai địa điểm Nghệ Tĩnh — Tuy Hòa và Ấn Độ.

Nhạc sĩ Nguyễn hữu Ba, tác giả bản nhạc danh tiếng «Lửa

rừng đêm» chỉ biết Yến Lan mà không biết Nguyễn Bình nhiều nhân một buổi chiều họp trò chuyện vào lúc trà dư tửu hậu, Nguyễn hữu Ba, nhân danh một nhạc sĩ, cho hay rằng theo ý anh thì có lẽ trong các thi nhân hiện đại, Nguyễn Bình là người có nhiều thơ phổ vào nhạc nhất. Tại sao? Có lẽ tại Bình là một nhà thơ bình dân đã gảy đúng khúc đàn lòng của con người, Nguyễn Bình đã tạo nên những chữ, những vần mà bất cứ giai cấp xã hội nào nghe cũng thấy hợp với họ và sau hết là tại Bình đã đem vào trong thơ một thứ nhạc mới nhưng thực ra thì cũ phản ánh một cách trung thành dân tộc tính.

Nhạc sĩ Nguyễn hữu Ba còn cho biết thêm :

— Trong tất cả các bài thơ được phổ nhạc từ trước tới nay, kể từ bài Thăng Bờm của Nguyễn xuân Khoát cho đến các bài mới như «Sơn Tinh, Thủy Tinh» «Thơ Hồ Dzếnh» kể cả thơ phổ nhạc của Phạm Duy, theo ý tôi, không có bài nào thành công vẻ vang như bài «Cô lái đò» của Nguyễn Bình do nhạc sĩ Nguyễn đình Phúc phổ nhạc.

«Xuân đã đem mong nhớ trở về...»

Trong suốt bản nhạc, thính giả không một lúc nào cảm giác thấy bản nhạc bị gò bó trong một bài thơ, mà chính bài thơ cũng không hề bị nhạc hãm hiếp làm cho mất tính cách nguyên thủy và trong trắng của nó. Nghe thì việc đó tầm thường, nhưng công việc tạo tác một bản nhạc qua một bài thơ mà làm cách nào cho thơ và nhạc hỗ tương nhau thơ không bị nhạc hãm hiếp, thực quả là một công việc hết sức khó khăn, hết sức vất vả, nếu nhạc sĩ không yêu bài thơ triệt để không thông suốt tinh thần của nhà thơ

không cảm thông với nhà thơ như hình với bóng thì không thể nào làm nổi.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG VÀ THƠ NGUYỄN BÌNH

Tôi quay sang hỏi Vũ Hoàng Chương :

— Còn anh, có thể cho chúng tôi biết một hai ý kiến về thơ Nguyễn Bình không ? Tôi hỏi vậy là vì tôi biết Vũ Hoàng Chương trước khi thủ vai tráng sĩ trong vở « Bổng Giai Nhân » của Nguyễn Bình đã là bạn thân của Bình và, cũng như tôi đã biết trong nhiều cuộc đi giang hồ vất (như lên Bắc giang thăm Bàng Bá Lân), Bình vẫn cặp kè bên Chương và có hồi Bình đã xách va ly về Nam ở nhà Vũ Hoàng Chương hàng tháng.

Vũ Hoàng Chương suy nghĩ một giây lâu rồi cười khà mà lắc đầu :

Không thể nói được. Thực vậy, tôi là bạn thân của Bình, nếu tôi nói thật, e rằng có người cho là tôi thiên vị. Duy có một điều này nói ra mà không sợ ai cãi chính : thơ Nguyễn Bình so với thơ bây giờ là thứ thơ được phổ biến nhất trong dân chúng.

— Đúng thế theo nhận xét của tôi thì trước 1945, thơ Nguyễn Bình không được lưu ý nhiều nhưng từ 1949, 1950 trở đi thì những người yêu thơ Nguyễn Bình mỗi ngày mỗi nhiều hơn. Không phải chỉ có nữ sinh tìm mua thơ Nguyễn Bình hay chép lại thơ Nguyễn Bình vào sách vở để ngâm nga những lúc mây chiều gió sớm, ngay các học sinh, sinh viên cũng vậy. Đặc biệt là có những người lớn tuổi, trước đây, chê thơ Nguyễn Bình là «buồn vay khóc mướn» là uỷ mị, ướm át, bệnh hoạn, lúc này vô

tình cũng ngâm lên mấy câu thơ của Nguyễn Bình và nhận là tuyệt cú, như những câu :

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Một người chín nhớ mười mong một người
Gió mưa là bệnh của trời
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.*

Hay :

*Bảo rằng cách trở dò giang.
Không sang là chẳng đường sang đã đành.
Nhưng đây cách trở đầu đình,
Có xa xôi mấy mà tình xa xôi !*

Hay :

*Nhà em có một giàn giầu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào ?*

Hay :

*Xuôi giòng nước chảy liên miên,
Đưa thân thể chị tới miền đau thương.
Mười năm gối hận bên giường
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh
Mười năm đưa đám một mình
Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên,
Mười năm lòng lạnh như tiền
Tim di hết máu ! cái duyên không về !*

Hay :

*Thế là tan một giấc mơ,
Thế là cả một bài thơ não nùng
Tuổi son, má đỏ, môi hồng
Bước chân về đến nhà chồng là thôi.
Đêm qua mưa gió đầy trời
Trong hồn chỉ có một người đi qua.
Em về thương lấy mẹ già
Đừng mong ngóng chị nữa mà uổng công
Chị giờ sống cũng bằng không
Coi như chị đã ngang sông đắm dờ*

Đại khái một ít văn thơ của Nguyễn Bính lúc đầu như thế. Có nhiều người trí thức không thích thơ về, có nhiều lúc vô tình ngâm lên rồi sau mới nhớ là thơ Bính : Nhưng đặc biệt là ở trong Nam số người yêu thơ của Bính có phần là đông hơn ở Bắc và Trung. Rất nhiều người đàn bà nằm võng ru con bằng thơ Nguyễn Bính, có nhiều cô gái quê gặt lúa, hái dâu buồn buồn cũng cất tiếng ngâm thơ Nguyễn Bính, còn chị em buôn bán ở các chợ thì thuộc thơ Nguyễn Bính vào hạng nhất.

HOÀNG LAN NHẬN XÉT RA SAO VỀ NGUYỄN BÌNH ?

- Còn Hoàng Lan, anh có nhận xét gì về Nguyễn Bính ?
- Vừa rồi, anh có dùng chữ «bình hoạn» để nói về thơ Nguyễn Bính. Tôi nhớ đã dùng chữ đó để phê bình thơ Nguyễn

Bính lúc tôi giữ mục phụ nữ nhi đồng trên báo «Tin mới» ở Hà Nội của bác sĩ Luyên và «Việt Nữ», báo phụ nữ văn học của Tô Châu Nho. Hồi đó, Bính giận tôi lắm, nhưng tôi không quản ngại. Anh có xa tôi, ít lâu, nhưng có lẽ về sau anh cũng thấy rằng nhận xét của tôi có đúng một phần nào nên anh em lại giao du như trước, nhưng lúc nào tôi cũng vẫn giữ nguyên lập trường : thơ anh hay đọc lên nghe sượng lỗ tai, việc đó đã đành, nhưng ở một nước đang tìm cách vươn lên để phá đồ xiềng xích của thực dân phong kiến, những lời thơ uỷ mị, bình hoạn như thế có hại nhiều hơn có lợi.

Tại sao Bính lại tạo ra những văn thơ như thế lúc bấy giờ ? Theo tôi, đó là tại lúc bấy giờ Bính sống vật vờ, vô định sở, không có bạn, dấn giắt, không có một phương châm tranh đấu. Chính anh cũng là một người bình hoạn cho nên chỉ tìm một lẽ lối sống còn dễ dãi, mặc cho đời muốn lôi kéo đến đâu thì kéo, không kỳ quản. Vì thế anh ham tất cả các dật dục vong nhân : rượu thích, phiện thích, nhưng đặc biệt nhất trong con người Nguyễn Bính là mê gái, mê không tả được, mê bất cứ người nào đề ý đến anh một chút, mê không cần phân biệt đẹp hay xấu, dở hay hay, mê đến nỗi anh em có người phải lấy làm lạ sao lại có thể yêu vô lý đến thế, yêu kỳ cục đến thế, yêu điên cuồng như thế. Nói cho cùng, người đàn ông nào — nhất là các người «có nhiều văn tinh chiếu mệnh hay chiếu thân»—mà lại chẳng có thời kỳ say sưa mê một một vài người đẹp, nhưng tất cả những người đó đều không có nghĩa lý gì bên Nguyễn Bính. Là vì Nguyễn Bính yêu ai—dù là yêu vụng nhớ thầm, yêu mà không được chia sẻ tình yêu — thì anh tưởng như có thể chết ngay vì người đẹp, do đó nhiều khi anh thành

ra một thứ người si ngốc, một thứ người «lắm cảm». Mà đặc biệt nhất là cứ yêu như thế chớ không cần biết là yêu để làm gì, yêu để đi đến đâu, yêu để thành một cặp nhân ngãi hay để thành vợ thành chồng... Không Nguyễn Bính không cần gì hết, cứ biết yêu là yêu thôi, phàm ai nói trái lại thì Bính cho là «không thực tế ai biết ngày mai ra thế nào mà xây mộng tương lai» và anh kết luận «yêu mà dự định thế này thế nọ là... phong kiến».

Nhắc tới đây, tôi không thể không nhớ lại nhiều câu thơ của Nguyễn Bính — nhất là những bài «Lỡ bước sang ngang» — trong đó hay nhắc nhở đến một người đàn bà tên «chị Trúc».

Em đi theo đuôi mối tơ duyên

Dò mãi lòng sông, sắm mãi thuyền.

Cho đến một hôm em mới nhớ

«Lòng người... chị Trúc nhớ hay quên?»

— Đúng vậy. Không cứ tôi nhiều người đọc thơ Nguyễn Bính cũng băn khoăn muốn biết «chị Trúc» là ai. Đó là một người bạn gái mà Bính gọi là chị? Hay là chị thực của Bính, mà nếu như thế thì là chị ruột hay chị họ? Hay là một người nào đó lớn tuổi hơn Bính mà Bính nhận là chị?

— Điều này, tôi không muốn nói ra, nhưng bởi vì anh hỏi, tôi đành phải nói. Theo lời tâm sự của thi sĩ Trúc Đường, một thân hữu của tôi từng sống gần gũi với nhau ở Hà nội cũng như ở ngoài kháng chiến, «Chị Trúc» trong các bài thơ của Nguyễn Bính có ý chỉ đến vợ Trúc Đường. Nguyễn Bính và Trúc Đường là anh em với nhau — nhưng anh em thế nào thì tôi không rõ. Hai người thân yêu nhau, có hồi cùng sống với nhau một nhà,

Bính yêu thương chị Trúc mà Bính cho là « người đàn bà lý tưởng. Trúc Đường cũng biết như vậy, nhưng anh không hề cho việc ấy là quan hệ và có lần chính anh đã nói « Như thế lại càng hay vì đó là cái cớ để cho Bính yêu đời hơn một chút ».

NGUYỄN BÌNH THỨ HAI XUẤT HIỆN HỒI NHỰT ĐẾN ĐÔNG DƯƠNG

Riêng phần tôi, cho đến lúc Tây xuống nước, Nhựt bắt đầu đồ bộ Đông Dương, thì cảm tình của tôi đối với Nguyễn Bình đã có phần nào thay đổi. Sự thay đổi về tình cảm đó bắt đầu từ khi tôi đi coi vở kịch « Bóng giai nhân » ở Hải Phòng : hôm ấy cả ba vai chính trong kịch đều tỏ ra xuất sắc, tôi bị hấp dẫn từ đầu đến cuối vở kịch và ngay lúc ra về tôi cảm thấy yêu cả Trần Huyền Trân, Vũ Hoàng Chương và Nguyễn Bình, và đêm hôm đó nằm chưa ngủ, tôi lầm nhảm một câu trong « Tỳ Bà Hành », bản dịch của Phan Huy Vịnh :

Mâm ngọc đâu, bỗng nảy hạt châu

Ngày một ngày hai, tôi không có ác cảm với Nguyễn Bình nữa và nhiều lần tôi muốn gặp lại anh, nhưng không may là từ lúc Nhựt đến cuối Tây đi thì không ai còn thấy bóng dáng Bính ở dưới trời Hà Nội nữa. Hỏi thăm các anh em thì có người bảo Bính đi Huế, có người bảo không biết anh ta ở đâu, lại có người bảo Bính cùng đi với Tô Hoài vào Nam. Đến tận lúc Việt Minh về, dành lại chính quyền cũng không thấy Bính đâu. Rồi Pháp trở lại, miền Nam kháng chiến, dân ta nổi dậy đánh Anh, Pháp bằng

gây tầm vông, tôi mới lại nghe thấy nói đến Bính và lần này thì tôi biết đích xác là anh ở trong Nam. Thỉnh thoảng một vài bạn gặp tôi lại đọc cho nghe một vài câu thơ mới của Nguyễn Bính gửi về :

Quán trọ nhà thơ, như chiêm bao

Khi thì chợ Quán, khi Đa Kao.

Hiện nay sống tạm bên cầu Muối,

Rồi biết mai kia ở chốn nào ?

Kính thăm tất cả người thân thích

Còn chuyện phương xa để lúc về

(Là lúc khải hoàn thân gió bụi)

Quê nhà, em sẽ kể anh nghe.

Lúc này tôi cũng được tin cho biết Nguyễn Bính từ lâu vẫn hoạt động cho kháng chiến. Từ lâu, dưới chiêu bài giảng hồ vô định sở, Bính đi khắp đó thì đây và chính vào lúc Anh Pháp mở những cuộc hành quân kêu là « càn quét » thì Bính ở Nam. Theo lời một người bạn đã chung sống với Bính lúc ấy thì thực dân đã bắt Bính ở Phú Nhuận đem về cầm giữ một thời gian và họ đã giữ nhiều giấy tờ, trong đó có bài thơ «Hành phương Nam» mà lời thơ hoàn toàn khác hẳn lúc Nguyễn Bính ở Hà Nội thương mây khóc gió, hận cho chị, giận cho mình.

Một Nguyễn Bính thứ hai xuất hiện với những bài thơ đánh thép, nuốt căm thù, thi gan cùng gian khổ với một ý chí sắt đá là đánh Tây, diệt Nhật, như những câu :

Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc,

Ly tán vì cơn gió bụi này.

Người ơi buồn lắm mà không khóc

Mà vẫn cười qua chén rượu đầy.

.

Rẫy ruộng châu ngọc thù son phấn,

Mắt đỏ lên rồi cứ chết ngay.

Hỡi ơi nhiếp chính mà bắm mặt,

Giữa chợ ai mà khóc nhận thấy.

.

Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ,

Uống say mà gọi thể nhân ơi... (1)

Hay những câu trong bài « Đồng Tháp Mười »

Kề từ khi

Đặt chân lên đất nước này

Giặc Pháp giở trò xâm lược,

Ngậm hờn vong quốc.

Tháp Mười chung oán hận với non sông.

Bông súng ngoài đồng

Bầm gan tím ruột

Nước phèn chua chát.

Lắng nổi đau thương...

Đốc binh Kiều thiên hộ Dương

Bóng cờ khởi nghĩa mờ trong gió sương

.

Chưa được mấy ngày vui độc lập

Miền Nam khói lửa đã tơi bời.

Giặc Pháp mặt người dạ thú

Toan bẻ nuốt sống ăn tươi

(1) Bài này cũng như bài « Đồng Tháp Mười » có đăng tải nguyên văn trong số này.

Cả nước Việt Nam
Cả người Việt Nam
Giặc thừa cơ hội
Gây cuộc xâm lăng.
Nổi cuộc xâm lăng
Gây chinh chiến đất bằng nổi sóng,
Xua binh qua chiếm đóng miền Nam.
Xứng đáng đồng bào Nam bộ,
Tháp Mười thét lên :
— Không hàng !

Bao nhiêu tình cảm của tôi đối với Nguyễn Bính lúc này vụt thay đổi hết. Nhân một chuyến vào Nam công tác cho tờ «Trung Bắc Chủ Nhật», tôi cố ý đi tìm Nguyễn Bính, nhưng vì công việc bận rộn một phần vì thời gian lưu lại Nam bộ bị hạn chế phần khác tôi không thể nào tìm được Nguyễn Bính để bắt tay một cái, trò chuyện đôi câu. Tôi đi tìm Nguyễn doãn Chu một người bạn Bắc nổi tiếng là «thồ công Saigon» thì được biết Chu đã mất, vợ về ruộng còn con trai ạnh, một bạn của Bính thì đã đi khu rồi. Thế là tôi đành phải về không và từ đó không còn bao giờ được gặp Nguyễn Bính nữa, cho tới sau vụ án «Trăm Hoa » « Nhân Văn ». Và năm 1966 thì được tin Bính đã ra người thiên cổ.

HẠN MANG MANG

Sống trong thanh bình, cơm no bò cưỡi, mà một hôm xấu trời được tin hết người bạn này đến người bạn kia tạ thế, lòng mình đi buồn lắm lắm rồi; riêng tin Nguyễn Bính qua đời

không những làm cho lòng tôi thêm rầu rĩ mà lại còn làm cho lòng tôi thêm khốn khổ. Mỗi khi nghe ngâm thơ Nguyễn Bình, lòng tôi lại nao nao nhớ lại thái độ của tôi đối với Nguyễn Bình lúc ban đầu. Đến lúc bắt đầu hiểu Nguyễn Bình một chút thì anh em đã mỗi người một ngã, trời dài đất rộng, hối hận mang mang vô tuyệt kỳ... nhưng bây giờ thì cũng chẳng còn cách gì mà cứu vãn được cái lỗi lầm chua chát cũ. Hôm nay, ngồi viết bài này nhớ thương Nguyễn Bình, tôi muốn khóc một người bạn không may nhưng chính tôi cũng cảm thấy mình không may vì đã mù lòa không nhận thấy một tài hoa, hơn thế lại còn khinh thường đả kích... đề đến khi tự cảnh giác, muốn gặp Nguyễn Bình để tự thú và tạ tội thì đã muộn.

Nguyễn Bình của « *Lỡ bước sang ngang* » ! Nguyễn Bình của « *Đồng Tháp Mười* » ! Viết bài này, tôi nhớ anh không biết chừng nào, thương anh không biết bao nhiêu vì tôi biết rằng không phải chỉ có một mình tôi không yêu anh, không hiểu anh hay lúc sống, mà còn bao nhiêu người khác nữa cũng thế, cả đàn ông lẫn đàn bà cả bạn trai lẫn bạn gái, nhất là bạn gái :

Người ta đã lấy cái giàu sang
Bỏ cả keo sơn cả đá vàng...

.

Em đi mất tích một mùa xuân
Đi để chôn vùi hận ái ân
Không hiểu nghe ai mà chị biết
Em về chị gửi một vuông khăn.

Em đã dùng khăn chị để lau
 Bao nhiêu nước mắt của u sầu.
 Em còn sợ nữa mùa thu tới
 Người ấy còn đan áo nữa đâu !

 Em vẫn nghe lời chị « Thủy Chung »
 Cho nên khăn chị vẫn phai hồng.
 Dem thân về ở vườn dâu cũ
 Buồn cũng như khi chị lấy chồng !

VŨ BĂNG

(Trọng Đông Kỷ Dậu)

VĂN
 HỌC Xuân Canh Tuất

NHỮNG MÙA XUÂN QUA KỶ NIỆM

- Của 50 văn thi sĩ tên tuổi tiền chiến và hiện đại góp mặt
- Bìa in offset mỹ thuật
- Giá phổ thông

Mộng Tuyết

CÁC TRỢ CÒN NGUYÊN GIÓ THẤT TÌNH

NGUYỄN BÌNH

với hai khía cạnh

nhà tình thất nhà thơ bình dân

Cô thư ký tòa soạn tập san Văn Học đưa cho tôi bức thư của anh Chủ bút và bản kê các tài liệu cần mượn.

Hôm nay có lẽ đã đến hẹn rồi đây, tôi lục tìm mấy tập thơ của Nguyễn Bình. Sự tìm tòi này đã mất một buổi vì trí nhớ lơ đãng của tôi. Còn viết về Nguyễn Bình như anh Chủ bút nhờ thì tôi thấy rất khó.

Về Nguyễn Bình tôi đã viết rồi, và thời gian giao thiệp chẳng có bao lâu, một bài «*Đề nhớ Nguyễn Bình*» của tôi trước kia đã từng đăng báo, và cũng đã in vào tập tùy bút «*Dưới mái trắng non*» rồi, tưởng cũng đã quá đủ.

Tôi đành phải từ chối vậy. Nhưng tôi nhớ bữa tiếp chuyện cô thư ký tòa soạn, tôi nghe văn vắn cô hẹn :

— Một tuần nữa cháu trở lại ! Bác nhớ cho cháu nhé !

Theo thói quen tôi gật, tôi chẳng lý hội được cho là cho

khoản nào, vì đọc lại lá thư anh chủ bút thì có lẽ cũng đôi ba vấn đề.

Vậy tôi đã gặt là gặt khoản nào ? Nếu chiều nay hai chị em cô Phương Khanh lại đèo nhau tới Quỳnh lâm thư thất mà không có gì đưa cho cô, chắc là cô sẽ buồn buồn, mà hai chị em lại đèo nhau ra về không, trong lúc nhá nhem tối, ở cái ngõ Lam sơn xa vắng này thì cũng đáng buồn thiệt.

Huống nữa, cô thường đến thăm tôi vào buổi hoàng hôn, khi cô ở tòa soạn ra, tôi hay tiễn cô ra cổng, thì tôi thấy một cô thiếu nữ đứng dưới gốc liễu bên chiếc xe Honda mà đợi cô chị. Tôi đã từng so sánh hai chị em này giống như các cô sinh viên Văn Khoa cũng thường đèo nhau tới thăm tôi vào một buổi chiều buồn nào đó.

Tôi đã theo dõi vết xe của hai chị em này cũng như tôi đã theo dõi vết xe của các cô sinh viên văn khoa nọ.

Tôi đắm ra trầm ngâm và tôi thấy tôi chẳng đành từ chối nữa.

Tôi phải lục lọi trong ký ức, mà là trong ký ức tôi đang ở trong thời kỳ phức tạp nhất, lộn xộn nhất, mà có lẽ cũng chi-li hơn bao giờ hết.

Tôi đã soạn được mấy tập thơ mộng của Nguyễn Bính .

- Người con gái lầu hoa
- Lỡ bước sang ngang
- 12 bến nước
- Mây Tần

Tôi gặp trong tập *Mây Tần* có bài thơ chữ Hán và bài thơ dịch, tôi sao y theo sách :

Thơ chữ Hán

(Lời một sư nữ nhớ nhà)

*Bạch phát thời nhân sồ quá quan
Ngã qui cố tự bất thanh nhân
Ni cô tảo giá Bồng lai quốc
Hòa thượng vân du yêu tử san
Cổ quận mẫu thân do chức cầm
Đương thời tiểu muội dĩ tài lan
Ký như tráng sĩ yên kinh khứ
Nhất quá mê tân bất nhĩn hoàn*

Bài dịch ,

(của cô Mộng Tuyết, Hà Tiên)

*Qua cửa già nua đã mấy người
Về chùa chi tiết thú tã vui
Bồng lai cô vãi vừa cho cưới
Yên tử nhà sư những mãi chơi
Cung gấm mẹ già đang bận rộn
Chồi lan em gái đã xinh tươi
Như anh tráng sĩ qua sông Dịch
Qua bến sông Mê bước chẳng lùi.*

Mùa thu năm tân tỵ

1941

Gặp lại bài thơ dịch từ 28 năm qua, bài thơ mà tôi không có ghi lại, cho nên chỉ biết là có dịch mà không còn nhớ một câu nào. Nay đọc lại tôi mới chợt nghĩ ra cái nguyên nhân tôi quen Nguyễn Bình là ở trường hợp này đây.

Mùa thu năm 1939 chúng tôi ra chơi Hà nội, gặp Vũ Trọng Can ở chung với anh Lê Tràng Kiều — Ngày Nguyễn Bính vào Huế là cùng vào với Vũ Trọng Can.

*Chúng tôi hai đứa xa Hà nội
Bốn tháng hình như kém mấy ngày
Lăn lóc có dư mười mấy tỉnh
Đề rồi nằm mốc ở nơi đây.*

«Nằm mốc» ở Xóm Ngự viên hình như con một chàng thi sĩ trẻ của Xứ Bình định nữa, Yến Lan tức Xuân Khai. Khi đó Yến Lan đã có từng vào chơi Hà tiên với anh Lê Tràng Kiều. Vũ Trọng Can thì đã có gặp chúng tôi ở Hà nội. Duy có Nguyễn Bính là chưa biết. Khi đó nhà văn trẻ Vũ Trọng Can «xúi» Nguyễn Bính viết thư vào Hà tiên làm quen bằng cách gởi bài thơ chữ Hán trên kia đề nhờ Cô Mộng Tuyết dịch.

Nhân đó mà mới có dịp thư từ rồi sau đó Nguyễn Bính vào Sài Gòn. Rồi mới vào Hà tiên hơn một năm sau nữa.

Lúc ở Huế, cái bọn thi sĩ lãng mạn đó gởi vào Hà tiên bài thơ *Xóm Ngự Viên* và những bức thư dài tôi nhớ phảng phất có hình ảnh ngông ngông như thế này :

Chúng tôi ba đứa Bính, Can và Yến Lan đi chơi trong các đường mòn rêu phủ của xóm Ngự Viên bứt những giấy hoa đại quăng vào cỏ nhau mà hát nghêu ngao v.v...

Những ngày ở Hà tiên, Bính thường tâm sự với tôi vì Bính đã coi tôi như người chị đề cho Bính trút nỗi u tình đã làm cho đời Bính phải điêu đứng dở dang...

Bính bảo tôi :

— Chị Tuyết có đọc tập «Hương cổ nhân» của Bính chứ !

Chị hiểu thế nào về chữ đó. Tôi cười tỏ ý khinh thường, thì Bình nghiêm mặt và bảo : Không phải nghĩa thông thường như mọi người hiểu đâu — Chị đừng lầm.

Hương ! cố nhân phải đọc như thế mới đúng — Phải người cố nhân tên *Hương*, chứ không phải mùi hương của cố nhân.

Tôi không tò mò để biết Hương của Bình là ai, nhưng tôi thấy Bình rất khổ sở khi nhắc đến mối tình này :

Thoạt tiên thì nhẹ nhàng như :

*Kề từ hai đứa quen nhau
Em thường chẳng có đêm nào không say
.
Lạ quá làm sao tôi cứ buồn
Làm sao tôi cứ khổ luôn luôn
Làm sao tôi cứ tương tư mãi
Người đã cùng tôi phụ rất tròn !
.
Mơ có năm năm đã vội tàn
Có nàng đan mãi áo len đan
Có nàng áo đỏ đi qua đây
Hương đượm ba ngày hương chữa tan
.
Mà hương đượm mãi ở hồn tôi
Tôi biết là tôi yêu mất rồi,
Tôi biết từ đây tôi khổ lắm
Chiều nay gió lạnh đây nàng ơi !*

Rồi mát mẻ như :

*Tất cả mùa đông đan áo len
Cho người cho tất cả người quen*

*Còn tôi người lạ, tôi người lạ
Cố cũng nên mà không cũng nên.*

.

*Cố người trong gió rét mùa đông
Chăm chỉ đan cho trọn áo chùng
Còn bảo : « đường len đan vụng quá
Lần đầu đan áo kiểu đàn ông ».*

.

*Vâng chính là cô chưa yêu ai
Lần đầu đan áo kiểu con trai
Tôi về thu cả ba đông lại
Đốt hết cho cô khỏi thẹn lời.*

Rồi chua chát như :

*Trời mưa ở Huế sao buồn thế
Cứ kéo dài ra đến mấy ngày
Xa xôi ai nhớ mà thương nhớ
Mà nhớ mà thương đến thế này.*

.

*Cố nhân liền phụ cố nhân ngay
Mưa chiều nắng sớm người ta bảo
Cả đến ông trời cũng đổi thay.*

Cho đến hẳn học như :

*Người ấy xuân già chề gối lẻ
Nên người nông nả chuyện sang sông
Đò ngang bến dọc tha hồ dấy
Quý hóa gì đâu một chữ đồng*

Bính kể thực nhiều, chuyện tâm tình của các người anh em liên hệ với Bính, chuyện Thâm Tâm, chuyện T.T.Kh, chuyện Tuấn Trình toàn là những thiên tình sử nên thơ mà mà lúc đó ai cũng muốn biết.

Tôi đã lên mặt kẻ cả mà an ủi Bình đừng nên nghĩ đến chuyện trách người mà chỉ nên tạo sự nghiệp, nhất là phải tự trách mình trước. Bình đã yêu, thì Bình phải tỏ ra có cái gì xứng đáng với người con gái đó chứ ! Rồi tôi nửa đùa nửa thật bảo :

Bình đã chẳng là ông hoàng tử đẹp trai, Bình cũng chẳng có kim ốc để mà trừ a kiêu. Bình chỉ có hai mái tóc bông sữa chàng Phan tiêu tụy. Câu thơ *Tài thi dạ, mẫn tự bông* ngâm chơi thì cũng thú đó, nhưng ai có gan uống nước lã mà nhìn nhau mãi ư ?

Còn tài thơ của Bình thì đáng yêu thật nhưng đối với các cô thiếu nữ yêu thơ mà chẳng làm được thơ kia. Chứ đối với cố nhân của Bình thì tài thơ của Bình đâu đã hơn *người con gái* đó. Vậy Bình nên quên đi là phải.

Thế là Bình dối luôn mấy bữa vì bảo là Chị Tuyết cũng *binh người ta* mà ghét Bình nữa rồi !

Nghĩ cũng tội cho Bình, nếu đời Bình sớm có được một bàn tay dịu hiền để săn sóc, có được một mái nhà êm ấm, vợ đẹp con khôn thì đâu đến phải suốt đời nằm quán trọ khóc cô đơn :

*Trôi giạt dăm mong gì vướng víu
Sòng đời thua hẳn cả thơ ngây
Rồi đến phải giận đời mà khinh bạc :
Thuốc lào hút mãi người ra khói
Thơ đọc suông tình hết cả say.
Túi rỗng nợ nần như chúa Chờm
Áo quần trộm mượn túi đồ thay.*

Trong lúc chàng thi sĩ trẻ của chúng ta từ già Chị Trúc ra đi hứa hẹn :

*Em đi kiểm gạch Bát tràng
 Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân
 ...Mấy lần em tính chị ơi
 Làm quà cho chị một người em dâu...*

Hồ bán nguyệt chẳng bao giờ chàng thi sĩ xây xong, vì thi sĩ vốn xa thực tế thì làm sao mà mua được gạch Bát tràng. Món quà « người em dâu » cho chị Trúc cũng không bao giờ thực hiện được.

Cho nên Bính mới phải « lưu lạc Phương Nam này » mà ngậm ngùi :

*Lắm khi thấy thiếu lời an ủi
 Nhưng kiếm đâu ra dẫu một lời.*

Đời tình cảm của Bính thì lận đận, nhưng mà thơ của Bính thì rất được các cô thiếu nữ yêu. Thuở đó các cô học trò nào lại chẳng có tập thơ chép tay chép những bài thơ « Hai sắc hoa Ti-gôn » của T.T. Kh. Cô nào mà chẳng thuộc :

*Nhà em có một vườn trầu
 Nhà anh có một hàng cau liên phòng*

.

*Gió mưa là bệnh của trời
 Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.*

.

*Lần đầu chị bước sang ngang
 Tuổi son sông nước đò giang chưa tường
 ...Chị từ lối bước sang ngang*

Cái tập thơ Lỡ bước sang ngang đó chẳng biết nhà Hương sơn in đến nghìn thứ mấy. Ngày tôi còn bán sách ở

Yiêm Yiêm thư trang thì tập thơ *Lỡ bước sang ngang* là tập thơ được phát hành nhiều nhất — Ai cũng mua, ai cũng thuộc. Vì lời thơ dễ dàng bình dị, bình dị có thể lẫn lộn với ca dao mà không thấy gượng ép cầu kỳ như câu của thi sĩ họ Bàng.

*Hỏi cô tát nước bên đàng
Sao cô lại múc trăng vàng đổ đi.*

Nói gượng ép cầu kỳ là nói về phương diện ca dao, vì nó vẫn còn sang còn giàu quá.

Đọc những câu của *Lỡ bước sang ngang* :

*Tầm em ăn đỏi hôm nay
Hái dâu em bận suốt ngày hôm qua
Mong sao tầm tốt tơ già
May đôi áo nái làm quà cho anh*

.

*Hẹn cho một hẹn anh chờ
Em may áo nái bao giờ cho xong
Lạy trời tắt gió ngang sông
Qua đò biểu áo yên lòng em tôi,
Nghe thực bình dị có khác gì câu :
Hôm qua tát nước đầu đình...*

hoặc :

*Thương nhau cỡi áo cho nhau
Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay.*

Thi sĩ đã mượn ý *tắt gió ngang sông* để nói về chuyện biểu áo thì thực dí dỏm tài tình đúng là những lời của ca dao muôn thuở.

Cái nhan của tập thơ *Lỡ bước sang ngang* lại cũng rất hợp với tuổi trẻ lúc bấy giờ. Chuyện tình có trái ngang, có rẽ lối, có đợi chờ, có thương tiếc thì mới đẹp, chứ thuận chèo mát mái thì

đâu có nên thơ, cho nên tuổi mơ mộng cô học trò nào cũng thích.

Lúc đó, nhà có con bé làm việc nhà độ 14, 15 tuổi, người đen dòn của các thiếu nữ thôn dã, nét mặt sáng sủa. Khi tới xin việc, xưng tên là Ba, nhưng nhà nhiều chị ba quá, nên cho nó một cái tên kép mà gọi là Ba Thu.

Ban ngày thì làm việc, buổi chiều tối cắp sách đi học lớp bình dân ở trường Trương Minh Ký ngay trước nhà Yiễm Yiễm Thư Trang. Con bé học đến lớp nhất sửa soạn lên lớp tiếp liền đề thi qua đệ nhất.

Cả nhà ai thấy Ba Thu có chí cũng thương. Một hôm đang ngồi giặt quần áo thì nó phát lên hỏi :

— Cô năm ơi ! Cô năm, nhà mình có bán thơ *Lỡ bước sang ngang* không ?

— Sao không có, thiếu gì đang trước kia ! Ba Thu hỏi chi vậy ?

— Con nghe tụi bạn học nói thơ đó hay lắm. Cô cho con mượn coi, mà thôi để con mua một cuốn, để cho tụi nó mượn chép luôn. Cô hàng sách trêu nó :

— Ba Thu biết thơ *Lỡ bước sang ngang* là thơ gì, như thơ Phạm Công Cúc Hoa vậy không ? Nói trúng cho một cuốn khỏi mua.

Ba Thu thích quá cười bày hàm răng hô :

— Cô năm thua rồi ! Nó là tập « thi » của Nguyễn Bính, con còn thuộc mấy câu để đọc cho cô nghe :

Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông

Trai thôn Đoài nhớ trầu—không thôn nào?

rồi nó thêm :

— Sao kỳ quá, trầu thì trầu, còn *trầu không* là trầu gì ?

Ấy thơ Nguyễn Bình phổ cập đến như vậy có lẽ nhờ bốn chữ *Lữ bước sang ngang* gợi tánh tò mò cho những tâm hồn ngây thơ thuở lãng mạn thanh bình xưa. Còn những tập khác như *Mây Tần*, *Người con gái lầu hoa*, *12 bến nước* lời cũng bình dị dễ dàng nhưng ít phổ cập hơn.

Lúc đó các cô thuộc thơ Nguyễn Bình cũng như bây giờ các cô thuộc thơ « thép súng » của các thi sĩ tiền tuyến, mà một hai khi cũng hây còn nghe hát :

Bỏ thuyền, bỏ bến, bỏ dòng sông
Cô lái đò kia đi lấy chồng...
Vắng bóng cô em từ dạo ấy
Đề buồn cho những khách sang sông

MỘNG TUYẾT Thất Tiều Muội

19-12-1969

VĂN
HỌC Tân Xuân

NGUYỄN - TUÂN
Lữ « Một chuyến đi »

Tế Xuyên
hai giai thoại về
NGUYỄN BÌNH
ghét cay ghét đắng
hạng trọc phú hiệu danh

Tôi không bao giờ quên con người ấy.

Đầu bù tóc rối, nét mặt trầm tư, lăm lăm, anh đi ngoài phố, có thể đụng người ta mà không cần nửa tiếng xin lỗi. Tuy hồi ấy chưa có phong trào Hippie nhưng so sánh với các Hippie ngày nay, anh có thể là một Hippie về quần áo và đầu tóc, song không có râu vì hồi đó chưa có phong trào để râu.

Con người ấy là nhà thơ Nguyễn Bình năm 1944—1945 ở Saigon khi quân đội Nhật chiếm đóng Đông Dương rồi gây ra cuộc đảo chính Pháp.

Một nhà thơ ở giữa chốn phồn hoa, nhan nhản những kẻ giàu nhờ chợ đen, chợ đỏ như kiểu các gian thương bây giờ, làm sao chẳng ôm một tâm sự buồn chán. Nguyễn Bình ghét cay ghét đắng bọn «trọc phú» nên có dịp là anh thốt ra oán hận họ trong những vần thơ.

« LÀM THƠ ĐEM BÁN CHO THIÊN HẠ »

Năm Ất Dậu, tôi đang nắm bút quyền ở tờ Dân Báo, một nhật báo do ông Trần văn Hanh làm chủ nhiệm. Ông Hanh còn là Hội trưởng Hội Bắc Việt Tương Tế nữa.

Do đó mà Nguyễn Bình nhờ một hội viên của hội Bắc Việt Tương Tế cũng là một cây bút cộng tác với Dân Báo, làm môi giới cho anh bán bản quyền cuốn kịch thơ «Nguyễn Trãi» của anh, nhưng ông Hội trưởng BVTJ hồi ấy đa đoan công việc nên chưa dịp quyết định.

Ông bạn trung gian sẵn dạ liên tài, muốn giúp nhà thơ có chút tiền tiêu Tết bèn đề nghị với tôi yêu cầu Nguyễn Bình làm cho một bài thơ đăng trong Dân Báo số Xuân. Tôi ưng thuận liền và ông bạn thay mặt nhà báo lo tính việc ấy.

Muốn cho «danh chánh ngôn thuận» ông bạn mời nhà thơ đến chơi tòa soạn ở đường Sabourain (Ta thu Thâu). Rủi tôi đi vắng Nguyễn Bình phải tiếp xúc với ông chủ nhiệm tờ Dân Báo, vốn quen sống trong bầu không khí doanh thương.

Tuy là người có kinh nghiệm việc đời, có xã giao, ông cũng vốn vã đề cao Nguyễn Bình. Chưa đọc thơ Nguyễn Bình nhưng chắc là ông từng nghe chị hàng xóm ru con bằng bài «Lỡ bước sang ngang» hay cậu con trai lớn của ông rêu rao bài «Hà Nội 36 phố phường» rất thích hợp với tuổi thanh niên đi «bát phố» để nhìn vào các nhà có người đẹp. Thơ Nguyễn Bình hồi đó lan rộng trong các gia đình như tiếng hát Hùng Cường ngày nay trên sân khấu tân nhạc.

Ông chủ nhiệm Dân Báo, khi nghe ông bạn ngỏ ý Nguyễn Bình sẵn lòng viết giúp một bài thơ đăng trong số báo Xuân, liền đáp,

— Quý lắm ! Tôi rất cảm ơn Ngài (1). Nhân dịp xin nói

(1) Tiếng «Ngài» cách đây 25 năm là tiếng xã giao đề tỏ sự tôn trọng người đối thoại.

đề Ngài biết : ở đây chúng tôi tính tiền nhuận bút với các cộng sự viên là 2 đồng một trương giấy viết (khổ giấy học trò).

Nguyễn Bính nghe mà ngao ngán và chắc nhớ lại câu thơ Tản Đà : « Văn chương hạ giới rẻ như bèo ». Ông chủ nhiệm Dân Báo đâu có quen việc « mua văn bán chữ » đâu có nghĩ đến rằng một bài thơ khác một bài khảo luận, một bài truyện ngắn, mà có thể tính tiền theo trang.

Ông bạn trung gian lạnh trí, nghĩ ngay cách ngăn chặn phản ứng của Nguyễn Bính mà ông biết là một phản ứng nặng khi lòng tự ái của nhà thơ bị xâm phạm. Ông nói :

— Xin ông chủ nhiệm khỏi quan tâm, ông bạn Nguyễn Bính tôi đã nói chuyện về tiền nhuận bút với ông chủ bút rồi.

Câu chuyện đến đây kết thúc vì nhà thơ không còn hứng thú mà nói thêm « ba điều bốn chuyện » nữa. Ngay hôm sau Nguyễn Bính đem đến tòa soạn cho tôi bài thơ Tết, với cái tựa « Sao chẳng về đây » như sau :

*Lối dò như son tới xóm Dừa,
Ngang cầu diêm diêm hạt mưa thưa.
(Xuân sang, xao xuyến lòng tôi quá !)
Tôi đã xây tròn sự nghiệp chưa ?
Ở mãi kinh kỳ với hút nghiên,
Đêm đêm quán trọ thức thi đèn.
Làm thơ đem bán cho thiên hạ,
Thiên hạ đem thơ độ với tiền.

Chẳng đợi mà Xuân vẫn cứ sang,
Phồn hoa thôi hết mộng huy hoàng.
Sớm nay sức tỉnh sầu đô thị,
Tôi trở về đây rất vội vàng*

*Ở đây vó số những trời xanh...
 Và một con sông chảy rất lành,
 Và những tâm hồn nghe rất đẹp,
 Từng chung sống dưới mái nhà tranh.
 Sao chẳng về đây mức nước sông ?*

Tôi đọc xong bài thơ, mỉm cười và tấm tắc khen :

— Hay thật... Nhất là hai câu : « *làm thơ đem bán cho thiên hạ, — Thiên hạ đem thơ đọc với tiền* ». Tôi cũng từng qua cảnh ấy, song tôi « *Làm văn đem bán cho thiên hạ* » chứ đâu có được « *làm thơ* » như anh. Bây giờ tôi chỉ xin anh cho tôi đọc quyền thưởng thức hai câu thơ « *ai oán* » này, còn với độc giả tờ báo, xin anh cho hai câu khác vui hơn : « *Ngày Xuân gảy khúc đoàn trường ấy chi ?* »

Vì Nguyễn Bình với tôi chưa phải chỗ thâm giao nên còn giữ tế nhị. Tôi hiểu thâm ý của Nguyễn Bình muốn « *trách khéo* » ông chủ nhiệm Dân Báo ở chỗ ông đã ra giá « *2 đồng 1 trang* » không phân biệt một tác phẩm văn nghệ. Nguyễn Bình cũng thông cảm sự lúng túng của người chủ bút một tờ báo mà chủ nhiệm bị « *chửi mát* » nên anh vui lòng cầm bút sửa lại hai câu thơ là :

*Sốt sa một buổi soi gương cũ,
 Đa lệch bao nhiêu mặt chữ diển.*

Tôi kêu anh tùy phái xuống ty quản lý lấy 25 đồng, bỏ vào bao thơ trao Nguyễn Bình. Tôi tưởng là số tiền thù lao ấy không đến đời quá hạ vì lương tôi hồi ấy có 60 đồng và số báo Xuân bán có 3 đồng, sau ông bạn trung gian nói cho tôi hay phải bỏ thêm tiền túi ra cho đủ 40 đồng vì Nguyễn Bình đã định giá mỗi câu thơ 1 đồng.

«TRỌC PHÚ TI TOE BÀN CHÁNH TRỊ»

Cái tánh hờn ghét bọn nhà giàu bất nghĩa còn ăn sâu mãi trong tâm khảm nhà thơ đau khổ trong thể xác và tinh thần (có lúc thiếu ăn nữa.)

Hồi đó Nhứt đảo chánh Pháp xong, có những phong trào ái quốc nổi lên. Sau 80 năm nô lệ, dân Việt Nam hân hoan tham gia các phong trào ấy, dù biết rằng còn phải tranh đấu nữa để ra khỏi tình cảnh «dịch chủ tái nô».

Có những nhà buôn bán, đầu cơ, bám víu vào người Nhứt mà giàu có cũng muốn đóng một vai trò trong vận hội mới. Trong đó, một «trọc phú» muốn bỏ tiền ra (chưa phải là «tung tiền») để chiêu hiền đãi sĩ. Ông ta tổ chức trên lầu nhà ông mỗi tối một cuộc đàm thoại về văn chương, chánh trị bên chén trà, đĩa bánh. Ông cũng khéo mời nên Nguyễn Bính và Nguyễn văn Cồn (hồi ấy cũng là nhà thơ, tác giả cuốn *Nước Tôi*) và một số đông «chánh khách» thường tới dự cuộc mạn đàm.

Ông trọc phú còn có cô em gái lớn tuổi cũng giàu có lắm vì cũng đi buôn bán với Nhứt như ông. Cổ nhiên cô cũng theo gương anh mà... khích lệ hơn tài. Phục thơ Nguyễn Bính, cô thuyết phục nhà thơ bỏ hút để sau này đem tài năng ra giúp nước. Nhiều lần nghe cô đưa ra những câu «dao to búa lớn» Nguyễn Bính cũng nể lời và ưng thuận uống thuốc «cai». Hiệp ước danh dự này được ký kết theo khẩu ước giữa hai phe: một bên là nhà thơ và một bên là hai anh em nhà trọc phú. Với điều kiện là số tiền mua thuốc «cai» a phiến,—chỉ có 600 bạc thôi—hai anh em ông này chịu hết.

Sáng hôm sau, Nguyễn Bính đến nhà ông anh ở Saigon lãnh 600 đồng và liền sau đó lại đến nhà cô em ở Gia Định lãnh 600

đồng nữa... Đề bỏ hút. Nếu nói là nhà thơ chơi lối « Tỏ tôm hai lưng » cũng được. Hay nói là anh « thầu thuế » hai lần của hai người muốn mua chức « mệnh thường quân » cũng đúng. Mất có 600 đồng mà ông anh, cô em có thể vỗ ngực rêu rao : « Tôi đã giúp Nguyễn Bình làm lại cuộc đời ! ». Rẻ chán. Mua chức lý trưởng ở nhà quê cũng còn đắt giá hơn nhiều.

Nhưng hai anh em lại « bán rao » câu chuyện này với bạn bè và cho rằng nhà thơ không trọng chữ « tín » — (Chắc là trên chợ đen, chợ đỏ họ cũng đã quen trọng chữ « tín » lắm và không hề gian lận một xu của ai).

Nguyễn Bình nghe được câu chuyện, thở dài, tâm sự với một người bạn :

— Mình tan nát cả cuộc đời để sáng tác được ít bài thơ hay cho mấy ông ấy thưởng thức. Té ra họ cho thơ mình chẳng đáng gì cả, không bằng 600 bạc của họ.

Vài hôm sau, một tờ báo ở Saigon đăng bài thơ « Cảm tác » của Nguyễn Bình :

*Trọc phú ti toe bần chánh trị,
Đĩ già tấp tênh nói văn chương.
Đã coi đồng bạc to như núi,
Lại còn huênh hoang thói mệnh thường.*

Và có lẽ ôm một tâm trạng bất mãn xã hội sau này vẫn còn đầy rẫy « trọc phú » với « đĩ già » vô liêm sỉ, gian ngoan, mà Nguyễn Bình đã bỏ miền Nam đi tìm một xã hội khác mà anh mong là « lý tưởng » hơn. Nhưng tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa, anh đã lạc vào một « thiên đàng » hữu danh vô thực.

TẾ-XUYÊN

Sơ n Nam

NGUYỄN BÌNH

Hội trưởng Hội văn hóa cứu quốc Rạch giá

Đây là những ghi chép vụn vặt về cổ thi sĩ Nguyễn Bình. Chúng tôi viết lại để giúp phần nào các bạn đọc hiểu thêm về bao nhiêu nhọc nhằn mà con người văn nghệ phải gánh chịu khi muốn dẫn thân, dùng văn nghệ để phục vụ đất nước — một đất nước cụ thể không phải là tấm bản đồ chữ S với đỉnh trăm bấc khối nhưng là sông rạch bùn lầy, bữa ăn không hẳn là gồm những món ăn « dân tộc » như cam Cái Bè, sầu riêng Lái Thiêu nhưng là rau sống mắm kho, hoặc tẻ hơn, rau choai đọt dớn thay cơm.

Đầu vào năm 1947, tôi gặp thi sĩ Nguyễn Bình ở tại làng Vĩnh Hòa, rạch Thầy Quơn, quận Gò Quao, tỉnh Rạch giá. Làng Vĩnh Hòa ở ven sông Cái Lớn, sát bờ sông là vùng đồng ruộng khá phì nhiêu, đất tốt có thể trồng dưa hấu và rau cải, phía trong là địa phận vùng U Minh Thượng.

Đến làng Vĩnh Hòa, người kháng chiến chống Pháp có thể tự hào rằng mình đã đến U Minh, đã chịu đựng đau khổ gian lao đến mức tuyệt đỉnh. Nhưng hơi ội, đó là huyền thoại mà thôi. U Minh là địa danh quá tổng quát. Nói rằng U Minh là nơi nước mặn đồng chua thì chẳng khác nào nói rằng Saigon là nơi tiền bạc nhiều

như nước hoặc miền Trung là xứ thông gầy (Ở U Minh, có nhiều ông đại điền chủ ở nhà ngói đầy đủ tiện nghi, ở Saigon có nhiều người kiếm tiền không ra và ở miền Trung vẫn có nguồn lợi về tơ lụa, quế, dừa).

Nguyễn Bình đến làng Vĩnh Hòa, ven rừng U Minh. Đây là một làng thành lập từ đời vua Tự Đức, có đình chùa, dân chúng đã khẩn hoang, tạo lập vườn cao, vườn dừa. Nguyễn Bình sống sống lang thang, nay ăn cơm nhà này, mai uống rượu nhà kia. Đi lang thang là sung sướng, được ăn nhiều món ngon vật lạ, được uống rượu. Chủ nhà không bao giờ nhàm chán bọn tân khách. Và tân khách cứ đóng vai trò con chuồn chuồn "khi vui nó đậu, khi buồn nó bay".

Lần đầu tiên, tôi gặp Nguyễn Bình trong căn nhà ngói khá cồ kỉnh. Chủ nhà là cựu hương chức hội tề, con trai con gái đều làm cán bộ. Nguyễn Bình được đối xử như "cán bộ lớn", thuộc cấp tỉnh. Anh ngồi trên ghế trường kỷ, uống rượu với chủ nhà. Anh mời tôi đến đề bàn chuyện lập hội Văn Hóa Cứu Quốc tỉnh Rạch Giá. Đạo ấy, tôi bắt đầu tập tành viết bài cho nội san của tỉnh bộ Việt Minh.

Nguyễn Bình thuộc vào hạng nhỏ thó, cao chừng một mét năm mươi hoặc năm mươi hai phân là nhiều, cằm vuông, trán cao và vồ ra, vai ngang hơi rút lại, lưng hơi cong, đầu ngả ra phía sau. Người miền Nam gọi đó là cái tật có "ức cu", nghĩa là cái xương ức nổi lên mấy be sườn trước ngực nhô lên như con... chim cu (cu không phải là con bồ câu, có lẽ người miền Bắc gọi là như vậy) Khi đi, người có tật này cứ đưa cái ngực ra phía trước, đầu và cổ ngả về phía sau vì xương sống uốn cong.

Bởi vậy, thoạt nhìn qua, khó mà có cảm tình với Nguyễn

Bính. Rõ ràng là con người ngạo mạn, luôn luôn uốn ngược — mặc dầu đó là cái tật trời ban cho.

Chúng tôi bàn chuyện văn nghệ. Lần hồi, Nguyễn Bính xem tôi là bạn tri âm — tạm gọi là tri âm ở cái vùng thiếu văn nhân thi sĩ. Nguyễn Bính xem tôi là người « có thể đoàn kết được » để thành lập cái hội Văn hóa nói trên.

Như đã nói, năm ấy tôi chưa làm được thành tích gì về văn nghệ — mới có 21 tuổi — trong khi Nguyễn Bính được nổi danh... từ Bắc chí Nam. Anh nề tôi, làm quen với tôi vì trong đám người mù — mà về văn chương — có kẻ chột mắt là tôi.

Nói cho rõ hơn, hồi mấy năm học ở Cần Thơ, tôi thường đọc quyển Thi Nhân Việt Nam của Hoài Thanh Hoài Chân nên thuộc lòng vài bài thơ của Nguyễn Bính và biết vài nét về tiểu sử, đại khái, Nguyễn Bính sanh ở làng Thiện Vịnh tỉnh Nam Định. Ngoài những bài trích trong Thi Nhân Việt Nam, tôi còn đọc vài bài khác trích từ Hương cố nhân, Một nghìn cửa sò. Và có lẽ Nguyễn Bính lấy là vui sướng khi nghe tôi nhắc đến những tập văn xuôi của anh, thí dụ như tập Mưa Xuân, Không Nhan Sắc...

Tôi e ngại việc thành lập Hội Văn Hóa Cứu Quốc ở tỉnh nhỏ không đem đến kết quả nào.

Nguyễn Bính nói:

— Ở Trung Ương có Hội Văn Hóa Cứu Quốc, tại sao ở tỉnh ta không có ? Cứ thảo ra bản điều lệ, bầu ban chấp hành đề mà... hoạt động, tìm thế đứng.

Tuy không phải là chính trị gia nhà nghề nhưng tôi đã hiểu ngay thâm ý của Nguyễn Bính. Nếu lập ra Hội Văn Hóa nói trên thì mặc nhiên Nguyễn Bính được bầu làm Hội Trưởng. Mỗi hội,

đảng phái đều có quyền cử đại diện vào Tỉnh Bộ Việt Minh theo điều lệ của Mặt Trận Việt Minh.

Như vậy, mặc nhiên Nguyễn Bình trở thành lãnh tụ một đoàn thể, ngang hàng với Hội Nghiên Cứu Mác Xít (tức là Đảng Cộng Sản), với đảng Dân Chủ, với Đoàn Thanh Niên Cứu Quốc... Trong thực tế, hội Văn Hóa do Nguyễn Bình đề xướng chỉ gồm có vài ngoe. Nguyễn Bình đã thành công trong việc đấu tranh chánh trị, được quyền tiếp xúc với ủy ban hành chánh tỉnh đề xin phương tiện làm việc. Nói theo ngôn ngữ ngày nay thì trong Ủy ban Việt Minh tỉnh, Nguyễn Bình trở thành nhân vật quan trọng số bốn, số năm. Ủy ban Việt Minh thuở ấy đóng vai trò lập pháp, bên cạnh Ủy ban Hành Chánh (vai trò hành pháp), tạm so sánh như thế, về hình thức.

Nguyễn Bình tưởng mình đã thành công !

Nhưng nhìn cho kỹ thì anh đã lầm lẫn. Ai dám tin cậy anh, giao cho anh trách nhiệm quan trọng ? Anh chỉ là một Ủy viên, chức vụ chủ nhiệm và tổng thư ký tỉnh bộ Việt Minh đã nằm trong tay người khác rồi. Và cái hội Văn Hóa Cứu Quốc hữu danh vô thực đã gây thêm chút ít uy thế, về hình thức tập hợp đông đảo cho tỉnh bộ.

Tháng ấy, tôi không còn nhớ rõ, trong cuộc lễ ở làng Vĩnh Hòa, ngày lễ gì tôi cũng quên vì đã hơn 20 năm rồi, đồng bào địa phương mời Hội Văn Hóa Cứu Quốc tỉnh đến tham dự.

Nguyễn Bình và tôi đến địa điểm cuộc lễ, cách trụ sở hội Văn Hóa không xa. Gọi là trụ sở cho oai chớ thật ra đó là nhà của đồng bào, Nguyễn Bình và một cậu bé liên lạc đến ngủ nhờ trên bộ ván vậy thôi.

Cán bộ địa phương bày ra bàn thờ Tò Quốc, giữa sân, bên cạnh kỳ đài.

Anh trưởng ban tồ chức hỏi :

— Thi sĩ nghĩ dùm vài chữ..., đề dán trên bàn thờ Tồ Quốc. Đề hai chữ « Tồ Quốc » thì quá trùu tượng.

Nguyễn Bính cau mày :

— « Tồ Quốc » không gây xúc động !

Anh trưởng ban nói :

— Vậy thì nên đề là « Chiến sĩ trận vong ».

Nguyễn Bính lắc đầu :

— Nhảm quá !

— Thi bao nhiêu chiến sĩ đã hy sinh đề bảo vệ

Nguyễn Bính trả lời :

— Bao nhiêu người đã dùng bốn chữ đó rồi. « Chiến sĩ trận vong » hoặc « Vị quốc vong thân » đều là danh từ quá cũ. Chờ lát nữa tôi lựa cho bốn chữ.

Nguyễn Bính đến nhà bên cạnh, xin một chút rượu, uống nhâm nhi rồi nói to :

— Được rồi ! Cho tôi mượn miếng giấy với cây cọ. « Chết mà bắt tử ! ».

Vừa nói, Nguyễn Bính vừa đến gần cái bàn, cầm cây cọ, viết bốn chữ « Chết Mà bắt Tử » viết từ trên xuống dưới, theo dáng điệu chữ nho, vài anh cán bộ phản đối :

— Rắc rối quá. Đồng bào thắc mắc bốn chữ này.

Thi sĩ trợn mắt :

— Ai thắc mắc là... còn dốt nát !

Anh trưởng ban bèn can thiệp :

— Chết là chết, bắt tử là không chết. Như vậy nghe hơi mâu thuẫn. Đánh rằng « bắt tử » là sống mãi với lịch sử nhưng

nghe nó... làm sao đó! Không hợp với "quan điểm quần chúng"

Nguyễn Bình không chịu thua :

— Quan điểm gì ? «Chết mà bất tử» là bốn chữ đầy đủ ý nghĩa. Chết về phần xác nhưng tinh thần tranh đấu vẫn sống mãi.

Anh cán bộ cười dòn :

— Nhưng mà... dân ở đây không muốn hiểu vậy. Người nông dân thường nói «bất tử» để chỉ một chuyện xảy ra thành linh, không lý do. Thí dụ như «nó đánh bất tử, tôi trở tay không kịp», hoặc «thằng này lười biếng mà... làm giàu bất tử».

Nguyễn Bình vẫn không chịu thua :

— Như vậy là không thông !

Anh trưởng ban tờ chức bèn viết bốn chữ «Vì nước bỏ mình» dán lên bàn thờ Tờ Quốc. Làm sao Nguyễn Bình chịu đựng được ! Anh quay mặt, đi nhanh về trụ sở bộ Văn Hóa mà căn nhà khá to tiếng :

— Đồ tàn nhẫn !

Tháng sau, Hội Văn Hóa Cứu Quốc cho ấn hành một tập thơ theo kỹ thuật bột nếp. Cứ viết chữ bằng mực tím thật đậm lên giấy rồi úp miếng giấy ấy lên một miếng bột nếp, trải bằng phẳng trên bàn rồi gỡ ra. Sau đó, lấy giấy trắng mà thoa nhẹ trên lớp bột. Mực tím trên bột sẽ ăn trở ngược vào miếng giấy, đến khi nào mực phai mờ thì lại viết bên khác.

Tôi còn nhớ đại khái vài câu thơ của Nguyễn Bình, trong tập thơ ấy (Toàn tập đều đăng bài của anh).

— *Chim kia có cánh thì bay*

Con ơi ! Có nước thì mây phải thương.

*Thà rằng chết giữa chiến trường,
 Còn hơn chết ở trên giường thê nhi
 Hỡi ai dòng giống Lạc Hồng
 Hãy hy sinh hết cho nòi giống ta.
 Hãy nên vì nước quên nhà,
 Coi thường thân sống mới là trượng phu!*

Vài tháng sau, Nguyễn Bính được chuyển về chiến khu 8 ở Đồng Tháp. Lên trên ấy, anh trau dồi thêm, văn thơ thêm lưu loát, hồn nhiên, không còn nực mũi khẩu hiệu tuyên truyền.

Xin đơn cử vài câu sáng tác vào giai đoạn sau nói về «những người của ngày mai».

*Ở chòi hẹp nhưng hồn trùm vũ trụ
 Trái tim đau nhưng thương cả loài người...
 ...Mắt quầng lại, đêm đêm rờn rã thức
 Da xanh xao vì muỗi thật nhiều.*

*Này của riêng, soát lại có bao nhiêu,
 Chiếc khăn tắm, bộ áo quần trong nóp.
 Ba năm rồi chưa xỏ chân vào guốc,
 Ăn cơm thiêu vì ẩm ướt mưa đêm.*

Dấn thân là chuyện khó.

Có người làm văn thơ lãng mạn rất giỏi vào thời tiền chiến nhưng khi sáng tác đề phục vụ trọng tâm chánh trị thì hóa ra vụng về.

Người làm thơ ca ngời tình ái lứa đôi lắm khi lúng túng khi muốn ca ngợi một thành tích giết giặc, tăng gia sản xuất.

Người đánh giặc giỏi chưa chắc làm được những bài thơ hào hùng.

Người làm chánh trị giỏi, hiểu tâm lý quần chúng chưa ắt viết văn hoặc làm thơ... hợp với cảm quan của đại đa số độc giả. Và trong phạm vi hẹp, chúng ta có thể nói thêm rằng người viết kiếm hiệp giỏi chưa ắt làm thơ hay, người viết chuyện khiêu dâm ướt át chưa ắt viết được chuyện gọi là « lành mạnh », nếu họ muốn. Và ngược lại, người viết văn « khô khan » lắm khi không thành công trong tác phẩm mà họ muốn cho đượm mùi vị khiêu dâm.

Đâu phải muốn là được.

Sự chuyển tiếp ấy có thể là sự lột xác đau đớn, đòi hỏi thiện chí, lòng thành và rất nhiều khổ hạnh.

Đối với Nguyễn Bình, chúng ta thấy quá trình diễn ra khá phức tạp, tuy không thành công rạng rỡ vào những năm trước khi nhắm mắt, anh vẫn thành công trong mức tương đối — trong khi nhiều văn nghệ sĩ đành đời nghề, bỏ nghiệp văn chương thời chiến.

SƠN NAM

Tạ Ty

NGUYỄN BÌNH

một thiên tài lỡ dở

Thú thật, trong những năm tháng dài của Hà Nội ngày xưa, trong dòng sông hạn hẹp của Văn Nghệ tiền chiến, anh em dễ quen, dễ gặp vì chẳng có bao người, thế mà riêng tôi, đối với Nguyễn Bình gần như vẫn còn xa lạ.

Tôi chỉ gặp Bình có hai lần. Lần đầu trên chuyến xe điện từ Hà Đông ra Hà Nội. Một người bạn cùng đi đã chỉ cho tôi chàng thanh niên có nước da ngăm ngăm, có mái tóc rậm bù, mặc bộ quần áo da cũ màu xanh xẫm đang ngồi rúm ró ở cuối ghế là Nguyễn Bình đó. Hồi ấy, tôi đã đọc thơ văn của Bình đăng trong Hà Nội Báo, với thiên hồi ký than khóc tình yêu có 4 câu thơ được coi như lời dẫn trước cho câu chuyện chứa đựng nỗi ai oán và bi thảm đã vò xé nội tâm Bình.

*« Tâm hồn tôi là bình rượu nhỏ
Rót lần lần rót mãi xuống nàng Oanh
Không xua tay, nhưng nàng vẫn vô tình
Hắt ly rượu hồn tôi qua cửa sổ. »*

Nàng Oanh, nàng Oanh là một nữ học sinh mà Bình say mê đến nỗi đêm đêm dù trời đã trọng Đông với mưa phùn, gió Bắc với giá lạnh cắt buốt thịt da, Bình vẫn kiên nhẫn đứng bên lề đường, dưới gốc cây hay dưới mái hiên nào đó nhìn lên căn gác đóng kín, chỉ còn những tia đèn mong manh lọt qua khe cửa, để vọng tưởng người yêu. Tôi nhìn Bình như nhìn một tượng hình đau khổ với câu chuyện tình lớn vồn trong trí não. Hồi đó, tôi còn là một thanh niên được gia đình che chở và đùm bọc, tuy làm văn nghệ nhưng có lẽ nhờ cái nghề hội họa mà trời thương hay ghét cũng chẳng biết, rất ít người vướng mắc vào hệ lụy ma túy, hay bắt gặp những oan trái do Tình Yêu gửi tặng. Bữa đó Bình đeo kính đen tuy trời bên ngoài đã cuối Thu không có nắng, màu mây quánh đặc sắc bùn. Lần gặp thứ nhất này làm tôi thất vọng vì lẽ rất dễ hiểu là Bình không giống như người mà tôi đã tưởng khi đọc thơ văn Bình : mái tóc bông bênh như Xuân Diệu, vóc dáng phong nhã như Hoàng Cầm hay có vẻ đấng tử như Đình Hùng. Nguyễn Bình đang hiện diện trước mắt tôi kia chỉ là một chàng trai tầm thường, trông lại quê quê không có biểu tượng nào để tôi nhận ra sự phong phú đầy chất lãng mạn trong văn thơ. Rồi hình ảnh đó phai dần. Tôi và Bình vẫn chưa biết nhau tuy bạn bè Bình một phần là bạn hữu của tôi.

Cho đến một buổi, tôi nhớ rõ buổi trưa, Quỳnh Dao rủ tôi đi thăm Nguyễn Bình để nói chuyện cho biết. (Quỳnh Dao thi sĩ miền Trung, có thi phẩm TƠ TRẮNG xuất bản thời tiền chiến, đã chết vào dịp Cách Mạng 45).

Chúng tôi từ phố Huế đáp xe điện lên Quan Thánh,

rồi đi bộ hết đường Cổ Ngư lên đầu Ô Yên Phụ. Trời Hà nội bữa đó cao và trong. Chúng tôi đi dưới dặng Phượng Vĩ với tàn lá xanh um trái rộng làm rợp mặt đường. Nước hồ Tây bằng bạc lơ xô mấy chiếc thúng câu bập bềnh như bị nuốt chửng vào không gian im vắng. Một hên hồ Trúc Bạch, màu nước ngăn ngắt với lớp vầng rêu úa vàng theo gió dạt vào thành si măng xây quanh mép hồ để tránh sự lở đường. Quỳnh Dao hồng khoát tay chỉ về phía xóm lá, bên kia hồ Trúc Bạch— *Bính ở trong xóm ấy, nhưng vào đó không chắc gì gặp, nó thường ở nhà M... trên đê*. Nghe Dao nói, tôi chợt nhớ đến mấy câu thơ của Bính gửi chị Trúc,

«

Nhà em ở cuối kinh thành

Giữa hồ Trúc Bạch nước xanh màu chàm

Dịp nào chị có qua thăm

Cho em lần nữa chiếc khăn lụa hồng

Cầm cho hai tháng là cùng

Khóc như em mấy khăn hồng chẳng phai !...

Tâm sự của Bính là tâm sự đầy nước mắt. do đó lời và hơi thơ của Bính làm người đọc dễ cảm, dễ thuộc.

Tôi đã gặp Bính ở nhà M... thật. Đây là lần thứ hai và cũng là lần chót. Tới nay Bính đã đi sâu vào lòng đất, gia tài để lại cho gia đình tuy không vĩ đại nhưng cũng đủ chứng minh giá trị của một thi nhân trong lịch sử Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam. Vì là buổi gặp mặt lần đầu, hơn nữa, trong căn phòng chật chội còn có nhiều người khác nên tôi và Bính chỉ trao đổi vài câu xã giao thông thường. Cuộc «diện kiến» này chẳng mang lại cho tôi một thích thú nào cả.

Với tôi, Bình vẫn chỉ được coi như biết mà chưa quen. Sau đó ít lâu tôi nghe tin Bình đã bỏ quê hương vào Nam, tôi mới hỏi tại sao không cố gặp nhau để trở nên thân như các bạn khác dù cho sự tìm kiếm gặp bạn lúc ấy không phải điều khó.

Ngày đó, tôi đang theo học mỹ thuật, tôi yêu văn học mà chưa làm văn học. Sự giao du của riêng tôi với anh em làm văn học lúc ấy cũng chỉ do chất máu văn nghệ trong tôi đối với bạn bè, chứ thực sự, cái mối giao tình đó không do thành tích văn nghệ tạo nên. Nhưng chẳng phải vì không thân mà tôi không thích đọc Bình. Tôi vẫn đọc và nghe rất nhiều chuyện về Bình, từ thuốc phiện, rượu, đến nỗi đau tình ái, do anh em nói lại.

Hôm nay viết về Nguyễn Bình, viết về một nhà thơ đã vĩnh viễn vắng mặt; một nhà thơ theo ý riêng tôi đã gặp nhiều hệ lụy nhất, đã mang tâm sự bi thương đi lang thang suốt một cuộc đời đầy sóng gió do tình ái và tiền tài gieo họa.

Bình làm thơ vì Định mệnh phán quyết. Thơ Bình đẹp như giòồng সুối và bi thương như bệnh hoạn. Cá tính trong thơ Bình rất tự nhiên, mộc mạc không gò bó, kiểu cách như các thi nhân cùng thời. Thơ Bình đi gần với ca dao, rất gần với đại đa số quần chúng. Các cô gái đọc rất khê trong phòng the để tiếc nuối thương vay một thân phận hay giận hờn vì sao người mà Bình khóc trong thơ không phải là mình. Các bà mẹ ru con bằng thơ Bình. Thơ của Bình được phổ biến thật sâu rộng nó gắn liền với cuộc sống nội tâm ở mỗi con người đa đoan tâm sự. Bài « LỖ BƯỚC SANG NGANG » vào đời đã đưa Bình lên

cao giữa vòm trời Thi Ca đầy tinh tú sáng chói với Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Trần Huyền Trân, Thâm Tâm, Hoàng Cầm, Tế Hanh, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên v.v... Nhưng chính thực, bài thơ này không phải là bài thơ hay của Bính. Nó nổi tiếng chỉ vì nội dung bi đát nói lên thân phận người con gái « *lỡ bước* » rồi « *sang ngang* » để rồi lại « *lỡ bước* ». Cái tâm sự ấy, cái cảnh huống ấy nó giản dị quá, nó đi gần với cuộc đời có mặt trong thời gian đó :

.... *Chị từ lỡ bước sang ngang*
Trời giông bão, giữa tròng giang lật thuyền
Xuôi dòng nước chảy liên miên
Đưa thân thê chị tới miền đau thương
Mười năm gối hận bên giường
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh
Mười năm đưa đón một mình
Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên
Mười năm lòng lạnh như tiền
Tim di hết máu cái duyên không về !...

...Tuổi son má đỏ môi hồng
Bước chân về đến nhà chồng là thôi
Đêm qua mưa gió đầy trời
Trong hồn chị có một người đi qua...

(*LỖ BƯỚC SANG NGANG*)

Chất thơ của Bính nó hiện diện như thế đó cách đây 30 năm, khoảng thời gian không xa xôi gì, mà sao nó làm cho người đọc hôm nay cảm thấy đặng đặng xa mùt mù khơi.

Bình là con người làm Văn Nghệ duy nhất ở thời đó không chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Tây Phương cũng như Đông Phương. Bình làm thơ một mình và thừa hưởng cái kho tàng văn hóa Dân Tộc qua các vần ca dao, qua nếp sống mộc mạc quê mùa. Do đó, thơ Bình mang nhiều chất Dân Tộc, với một sắc thái cực kỳ lãng mạn trong lãnh vực tình yêu.

Bình sinh ra trong một hoàn cảnh khốn khó, trong một xã hội phân hóa bởi giai cấp thống trị với những ước lệ quá ư bất công. Tình ấy dữ kiện đã bắt buộc Bình phải tự tìm cho mình lối thoát. Bình đi vào tình yêu với mộng ước đắm đuối vô vàn để được trả bằng thất vọng. Nàng Oanh nhắc đến ở đoạn trên chưa chắc đã phải là mối tình đầu của Bình, nhưng khốn nỗi Định Mệnh trớ trêu, nàng Oanh biết rằng Bình yêu, biết rằng mình không yêu Bình nhưng vì lý do nào chẳng biết, nàng Oanh cứ lạnh lùng theo ngày tháng với thái độ chẳng chấp nhận cũng chẳng khước từ. Nàng vẫn đứng giờ mở hé cửa, thò một bàn tay nồn nà cho thi nhân nhìn lên với mơ ước bàng hoàng, đắm đuối,

« Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười mong một người

Gió mưa là bệnh của Trời

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng...

.

Tương tư thức mấy đêm rồi

Biết cho ai biết, ai người biết cho

Bao giờ bến mới gặp đò ?

Hoa khêu các bướm giang hồ gặp nhau ?

(TƯƠNG TƯ)

Cái vòng tình ái lần quần mở rồi đóng, đóng rồi mở làm cho Bình bàng hoàng như tỉnh như mơ. Vốn là nòi tình nên thi nhân đắm mê vào hệ lụy như con thiêu thân lao mình vào ánh đèn tìm cái chết trong lửa đỏ. Ngọn lửa do tình yêu thấp sáng trên vóc dáng nàng Oanh đã làm Bình điên cuồng, Bình rên xiết, ngất ngư đòi được thiêu hủy đời mình trong ngọn lửa thiêng đó. Nhưng nàng Oanh không cho Bình đến gần để Bình toại nguyện, mà ác độc thay, nàng chỉ cho Bình thấy có ánh sáng mà không mở lối cho Bình tìm về ánh sáng. Có thể nói, nỗi đau tuổi trẻ này Bình mang xuống tuyến đài chưa chắc đã tan. Niềm thương hận đó, Bình mang trải rộng trên những vần thơ và hủy hoại tuổi trẻ trong các nguồn đam mê hằng ngày, hằng đêm.

Nhưng cứ sau mỗi đam mê, hình ảnh kia vẫn bám riết và đeo đuổi như đeo đuổi một duyên số.

... Nhà ấy hình như có mặt trời
 Có rừng, có suối, có hoa tươi
 Bao nhiêu chim lạ, bao nhiêu bướm ?
 — Không có gì đâu ! có một người.

Chân bước khoan khoan, lòng hỏi lòng
 — Có nên qua đấy nữa hay không ?
 Không nên qua đấy, nên qua đấy ?
 Không, nhớ làm sao ? qua mất công

Chàng đau đớn lắm, môi cắn môi
 Răng cắn vào răng, lời ghen lời
 — Hờ hững làm sao, mê mẩn quá,
 Trời ơi ! Cứu vớt lấy hồn tôi...

(HÀ NỘI BA MƯƠI SÁU PHỐ PHƯỜNG)

Bình đau quá, giận quá, nhớ thương quá, si mê quá.
Tắm lược tình yêu cứ xiết dần thân phận Bình với nhức
mỏi rã rời, Bình kêu la rầy rụa,

*Đã quyết không,... không được một ngày
Rời yêu, yêu cả buổi chiều nay
Chiều nay bướm trắng ra nhiều quá
Không biết là mưa hay nắng đây*

.

*Oán đã bao la, hận đã nhiều
Cớ sao tôi vẫn chẳng thôi yêu
Tôi đi mãi mãi con đường ấy
Qua lại hôm nay, sáng lại chiều.*

(VÂN VO)

Cứ như thế, cứ quẩn quanh với thương nhớ, cứ bịn
rịn vì mái tóc, làn môi mà Bình buông trôi ngày tháng.

Nhưng thơ Bình không phải chỉ có nàng Oanh với
«Oán đã bao la, hận đã nhiều», mà nguồn cảm hứng đó còn
tỏa rộng ở các khía cạnh đặc thù của cuộc sống. Thơ
Bình buồn, thật buồn. Mỗi một lời như một dòng lệ, ngay
cả khi Bình không nói về mình.

*Những cuộc chia lìa khởi tự đây
Cây đàn xum hợp đứt từng giây
Những lời bèo bọt thân đơn chiếc
Lần lượt theo nhau xuất thánh ngày
.
Những chiếc khăn màu thồn thức bay
Những bàn tay vẫy những bàn tay
Những đôi mắt ướn nhìn đôi mắt
Buồn ở đâu hơn ở chốn này ?*

*Lời đã từng chờ những chuyến xe
 Đã từng đưa đón kẻ đi về
 Sao nhà ga ấy, sân ga ấy
 Chỉ để cho lòng đau biệt ly.*

(NHỮNG BÓNG NGƯỜI TRÊN SÂN GA)

Nỗi buồn rồi nỗi buồn, chia ly rồi chia ly đều bắt nguồn ở sân ga bé nhỏ. Từ hai cô gái nhỏ áp má vào nhau sùi sụt đến người yêu tiễn người yêu ở một sân ga vắng trong chiều tắt nắng. Có những chàng trai tiễn đưa nhau dùng dằng «ba bốn bận» đến nỗi bóng họ nhoè theo bóng tối. Có người vợ mở khăn trầu tiễn chồng đi biên ải. Có người mẹ già lưng còng đỡ bóng tiễn con đi, và có cả người làm cuộc du hành cô độc để «một mình làm cả cuộc phân ly». Tất cả những chất liệu đó đã làm Bính rùng động và đầu dây tiếng còi tàu thét vang trong trí não thi nhân, để trút xuống mặt giấy từng nỗi nghẹn ngào nhân thế.

Biệt ly, biệt ly nào mà chả làm lòng người se lại. Buổi tiễn đưa giữa hai kẻ sống tuy buồn nhưng còn ít bi đát hơn là người sống tiễn đưa kẻ chết, nhất kẻ chết lại là người trinh nữ. Cái chết của nàng làm cho Bính tưởng tượng «cả châu thành Hà Nội chít khăn só» và như có ai mời thi nhân «uống chén biệt ly»,

*... Sáng nay vô số lá vàng rơi
 Người gái trinh kia đã chết rồi
 Có một chiếc xe màu trắng đục
 Hai con ngựa trắng bước hàng đôi
 Dem đi một chiếc quan tài trắng
 Và những bông hoa trắng lạnh người
 Theo bước, những người khăn áo trắng
 Khóc hồn trinh trắng mãi không thôi...*

(LÒNG NGƯỜI TRINH NỮ)

Người trinh nữ ấy bỏ cuộc đời, bỏ cả chiếc áo màu xanh nàng vừa may vào mùa Thu, nhưng nàng « đi » chẳng phải chỉ có chiếc áo « đi » theo mà còn để lại tiếc thương trong lòng em thơ, mẹ già và mối tình của chàng trai gửi tặng.

Tình cảm của Bình thật chan chứa. Nó khởi hành từ đam mê của mình, thuộc riêng-mình rồi nó tự vượt thoát để bầu víu vào cả những thứ không-thuộc-về-mình và coi đó như có thực. Huyền thoại T.T.KH với 4 bài thơ nổi tiếng trên thi đàn Việt Nam từ lâu, không ai có quyền phá vỡ nó. Người duy nhất có thể làm được công việc trên là thi sĩ Thâm Tâm, nhưng Thâm Tâm đã đi vào đất lạnh từ lâu. Bởi vậy, bây giờ và mãi mãi nó vẫn là một nghi hoặc, là dấu hỏi, dấu than, nó vẫn còn nguyên là huyền thoại theo đúng nghĩa chữ.

Câu chuyện tình đẹp do Thanh Châu sáng tác với tựa đề « *Hoa Ti-gôn* » đăng trong Tuần Báo Tiểu-Thuyết Thứ Bảy đã làm xúc động người đọc và sau đó ít lâu, T.T.KH ra đời. Thâm Tâm có làm 2 bài gửi T.T.KH và Nguyễn Bình cũng làm bài « *Dòng dư lệ* » tặng T.T.KH với những vần thơ đắm đuối :

*...Dừng chân trước cửa nhà nàng
Thấy hoa vàng với bướm vàng hôn nhau
Tìm nàng chẳng thấy nàng đâu
Lá rơi lả tả bên lầu như mưa*

Tìm nàng để làm gì ? để nghe người lão bộc kể lại một thiên tình hận, để băng khuâng coi đó như truyện của mình,

*... Bao nhiêu oan khổ vì tình
Cớ sao giống hệt truyện mình ngày xưa ?*

Nguyễn Bính sáng tác rất nhiều, mỗi bài thơ như một khúc bi ca như nổi đau đứt ruột vì khung trời tình ái mà Thượng Đế dành riêng cho Nguyễn Bính luôn luôn bị che phủ bởi mây mù.

*Lạ quá làm sao tôi cứ buồn
Làm sao tôi cứ khổ luôn luôn
Làm sao tôi cứ tương tư mãi
Người đã cùng tôi nhạt ước nguyện...*
(VÂNG)

và,

*Tôi rót hồn tôi xuống mắt nàng
Hồn tôi là cả một lời van
Tôi van nàng đấy, van nàng đấy
Ai có yêu đương chả vội vàng*

(NGƯỜI CON GÁI Ở LẦU HOA)

Có lẽ không chịu nổi hình phạt của cuộc sống ở cả hai phía, *Tình Yêu* và *hoàn cảnh* nên Bính dứt áo ra đi về phương Nam có nắng vàng chói lói có cuộc sống cởi mở để mong tìm cho mình sự giải thoát nào đó bằng cảm xúc mới, bằng tri giác mới. Thành phố Hà Nội với đắng cay còn đó. Thành phố Hà Đông với khuôn mặt nàng Oanh kiều bạc hờ hững, với kỷ niệm tháng năm buồn đứt ruột, với dăm bảy đứa bạn bè ngơ ngác nhìn nhau nhàm chán. Hà Nội đối với Bính như « một nhớ nhàng » nên Bính quyết dứt tình.

Ở trong Nam, Bính cũng trôi nổi bênh bồng như cánh bèo đưa đẩy. Nay đây mai đó, Bính từ Saigon xuôi

Hậu Giang và gót giang hồ đã dừng lại ít lâu tại cuối Trời nước Việt, đó là Hà Tiên quê hương của thi sĩ Đông Hồ và Mộng Tuyết. Trong thời gian lưu trú tại miền Nam, Bình đã sáng tác nhiều với tứ thơ mới pha thêm nỗi đắng cay, tủi hận do cuộc sống thờ ơ và miếng cơm, manh áo mỗi ngày mỗi làm cho thi nhân cảm phần,

*...Trọc phú ti toe bàn thế sự
Đĩ già tấp tênh nói văn chương
Đã coi đồng bạc to hơn núi
Còn học đòi theo thói Mạnh Thường...*

Bình sống giữa Thế Kỷ 20, Thế Kỷ của phát minh cơ khí đang muốn đẩy lui những giá trị tinh thần vào bóng tối dĩ vãng, nhưng Bình đâu cần biết, Bình vẫn muốn dùng cái sĩ khí, tiết nghĩa của nhân vật Đông Chu làm biểu tượng cho mình.

*...Rẫy ruộng châu ngọc thù sơn phấn
Mắt đỏ lên rồi cứ chết ngay
Hỡi ơi ! Nhiếp Chính mà bầm mặt
Giữa chợ ai mà khóc nhận thầy*

*Kinh Kha giữa chợ sầu nghiêng chén
Ai kẻ dâng vàng, kẻ biểu tay
Mơ gì Ấp Tiết thiêu văn tự
Giày cỏ gươm cùn ta đi đây...*

Nhưng ta đi, ta đi đâu ? Bình giận đối với cuộc đời vì đi khắp thiên hạ mà chưa tìm thấy tri kỷ có chăng chỉ là mình với bóng.

*... Ta đi nhưng viết về đâu nhỉ
Đã dấy phong yên lộng bốn trời
Uống say mà gọi thế nhân ơi*

Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ

Ta với nhà người cả tiếng cười

Người ơi! Hỡi, người ơi

Người sang bên ấy sao mà lạnh

Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi....

(HÀNH PHƯƠNG NAM)

Như thế đó, tiếng thơ Nguyễn Bính dù ở cảnh huống nào vẫn đầy vấy bi thương, uất nghẹn. Sau từng năm tháng dài sống ở miền Nam, mỗi độ Xuân về, Bính lại tiếc thương mùa Xuân đất Bắc với hoa đào, gió lạnh, với đất trời đượm ngát hương xuân. Sau bao nhiêu lần hẹn mà Bính không sao về nổi đất cũ, Bính thét lên trong bài thơ gửi chị «*Tết này lại nữa, Tết tha hương*» rồi Bính kể cho chị Trúc nghe mùa Xuân miền Nam với

...Dưa hấu chất cao hơn nóc chợ

Và hoa sen nở đẹp huy hoàng...

Cả hai thứ đó đều có vào mùa Hạ ở ngoài Bắc chứ không ở mùa Xuân...

Rồi thời gian qua đi với tuổi đời niên thiếu, tưởng rằng không còn cơ hội nào dành cho Bính một niềm hy vọng.

Đột nhiên cả Dân Tộc chuyển mình đi vào Cách Mạng năm 1945. Mấy tháng sau, miền Nam anh dũng biến thành tiền tuyến trong cuộc chiến đấu chống quân Pháp xâm lăng lần thứ hai.

Bính có mặt trong tuyến đầu khói lửa. Rồi ngày 19-12-1946 toàn quốc kháng chiến. Sắt máu đã đầy lui mọi người ra khỏi từng thành phố. Trong những năm kháng

chiến tôi có nghe tin Bình nhưng chẳng bao giờ có cơ hội vượt Trường Sơn để gặp mặt anh em. Trong thời gian này Bình cũng như mọi người làm Văn Nghệ khác đều phục vụ kháng chiến bằng khả năng chuyên biệt. Cuộc sống máu lửa kéo dài dài cho tới ngày ký Hiệp định Genève chia đôi Nam, Bắc. Bình tập kết ra Hà Nội rồi mất tại đó năm 1966.

Bình là một thiên tài, nhưng là một thiên tài lỡ dở, vì tổng kết từ cuộc sống bản thân tới nghệ thuật, ở bên trong mỗi dữ kiện người ta cảm thấy như Định Mệnh đã an bài cho Bình sự trỗi phát hơn ân thưởng. Sinh ra trong một hoàn cảnh khốn khó không đủ phương tiện ăn học, lớn lên Tình Yêu làm thui chột ước mơ và ở lãnh vực Thi Ca Bình cũng không làm sao thoát ra khỏi khuôn thức tầm thường của nhân thế. Nhưng đó không phải là cái dở mà chính là sự may mắn cuối cùng mà Thượng Đế dành cho Bình, tuy rằng sự may mắn đó Bình phải trả bằng nước mắt với muôn vạn nhục nhằn. Sự lỡ dở do Tình Yêu, do cuộc đời, do bạn hữu, do bản thân tạo nên, tất cả như a vào nhau để làm cho tiếng thơ của Bình vút lên rồi tỏa ra những làn ánh sáng kỳ diệu giữa trời thơ nước Việt hôm qua, hôm nay và mãi mãi.

Bình đã đi rồi. Tác phẩm Thi Ca của Bình còn lại. Chúng ta hãy cầu nguyện cho Bình với hình ảnh con chim Đường Nga (Le Pélican) của thi sĩ Alfred de Musset (1810-1857) đã moi ruột gan cho lũ con ăn tiệc để rồi chết lặng lẽ ở bên mòm đá vô danh.

TẠ TỰ

Tháng 12-1969

Kiên - Giang

Một giai thoại về Nguyễn Bính

L.T.S : Qua tập thơ Hoa trắng thôi cài lên áo tím, chúng ta thấy Kiên Giang có đôi bài lục bát phẳng phất cái hơi thơ đồng mộc mạc của Nguyễn Bính. Thật ra Kiên Giang đã chung sống ở quê một thời gian với tác giả Lữ bước sang ngang tại tỉnh Rạch Giá và không khỏi chịu ít nhiều ảnh hưởng của nhà thơ này. Dưới đây là giai thoại về thời gian hai người chung sống với nhau do chính Kiên Giang thuật lại.

Năm 1947, một người bạn cho tôi hay Nguyễn-Bính hiện đang tá túc tại nhà của một công chức ở xóm biển của quê hương tôi (Kiên-Giang). Tôi tìm suốt cả tuần mới hay nhà vị công chức đó là nhà thầy L. Tìm tới nhà thì vợ thầy L. chỉ tôi ra phía đình cụ Nguyễn-Trung-Trực và nói rằng :

« Nhà chật chội quá, ông Bính ra ở ngoài đình ». Một người ở cạnh đình chỉ cho tôi chiếc nóp và nói rằng : « Cái ông ưa ngâm thơ ngủ ở đó ».

Tôi đi vòng quanh chiếc nóp hai ba lần nhưng chưa dám đánh thức Bính dậy vì chưa tin là nhà thơ mà tôi mến mộ lại ngủ

trong nóp trước cửa đình. Tôi đành đi tới, đi lui trước sân đình đếm lá da rơi để chờ đợi. Gần 10 giờ, người trong nóp mới chui ra. Tôi bước tới, ấp úng cúi đầu chào :

— Thưa ông, có phải ông là thi sĩ Nguyễn-Bính hay không ? Nghe ông đến đây, tôi đã tìm suốt tuần nay mới gặp.

Nguyễn Bính gật đầu. Nét vui mừng hiện rõ trên gương mặt hốc hác, Nguyễn Bính vỗ vai tôi rồi nói :

— Cậu có ngờ tôi ngủ nóp ngay cửa đình không ? Cậu có khinh rẻ thằng ngủ nóp không ?

Tôi lắc đầu, cúi mặt xuống, nín lặng rất lâu mới nói nên lời :

— Tôi gặp ông chỉ mong ông thu nhận làm học trò để học thêm về nghệ thuật thi ca chứ đâu có dám có ý nghĩ gì khác nữa.

Nguyễn-Bính mỉm cười rồi nói :

— Cậu có thuốc lá không ?

Lúc ấy đáng tiếc rằng tôi chưa biết hút thuốc nên không thỏa mãn được nhu cầu cần thiết của nhà thơ lưu lạc đến xứ tôi. Tôi toan chạy đi mua thì Nguyễn-Bính đã nắm tay tôi siết thật mạnh và liền đó, anh rút cây bút trong túi áo tôi để ngay lên bao thuốc lá Bastos xanh không bốn câu thơ sau đây :

*Có những giòng sông chảy rất mau
Nhớ chi nghĩa bến với duyên cầu
Lá vàng, hoa đỏ trôi không kịp
Lưu lạc ai ngờ lại gặp nhau.*

Trong lúc Bính cuộn nóp, tôi đọc đi, đọc lại nhiều lần bốn câu thơ đó và cảm thấy sung sướng vô cùng. Sau khi gửi nóp cho người giữ đình, Bính đi ra bờ sông, xuống bậc gạch, khoát nước rửa mặt rồi chải đầu bằng ngón tay. Chải đầu xong, Bính vừa giũ áo vừa phủi bụi.

Lần đầu tiên tôi được nói chuyện đời, chuyện thơ với Bính trước ly cà-phê bốc khói tại quán cà phê Quảng-Phát. Bính uống cà phê còn tôi uống nước đá sữa. Qua câu chuyện hàn huyên tôi biết tại sao Bính phải ra ngủ nóp ở cửa đình.

Vợ của ông công chức nơi Bính tá túc lại rất mê thơ Nguyễn Bính. Nhiều bài thơ trong tập Lỡ bước sang ngang, Hương cố nhân, Một nghìn cửa sò, Tâm hồn tôi, đều được người đàn bà ấy ngâm vang, lúc nằm ghế xích đu và cả trước giờ đi ngủ hay mới thức dậy. Vì thế mà người chồng đâm ghen và hay gấu ó với vợ. Nguyễn-Bính muốn giữ vẹn hạnh phúc gia đình của người nên đành xách nóp ra ngủ ở cửa đình cụ Nguyễn-Trung-Trực.

Sau khi biết tình cảnh đó của Bính, tôi bàn cùng Bính nên tìm một nơi nào khác mà ở để còn viết lách. Cả hai đồng ý thuê một ngôi nhà của ông giữ sân banh Rạch Giá. Ngôi nhà này chỉ hơn được cái nóp một chút thôi nghĩa là xiêu vẹo, tiêu tụy, như một ngôi nhà hoang. Người ta phải dùng một cây đòn lớn để chống đỡ hàng cột giữa, hàng ba, hàng nhì. Chỉ có ba hàng cột mà hàng nào cũng xiêu cả thì không hiểu có nên gọi cái nhà này là cái nhà không ? Thôi cứ tạm gọi nó là Lều Thơ cũng được.

Một con đường đất vào nhà sẵn sàng ngập nước sau một trận mưa lớn hay mỗi mùa biển động. Từ lâu, thềm nhà này vắng bước chân người nên đã phủ đậm màu rêu. Bước chân hai thầy trò tôi đã phá trình tẩm tẩm rêu nhà này và để yên những lớp cỏ dại mọc đầy giữ nguyên nét hoang tàn, quái dị. Hai người quyết vào đây trốn những kẻ không thích thi nhân. Bốn hàng cột gạch ở mái hàng ba lở lói như tháp Chăm. Bính tự ví mình là một dân Chăm đang nhốt mình trong cũi mõ nên dán bốn câu thơ sau đây lên hàng cột :

Từ độ về đây sống rất nghèo

*Bạn bè chỉ có gió trắng theo
Nhưng thằng bất nghĩa xin đừng đến
Hãy đề thêm ta xanh sắc râu.*

Mỗi câu thơ được viết theo chiều dài của tấm giấy nhựt trình trắng như câu đối. Trong nhà chúng tôi dọn dẹp, mua các thứ nấu bếp và dự trữ lương thực. Má tôi vốn bán thực phẩm ngoài chợ nên tôi đánh cắp một ít gạo một gói mắm giấu vào một chiếc cà ròn. Chỉ cần năm các rau, vài đồng cá lóc, cá biển là chúng tôi đã có thể có một bữa cơm ê hề. Bữa cơm nào có thêm thịt bò thì thường kéo dài suốt buổi sáng hay suốt buổi chiều.

Bính làm bếp rất khéo. Tôi chụm lửa hơi ầu, cứ việc chề dầu lửa rồi đút củi vào. Bính thường cự nự : "Cậu chụm lửa thiếu nghệ thuật, thiếu vẻ thơ". Nói rồi Bính gấp từng que củi, sắp lại theo kiểu đan lồng một, lồng hai. Nhà bớt khói, bữa cơm được dọn ra trên bộ ván cũ. Trong bữa ăn, Bính thường kể chuyện đời lưu lạc cho tôi nghe và chỉ cho tôi thêm về kỹ thuật làm thơ. Nhờ hơi men rượu đế, câu chuyện giữa Bính và tôi càng về khuya càng thêm kỳ thú.

Những lúc cao hứng, Bính liền đứng dậy ngay trên phản ngựa, lớn giọng ngâm nga những bài thơ anh mới làm chưa xuất bản hoặc lấy giấy chép thơ dán khắp nhà. Cạnh nhà cũng có một cậu công tử, cũng theo đòi thi phú nhưng không hề biết rằng có Nguyễn Bình ở bên cạnh mình mặc dù hai nhà cách nhau không quá một thước. Có thể, cậu ta không thích lối sống của hai thằng điên dở hơi nên không thích làm quen với hai thằng điên giữa thành Rạch-giá.

Hai bạn thơ nghèo vẫn không buồn để ý đến nhân tình, cứ thơ và rượu kéo dài ngày tháng trong căn nhà hoang như hai

triết nhân. Ở quê tôi trong thời biến động hai tôi thường đốt lửa suốt ngày để trấn áp sự trống trải và lạnh lẽo.

Trong mùa mưa bão, khi nào nhà hết rượu và hết gạo, tôi lại đội mưa trở về nhà ăn cắp gạo và mua rượu chịu. Khi trở lại nhà hoang đã nghe giọng Bính ngâm vang lên :

*Ở đây mưa ngày lại ngày
Nhà không mở ngõ mưa đầy tuần trăng...*

(Bài thơ này rất dài. Bính viết trong cơn say đề riêng tặng tôi nhưng bài thơ này bị thất lạc).

Có rượu rồi, chúng tôi lại nối tiếp làm thơ và ngâm thơ. Hết dầu lửa, chúng tôi đốt đèn cầy. Hết đèn cầy, chúng tôi đốt lửa. Lửa tắt, chúng tôi mượn tiếng mưa rơi và tiếng sóng biển ỉ ầm làm nhạc đệm cho những vần thơ cảm khái, ru hồn mộng quên bóng tối và đêm dài.

Sau đó ít lâu, Nguyễn Bính bị bắt vì những bài thơ dán trên vách mà người ta cho là dán khẩu hiệu tuyên truyền. Đáng tiếc là khi bị bắt, những bài thơ tuyệt tác của Nguyễn Bính bị gỡ hết đem về đốt và chắc bây giờ đã hóa thành tro bụi. Bính giam ở biệt giam trường học con trai. Tôi chỉ gửi được một gói xôi và một gói thuốc rồi chẳng bao giờ gặp lại Bính nữa. Sau đó tôi hay tin Bính đi kháng chiến.

Năm 1954 Bính tập kết ra Bắc rồi theo nhóm Đất mới và Nhân văn giai phẩm nổi lên chống lại chế độ đỏ, bị bao vây và cầm tù, bị bắt buộc phải phản tỉnh.

Dẫu có ra sao, Nguyễn Bính không bao giờ quên những ngày tháng sống hẩm hiu trong gian nhà hoang tại Rạch giá, nơi tôi và anh đã qua những phút rất thần tiên và tự ví mình là hai thằng điên giữa tỉnh thành Rạch giá.

Nhưng năm rồi, bạn Thanh Nam cho hay Bình đã chết rồi. tôi khóc Bình trong chương trình thi văn Mây Tần với tấm lòng của một thằng điên.

KIÊN GIANG

Sàigòn 2-4-68

Văn Học

TÂN NIÊN

NGUYỄN TUÂN Lỡ « một chuyến đi »

- Những hồi ký viết về Nguyễn Tuân của các nhà văn tên tuổi tiền chiến : Vũ Bằng, Vũ Hoàng Chương, Dương Thiệu Thanh, nữ sĩ Mộng Tuyết ghi lại.
- Nguyễn Tuân từ tác phẩm «Vang bóng một thời» đến «Sông Đà» 1960 do Sông Thai viết.
- Đọc Sông Đà tác phẩm mới nhất của Nguyễn Tuân do Nguyễn văn Trung nhận định
- Thủ bút và những tùy bút đặc sắc nhất của Nguyễn Tuân do Văn Học sưu tầm gửi đến bạn đọc.
- Và giới thiệu những sáng tác thơ, văn của các văn hữu trẻ

Kiến Giang

CHIẾC CẦU CÂY

giữa rừng tràm và biển cỏ
của chiến khu đã gãy rồi!

Gần Tết, người phụ trách lo bài vở cho báo Xuân, đều thúc hối/nhà văn ký giả viết nhanh.

Viết cho báo hằng ngày thì dễ, còn viết cho tạp chí, cho giai phẩm thì phải viết khó. Viết dễ không có nghĩa là viết dở. Viết dễ cho báo hằng ngày là phải viết nhanh chứ không phải viết ầu. Viết khó cho loại giai phẩm đặc san là phải chọn lựa đề tài thích hợp với chủ đề.

Anh Phan Kim Thịnh, người chủ trương tạp chí Văn Học được bạn Sơn Nam giới thiệu nhờ tôi viết về thi sĩ NGUYỄN BÌNH.

Viết về Nguyễn Bình tuy dễ mà khó. Khó vì không thể phóng đại, thêu dệt và viết sai về một người đã chết.

Từ Rạch Giá đến chiến khu 9, tôi không quên được nhiều kỷ niệm êm đềm chua chát, sắt máu dính líu đến từng bước đường của người thi sĩ Miền Bắc đi kháng chiến ở Miền Nam từ 23 năm trước.

Sau mấy đêm cầm bút lên rồi đặt xuống bàn, tôi vẫn chưa viết được.

Có lẽ « thuế kiệt ước » đã quay bộn viết mướn đến mức độ mệt như trong nếp sống hằng ngày nên đa số người cầm bút phải viết nhanh, viết nhiều, viết bằng óc, hơn bằng tim.

Viết những sự việc đã xảy ra trên hai mươi năm, tôi bắt đầu xông mồ dī vãng, phơi trải tâm tình trên thảm nhung và gai chong của một thời vang bóng.

— *Viết cho người chết hay viết cho người sống ?*

— *Cho cả hai.*

Hai mươi ba năm rồi, bao nhiêu gai lửa đã đâm, đốt quē hương mình, dān mình và tấm lòng mình...

Tôi có viết về Nguyễn Bính bằng tâm tình của cậu học trò của thời xa xưa ấy.

K.G.

Hơn một giờ khuya đêm 26-12-69 tôi bắt đầu sống lại với Nguyễn Bính từ 23 năm trước.

Trong giai thoại giữa tôi và Nguyễn Bính, tôi chỉ viết lại vài nét lớn lúc Nguyễn Bính đến tỉnh thành Rạch Giá (nay là Kiên Giang) nên còn bỏ sót nhiều chuyện thật. Bây giờ, chỉ viết thêm vài điều nữa nhưng không thể viết hết về con người đa diện Nguyễn Bính.

CHIẾC ÁO SƠ MI VẠT DÀI

Nguyễn Bính không bao giờ đội nón nên thường nói đùa với tôi : «Bộ cậu ắm đầu sao lúc nào cũng đội mũ». Tôi mỉm cười: «Còn anh bộ không sợ lính bắt sao mặc áo sơ mi bỏ ngoài. Quái gở nhứt là vạt sau dài quá kích thước còn vạt trước chó tấp ba ngày không tới». Với vóc người nhỏ thấp, cái ngực ức cu, Nguyễn Bính mặc áo bỏ ngoài trông kỳ quặc làm sao. Mỗi lần tôi và anh

Bính đi dạo chợ Rạch Giá là mỗi lần bị một vài người ngồi quán phê bình : «Thằng cha đó ăn mặc cái gì kỳ cục».

Anh Bính vẫn phớt lạnh và cho đó là lời nói tầm thường của kẻ phàm tục.

— Mặc áo bỏ ngoài chẳng ra sao. Làm thơ hay được rồi.

Câu nói ấy đã được anh Bính thốt ra mỗi lần bị người ta nói móc.

NHÌN LÊN NHÌN NGANG.

Lúc đó ở Rạch Giá, ông Cò Tây xếp lính kín ra lính phạt vạ người nào ngồi quán cà phê mà gát chân lên ghế khác. Riêng Nguyễn Bính thích ngồi dựa vào tường, gát cả hai chân lên mặt ghế đầu khác. Thế là lính «phú lít» đến mò! về bắt. Nhờ quen biết, tôi năn nỉ người lính «phú lít» nên cả hai vẫn ngồi lì ở quán.

Lính đi rồi, Nguyễn Bính vẫn gát chân như thường. Tôi ngồi phía trong nhìn ra ngoài canh chừng lính đề anh khỏi bị sửa lưng.

Anh Bính còn có tật nhìn lên và nhìn ngang khi đi đường. Vào thời Tây mới chiếm đóng, dân mình nhút là trai tráng đều ngán bọn lính kín. Hồi đó nạn nhìn bao bố làm cho dân lành phát rét. Người nào đi ngang phố mà nhìn vô tròng thì sớm muộn gì cũng bị mò. Anh Bính có tật nhìn lên trời hay nhìn ngang nên mỗi lần đi ngang phố tôi phải nhắc khẽ : «Nhìn thẳng nhìn ngay cuộc đời nghe anh» Anh Bính hất hàm : «Cậu sao nhát như thỏ đế».

Biết nói tiếng lóng «Nhát như thỏ đế», anh Bính không phải là người Bắc mới đến Miền Nam.

Với bản tánh gàn bướng, anh Bính vẫn nhìn vô trong bót khi đi ngang qua đấy. Người lính gác liền chặn lại đòi bắt vô bót.

Tôi xuống giọng : «Anh này là thi sĩ Nguyễn Bính. Làm thơ hay lắm Tỉnh mình có một thi sĩ đến trú ngụ thì hân hạnh biết mấy. Xin Thầy tha cho».

Người lính đó chắc hẳn không bao giờ đọc thơ nên chẳng biết Nguyễn Bính là thi sĩ nên gằn giọng :

«Tôi không biết thi sĩ thi móc gì hết. Mấy người coi chừng ở tù».

Từ đó, tôi và Nguyễn Bính thường đi dạo ở xóm biển, xóm cầu quay tránh hẳn con đường đi ngang bót để tha hồ nhìn lên và nhìn ngang.

BÓT GIẾNG NƯỚC

Anh Bính không bị bót lính kín nhốt nhưng chẳng bao lâu lại nằm khám giếng nước. (Khám giếng nước là trại tạm giam nằm bên cạnh trường Nam tiểu học Rạch Giá).

Anh Bính bị bắt vào buổi sáng trong lúc tôi đang chạy gạo chạy tiền. Đúng ra tôi chỉ rình ăn cắp gạo nhà và tiền của má tôi.

Lúc ấy má tôi ngồi chợ bán mắm. Tôi thường xúc gạo trong lúc má tôi đi họp chợ. Muốn ăn cắp tiền thì phải nhanh tay giấu nhét. Trong những ngày đi học, tôi ăn cắp tiền tại nhà. Rình xem bà già để tiền ở đâu, tôi mở vòng tuần thám gần đó.

Đợi cơ hội tốt nào ?

— Lúc má tôi làm bếp hay đi xóm. Trong những ngày nghỉ học, tôi cũng ra ngồi cạnh hàng mắm, mắt ngó hộp tiền. Má tôi đi chợ mua thức ăn tôi liền trỏ ngón đạo chích. Thật ra tôi chỉ giấu đút vài chục đồng thôi chứ không dám lấy nhiều.

Vào buổi sáng chúa nhật tôi lại làm công việc quen tay. Lần này, tôi định đi chợ mua thịt bò để làm tiệc nhậu. Sau khi ăn cắp tiền xong tôi trở về nhà định rủ anh Bính đi chợ.

Khi trở về nhà tôi mới hay anh Bính đã bị bắt.

Những bài thơ dài dán trên vách đèn bị gỡ hết. Chồng bản thảo và mấy tập thơ cũng biến mất.

— Anh Bính có tội gì mà bị bắt, hỏi thăm thầy chú quen, tôi mới biết lúc ấy nhà nước không ưa người Bắc. Lúc đó người địa phương thường gọi người Bắc là dân rau muống. Tệ trạng kỳ thị địa phương được tây tà khai thác theo sách lược chia để trị. Tôi chẳng biết gì và không cần phân biệt và tìm hiểu thế nào là dân dỏm sống dân rau muống hay cá rô cây (ám chỉ người Trung).

Người lối xóm thấy tôi ngồi lì trong nhà mới bảo : «Cậu đi mau đi. Ở đây lính lại bắt nữa à». Tôi không trả lời nhưng cảm thấy buồn héo ruột. Tôi tiếc những bài thơ hay mà anh Bính dán trên vách và tin chắc rằng bọn tây tà sẽ xé bỏ hết.

Trong những bài thơ dán trên vách, tôi nhớ bài thơ «Đôi Môi Lạnh» là dài nhất. Anh Bính đã viết trọn bài thơ ấy dán từ đầu cột hàng nhì chạy xuống gần mặt đất.

Trong bài thơ *Đôi môi lạnh*, anh Bính phiên trách người yêu không chịu ban cho anh một nụ cười. Tác giả so sánh người yêu với Bao Tự : Bao Tự lạnh lùng cách mấy nhưng cũng bật cười khi Vua U Vương đốt lửa gạt chur hầu , bài người yêu của Bính phơi trải cả một mùa đông vô tận trên đôi môi lạnh.

*Xé bao nhiêu lụa rồi
Em không cười nửa tiếng
Đốt bao nhiêu lửa trời
Em không cười nửa miệng*

Khi viết bốn câu thơ ấy, tác giả giải thích với tôi: «Cậu có nhận bốn câu thơ này tuyệt không?» Bính tự ví mình là U Vương trong nghệ thuật chiều chuộng giai nhân. (Anh Bính thường xưng tên với tôi và gọi tôi bằng cậu) Nhưng hơn U Vương ở tâm hồn thi sĩ. Bài này qua mặt Bao Tự vì khó tánh, không chịu cười.

Tôi rất tiếc không nhớ hết bài thơ *Đôi môi lạnh* mà chỉ nhớ thêm vài câu trong bốn câu...

Hình như có mùa đông

Trên vành môi mong mỏng

Viết xong mấy câu thơ này, anh Bính vừa ngâm xong vừa nói say mê: một mùa đông dài ngự trên vành môi mỏng. Mùa đông trời đất có định kỳ bài mưa, đông trên đôi môi lạnh sao dài quá.

Viết xong, anh Bính nhờ tôi tiếp tay dán ngay bài thơ lên vách rồi bước lui vừa đọc vừa ngâm.

Căn nhà rêu bỗng trở nên ấm áp lạ thường.

Ngoài bài thơ *Đôi môi lạnh* tôi nhớ rõ bài *Hành phương Nam* (1) cũng được viết và dán lên vách. Vách nhà mục nát với ván đóng ngang hờ kẽ nhờ mấy bài thơ bớt vẻ u ám.

Sau khi anh Bính bị bắt, căn nhà này tưởng chừng sập xuống và bóng tối tràn đầy.

Đi ra nhà sau, nhìn bếp lửa lạnh tanh, tôi rùng mình ớn lạnh. Mấy ngọn cỏ dại bò quanh kẽ cửa không lay động. Mái nhà dột nát như rồ xảo cắt xén từng mảnh trời khi tôi ngược nhìn lên cao. Phải chăng tôi đang tìm kiếm thi sĩ Nguyễn Bính. Cúi xuống nhìn vô «*túc xác*» tôi nhớ hôm nào anh Bính đã uống nước cốt của vị thuốc này để trị bệnh kiết lỵ. Anh Bính đã trở bệnh sau nhiều tuần rệu, kéo dài đến hai ba giờ đồng hồ. Tôi và anh

1) Có đăng nguyên văn trong số này.

Bính thường uống rượu thuốc và rượu đế. Tỉu lượng của anh Bính rất cao, riêng tôi chỉ uống cầm chừng vừa uớt môi mà thôi. Khi nào cao hứng lắm, tôi mới uống cạn một ly gọi rằng đáp lễ hay tán thưởng một câu thơ hay mà anh Bính vừa đọc hay ngâm lên trong căn nhà rêu. Căn nhà ấy có một cái buồng riêng, trước kia dành cho chủ nhà. Sau khi cho mượn, chủ nhà đã dọn giường đi mất, chỉ còn để lại bộ ván ngựa bằng cây tạp đặt sát cửa trước. Bộ ván này vừa là bàn tiệc vừa là giường ngủ của hai người. Trong một đôi lần Anh Bính đứng dậy giữa bộ ván như đứng trên diễn đàn để cất tiếng ngâm thơ sang sảng. Người thính giả độc nhất cũng ngồi trên diễn đàn này để lắng nghe Nguyễn Bính thay mặt Nguyễn Bính đọc một thông điệp trong một bài thơ hay.

Cũng trong ngày Anh Bính bị bắt tôi đến «bót» Giếng Nước để dò la tin tức. Hình như anh Bính không có giấy thông hành mà chỉ có một giấy thuế thân cũ rách nát mang tên *Nguyễn Bính Thuyết*. Muốn tìm hỏi Nguyễn Bính tôi phải phác họa sơ hình dáng với người lính gác : — «Thầy có thấy một người Bắc, tóc không chải, mặc áo sơ mi bỏ ngoài đi guốc bị kẹt ở đây không ?»

Sau câu hỏi ấy, người lính gác «hanh nhện» trả lời : « Phải ông thi sĩ, thi sỡ gì đó không ? »

Tôi gật đầu. Liền đó, tôi chạy đông ra chợ mua một gói thuốc Bastos Xanh, một gói xôi hai ba đồng rồi trở lại «bót» năn nỉ người lính gác đưa giùm hai món ấy đến tận tay Anh Bính. Trong những ngày Anh Bính kẹt ở «bót», tôi nghỉ học để mỗi ngày tìm cách thăm nuôi. Người ta chỉ cho thăm chớ chẳng cho nuôi nên tôi không gặp mặt anh Bính. Buồn quá, tôi trở về căn nhà rêu làm bài thơ « Bên song ngục » để riêng tặng Anh Bính. Rất may Anh Bính chỉ kẹt vài ngày rồi được thả ra nên khỏi phải bị nhìn bao bố. Trở về căn nhà rêu, Anh Bính lại đau kiết. Lần này tôi

mua rau má đem với cơm nguội nhồi nắn thành từng miếng mỏng đem nướng lửa than bỏ vào siêu sắc cho keo cũng là một liều thuốc Nam hiệu nghiệm trị bệnh kiết. Chính má tôi đã dạy tôi làm hai món thuốc ấy. Bệnh kiết của Anh Bính chỉ tuyên giảm chút đỉnh chớ không khỏi hẳn vì anh vẫn uống rượu và uống nhiều hơn nữa sau khi được trả tự do. Chắc hẳn vì buồn đời và tiếc những bài thơ, mấy chồng bản thảo, Anh Bính uống hơi nhiều. Trong cơn say anh thường ngâm khe khẽ mấy câu thơ.

Chim kia có cánh thì bay

Con ơi có nước thì mầy phải thương

Thà rằng chết ở chiến trường

Còn hơn chết ở trên giường thê nhi

TRẢ CĂN NHÀ RÊU

Vài tháng sau anh Bính đi mất không cho tôi hay biết. Tôi lo ngại anh đã bị bắt một lần nữa vì lúc đó mức độ kỳ thị địa phương đang lên cao. Sau khi dò hỏi một lần nữa tôi mới biết anh Bính không hề bị bắt nên nghi ngờ anh đã vào chiến khu.

Căn nhà rêu được trả lại cho chủ sau ngày anh Bính không còn trở lại. Thềm rêu xanh mượt không in một dấu chân trong những ngày Nguyễn Bính nướng nấu ở đây sắp bị chà đạp. Trong thời giặc già có còn ai nuôi rêu trước thềm để đếm bước thời gian và nhìn ngắm màu xanh thắm. Thiên hạ sẽ bảo : «Chỉ có thằng điên mới nuôi rêu trước nhà trong nhà».

Năm sáu tháng sau tôi cũng vào chiến khu

Non mười năm sau tôi trở lại xóm Biền, đi ngang đường cũ không còn tìm được một dấu vết hoang tàn hay một vài cụm rêu xanh trước thềm thư trang. Có lẽ người chủ đã bán nền đất này cho kẻ khác.

Mười lăm năm sau nhân dịp về quê trong ngày Tết tôi lại trở về xóm Biền. Bây giờ mặt đất cũ đã vươn lên cao với những nóc nhà ngói. Xà bần và xi măng đã che lấp hẳn mặt đất lấp mắt ao vũng, bộ ván, giường ngủ và chái bếp. Cồng vào kiên cố, tiếng chó sủa hẳn học và tia mắt trắng của người đời đã xô đuổi tôi khỏi hẳn vòm trời kỷ niệm. Từ đó chẳng bao giờ tôi trở lại đường cũ và xóm Biền một lần nào nữa.

SOI GƯƠNG NƯỚC GIẾNG CHÁI ĐẦU NGÓN TAY

Lúc còn ngủ trước đình cụ Nguyễn trung Trực, anh Bính thường đi xuống nấc thang ở mé sông để rửa mặt. Rửa mặt xong anh Bính kéo vạt áo làm khăn lau. Anh Bính không biết lội, tôi phải bước xuống thang vì sợ Anh Bính té ngã. Nước ròng chảy chảy ra biển rất mạnh, có thể cuộn xoáy người té ngã xuống sông mà khó ai vớt được. Thấy Anh Bính ít tắm sáng tôi liền rủ đùa «Đố anh dám tắm sáng». Anh Bính trả lời : «Cậu có thấy Bính tắm chiều bao giờ đâu mà rủ tắm sáng». Thật ra anh Bính ít tắm. Nếu có tắm, Anh Bính chỉ xối ào ào vài gáo vài lon rồi chạy vô thay quần áo liền.

Trong một buổi sáng đẹp trời, Bính xuống thang rửa mặt như thường lệ, nhìn thấy một cô gái bên kia sông đang gánh nước liền đứng ngắm. Bỗng dưng. Anh Bính đọc hai câu thơ.

Tóc em từ độ rối sầu

Soi gương nước giếng chải đầu ngón tay

— Ai soi gương, ai chải đầu ?

Tôi vừa hỏi như thế, Anh Bính liền trả lời :

— Người đẹp bên kia đang soi gương, soi gương nước sông không phải nước giếng, còn người chải đầu ngón tay là..

Anh Bính vừa nói vừa cong ngón tay chỉ mái tóc vì anh có thói quen chải đầu bằng mười ngón tay. Rồi khỏi nấc thang, chúng tôi đi thẳng ra hướng cầu cất để đến ăn sáng tại quán cà phê Quảng Phát. Dọc đường anh Bính còn ca ngợi tác động chải đầu bằng ngón tay của những cô gái Việt Nam, anh Bính nói rằng : Khi một cô gái hay một thiếu phụ chải đầu bằng ngón tay chính là lúc họ đang ve vuốt một vết thương lòng hay vỗ về một cơn sóng ngầm trong tâm tình. Đó là lúc họ suy tư thương nhớ sắp yêu hay đã khổ vì yêu. Tôi chỉ nghe và gật đầu chớ thật ra lúc ấy tôi chưa hề nghĩ đến chuyện yêu đương vợ vãn. Ngoài ra, anh Bính còn thích yêu những mái tóc rối hơn là những mái tóc chải suông sẽ. Với những người chải tóc suông sẽ láng mượt anh cho rằng tóc đã bị đàn áp đã bị trói buộc vào công thức khuôn khổ. Cứ để cho tóc rối tung và tóc cuộn bay theo gió để cho thi sĩ làm thơ. Tôi buột miệng trả lời :

« Anh nói đúng. Chỉ có thi sĩ mới yêu tóc rối và những bàn tay ngà làm lược.

Liền đó tôi lại trở giọng :

— Coi chừng những mái tóc rối nuôi chí (người Bắc nói con chấy) và những người chải đầu bằng ngón tay là những người gãi tóc ngứa hay gãi gàu. Anh Bính nghe câu nói ấy liền mỉm cười : « Cậu làm mất chức thơ của cái gì còn nguyên vẹn về nguyên thủy !

Câu chuyện soi gương nước giếng chải đầu ngón tay vừa đến lúc kỳ thú thì hai người cũng vừa đến quán cà phê Quảng Phát.

CHIẾC BÀN NHỎ TRONG GÓC

Quán cà phê này nằm bên trái nhà thuốc tây Nguyễn Khoa

Dai một vài căn. Tiệm cà phê này cuốn hút đông khách hàng. Vào mỗi buổi sáng, hàng bún, bánh tầm xe Rạch Giá nổi tiếng là ngon nhất ở Hậu Giang. Dân ở Rạch giá lúc đó không ăn cơm tấm vì họ cho cơm tấm là món ăn không ngon. Anh Bính thích bún, bánh tầm Rạch Giá nên thường nói : « Bính đi nhiều, ăn nhiều thứ, nhưng chưa thấy bún và bánh tầm nào ngon bằng bún và bánh tầm ở xứ cậu ». Được khen tôi càng lùng hơn nữa : « Rạch Giá mà anh. Đâu phải Saigon mà làm dối, nói dối. Lần đầu tiên tôi và Bính đến ngồi phía trong góc. Lần sau và nhiều lần khác. Anh Bính đòi phải ngồi ở ngay bàn cũ. Khi nào tiệm cà phê đông khách và chiếc bàn cũ đã bị chiếm thì hai người phải đợi cho khách ra rồi mới bước vào. Tôi cho rằng Anh Bính khó tánh. Riêng Anh Bính thì nói khác : « Ngồi một bàn mình sẽ có nhiều kỷ niệm về cái bàn đó. Phải ngồi ở một chỗ quen thuộc để nhìn ngắm cuộc đời và người đời luôn thay đổi xê dịch quanh mình. Và lại sự chọn tự do này không làm mất tự do của kẻ khác, thì mình cứ làm theo ý mình ».

MỐI TÌNH CHUÔNG NGỌ

Bính đã kể một mối tình giữa Anh và một cô gái miền Bắc mang tên *Tú Uyên*. Cô này là một tín đồ của chúa. Lúc còn đi hát cô đầu Anh Bính có dịp sống gần với Thâm Tâm và Trần Huyền Trân. Thâm Tâm có mượn một căn gác trọ ở cạnh nhà thờ, nhà thờ này thường đồ chuông ngọ đúng mười hai giờ trưa. Anh Bính không đeo đồng hồ nên mượn tiếng chuông ngọ để biết giờ trưa. Lúc ở xóm này Anh Bính đã yêu nàng Tú Uyên có thể nói Tú Uyên là nàng thơ của Nguyễn Bính lúc đó. Tú Uyên thường đem giấy mực hoa trái đến gác trọ để dâng tặng cho Nguyễn Bính. Thân phụ của nàng Tú Uyên là một tín đồ ngoan

đạo thường đến nhà thờ trước hồi chuông ngọ để làm lễ trưa. Trong lúc người cha vắng nhà nàng Tú Uyên thường lên đến gác trọ để nói chuyện tâm tình. Bài thơ «*mười hai giờ trưa hay chuông ngọ*» được sáng tác từ mối tình Uyên-Bính và trong bối cảnh của lễ trưa :

*Lạy chúa con xin chúa một giờ
Mười hai giờ ngọ của tình xưa
Hai đứa con đây Uyên và Bính
Thường hẹn hò nhau những buổi trưa*

Bài thơ này rất dài tôi chỉ nhớ đoạn đầu và đoạn sau.

*Chuông ngọ từng hồi chuông ngọ đồ
Từng hồi chuông ngọ đồ chơi vơi
Con nghe chuông đồ rồi con khóc
Cứu rồi linh hồn con chúa ơi !*

Mối tình Uyên Bính đã chấm dứt trong dang dở sau khi thân phụ của Tú Uyên gả ép con cho một người khác chắc hẳn là giàu hơn thi sĩ Nguyễn Bính. Mối tình dang dở Uyên Bính cộng vào nhiều mối tình dang dở khác đã thúc đẩy Nguyễn Bính mở chuyến độc hành Nam tiến Anh Bính đã kể lại mối tình này trong quán cà phê một cách say mê :

— Chắc hẳn bây giờ nàng đã có nhiều con. Bồn phận làm mẹ sẽ bắt buộc nàng quên dĩ vãng. Không biết nàng có hưởng được hạnh phúc hay không. Cầu trời cho Nàng được sống yên vui dưới mái gia đình — Lời nói tuy rất chân thành nhưng không che dấu được ít nhiều nuối tiếc.

Uống hết hợp cà phê đen chót Anh Bính khẽ ngâm một lần nữa bài thơ «*mười hai giờ trưa*».

Khi phiên chợ sáng ở Rạch giá đã tan rồi.

Sau câu chuyện tình Uyên Bính tôi và anh Bính không còn

trở lại quán cũ đề ngồi ở bàn cũ. Có lẽ đó là lần chót mà Anh Bính đã kể chuyện tình, chuyện tâm sự với tôi trước khi rời biệt tỉnh thành Rạch Giá.

Mười mấy năm sau tôi sửa chữa bài thơ « Hoa Trắng thổi cài trên áo tím » bên bờ hồ ở Bến Tre tôi quên mất mình đã vô tình lấy một câu thơ chót trong bài thơ « 12 giờ trưa ».

« Cứu rồi linh hồn con chúa ơi ! »

Mãi đến khi viết đến đoạn này tôi mới nhớ ra câu thơ ấy là của Nguyễn Bính.

*Chuông ngọc từng hồi chuông ngọc đổ
Từng hồi chuông ngọc đổ chơi vơi
Con nghe chuông đổ rồi con khóc
Cứu rồi linh hồn con Chúa ơi.*

N.B.

*Lạy chúa con là người ngoại đạo
Nhưng tin có chúa ngự trên trời
Trong lòng con giữa màu hoa trắng
Cứu rồi linh hồn con chúa ơi !*

K.G.

MÂY NHẬT HAY MỘT NỮ TU SĨ TRƯỚC NGUYỄN BÌNH

Còn rất nhiều giai thoại dính líu đến nhiều người ái mộ tài nghệ của Nguyễn Bính ở Rạch Giá. Một cô gái với phong cách nữ sinh, đôi mắt buồn, vóc dáng mảnh mai mang tên *Mây Nhật* đã làm cho Nguyễn Bính ngơ ngẩn. Chúng tôi tạm giấu tên thật vì cô gái ấy giờ là một nữ tu sĩ đã khép kín cuộc đời trong mọi công cuộc từ thiện. Vả lại câu chuyện này rất dài không thể kể hết

trong một vài trang giấy. Trong một dịp khác tôi sẽ viết lại mối tình cảm giữa Nguyễn Bính với cô gái mang tên *Mây Nhạt* (Mây Nhạt được dịch ra từ mỹ danh ghép bằng tiếng Hán Việt). Tạm ngưng phần kể lại giai thoại của Nguyễn Bính ở Rạch Giá. Tôi bắt đầu kể một vài chuyện thật mà tôi đã gặp Nguyễn Bính lúc ở khu chín.

TRONG NHỮNG NĂM ĐỐT ĐUỐC SOI RỪNG

Nguyễn Bính đi vào chiến khu trong vòng năm 1947. Tôi đi sau vài tháng. Lúc mới vào chiến khu tôi đã bị giam lỏng ở tại Ty công an tỉnh này. Hồi đó, những người ở thành mới vô đều bị giữ lại trong một thời gian. Bao nhiêu nhiệt huyết đều ngưng đọng trong những ngày « nằm vùng ». Nằm vùng có nghĩa là nằm trong vòng đai kiểm soát dòm ngó của cơ quan tiếp nhận. Hay tin tôi vào chiến khu. Anh Bính đến đề bảo lãnh, nhưng lời yêu cầu của anh Bính không được chấp nhận. Tôi đâm ra chán nản. Anh Bính khuyên nhủ : « Cậu rần chờ trong ít lâu Bính sẽ có cách đưa cậu đi khỏi chỗ này. Khi anh trở lại lần thứ nhì, thì tôi đã được đưa đi nơi khác. Sau đó tôi gặp Anh Bính, lúc anh làm Hội Trưởng Hội Văn Hóa. Lúc ấy anh Bính ở một căn nhà lá bên bờ kinh chắc Băng. Chị Bính là một người Miền Nam đầy đà tên PH. được anh giới thiệu với tôi. Anh cho biết bệnh kiết đã dứt hẳn, ít uống rượu nhưng thỉnh thoảng vẫn uống lén. Con người thi sĩ từng sống phóng túng sau khi đã bị khép vào khuôn khổ làm sao tránh khỏi ít nhiều bức dọc. Lúc ấy anh Bính không còn mặc áo « sơ mi » bỏ ngoài mà mặc áo bà ba. Gặp tôi lần đầu, Anh Bính liền vật gà rồi cũng lai rai rượu đế. Ở vùng này cá mắm thì nhiều còn gà vịt thì ít. Kiếm được con gà để xé phay kê ra cũng là một công khó. Bơi xuống đi mua rượu cũng là một công

khó gấp bội. Trong tiệc, Anh Bính thú nhận « Nếu không bị bắt ở Rạch Giá có lẽ anh đã vọt lên Saigon để sống lại với nghề viết mướn. »

Tuy biết bà vợ hay ghen nhưng Nguyễn Bính vẫn hỏi nhỏ tôi về cô gái mang tên Mây Nhật : — « Sao ? Nàng thế nào ? còn đứng dựa hòn non, đọc sách hay nép bên rèm nghe ngâm nữa không.

— Anh sao mơ mộng quá.

— Thi sĩ có trái tim, có quyền yêu và nhớ chớ.

Yêu với mỗi tình cảm là vô hại. Cũng trong tiệc đó tôi cho Anh Bính hay *nàng Mây nhật* đã lên Sài Gòn có lẽ để học đạo Anh Bính uống cạn ly rượu, gật gật đầu mắt lim dim, mặt thoáng nét buồn rười rượi rồi ngâm khẽ :

Văng bóng cô em từ dạo ấy

Đề buồn cho những khách Sang sông

Ngâm xong anh Bính gỡ ly trên chiếc mâm cây rồi nói với giọng quả quyết : Nàng sẽ đi tu. Đúng như lời tiên đoán của Anh Bính. Cô gái mang tên Mây Nhật đã dâng cả tuổi xuân và tuổi đời bên chân Chúa và dưới vòng tay Đức Mẹ sau khi rời tỉnh thành Rạch giá. Bấy giờ Anh Bính tỏ ra nuối tiếc bản thảo tập thơ « Mây Nhật » mà tôi đã được xem qua đã bị lạc mất sau khi anh vào bót « Giếng Nước » Những bài thơ làm cho cô gái mang tên Mây Nhật được chép bằng mực tím trên giấy « pelure » màu xanh nhạt.

KIỀU MỘC GIỮA BIỂN CỎ

Anh Bính thích nhắc chuyện đời xưa và kỷ niệm đề thương nhớ bằng quơ rồi ném trả tất cả sau lưng để nhìn thẳng và đi tới.

Anh cũng thú nhận không tìm được hạnh phúc sau khi lấy vợ ; Vợ anh cũng biết viết văn và tra bàn cãi. Do đó, hai vợ chồng thường gấu ó khi cả hai đối chọi ý kiến trong một chủ đề về văn nghệ. Tuy nhiên, mọi cơn sóng gió đều lắng xuống rất mau và vợ chồng lại làm lành để cùng nương dựa nhau trong những ngày kham khổ,

Anh thường nói : Hai vợ chồng cùng nghề nghiệp cầm bút thì hạnh phúc rất mong manh. Người viết văn hay làm mọi ngành nghệ thuật chỉ cần người vợ biết hiểu giá trị nghề nghiệp của chồng biết chiều chuộng, biết nuôi chí hướng cho chồng thì chồng mới có thể sáng tác hay được. Hai vợ chồng cùng làm một nghề thì lấy ai mà chăm sóc cho ai.

Anh Bính cũng nhấn mạnh.

— «Đàn bà viết văn hay làm nghệ thuật đều «hách» đôi khi tưởng mình ngang hàng hay hơn chồng...»

Đó là một nếp suy tưởng của Nguyễn Bính. Tôi chỉ viết lại sự thật để cho những cặp vợ chồng cùng làm nghề cầm bút thử mở một cuộc trắc nghiệm để xác định lại quan niệm ấy có đúng hay không.

Nguyễn Bính sống ở miền Nam lâu năm nên giống người miền Nam ăn ngay nói thẳng. Do đó anh đã nhiều lần than phiền lẽ lỗi chỉ đạo văn nghệ đã bóp méo hứng cảm của thi sĩ.

Nguyễn Bính tuy cắt đứt được cái đuôi gàn bướng của thi sĩ nhưng thỉnh thoảng vẫn nổi máu giang hồ thêm đi và đi mãi.

Đã dành máu chảy về tim

Nhưng khôn ước nổi cánh chim giang hồ

Phải chăng anh ngâm thơ ấy để gián tiếp báo trước một chuyến đi.

Vài tháng sau tôi được tin anh xin về khu tám ở Đồng Tháp Mười. Hình như về đây anh đã sáng tác hăng hơn ở khu chín.

Ít lâu sau, anh gửi cho tôi một thi phẩm loại bỏ túi kèm theo lá thư báo tin anh đã sáng tác rất nhiều.

Bài thơ *Hương* và *Những người của ngày mai* là hai bài thơ dài. Trong bài thơ *Hương*, tôi nhớ hai câu :

*Nút áo tuyệt cặp vú tròn lồ lộ
Bị bàn tay lông lá dẫm bừa lên*

Với hai câu thơ ấy, anh Bính mô tả một xếp đồn đang chuẩn bị cưỡng hiếp một cô gái. Nhiều người đọc hai câu thơ ấy vội vàng kết tội Nguyễn Bính đi sai lập trường, mượn cảnh Tây cường hiếp để khiêu dâm.

Khi đọc bài thơ «*Những người của ngày mai*» tôi cảm thấy nhớ thương anh Bính và liên tưởng đến những ngày anh Bính nấu nướng trong căn nhà rêu ở xóm biển Rạch Giá.

*Ở chòi hẹp mà hồn trùm vũ trụ
Trái tim đau nhưng thương cả loài người
Đã nhiều hôm không thấy bóng mặt trời
Bởi làm việc liên miên và bí mật
Mắt quầng thâm, đêm đêm rờn rã thức
Da xanh xao vì muối thật nhiều*

Căn nhà rêu ở xóm biển Rạch Giá cũng nhỏ hẹp như căn chòi ở Đồng Tháp Mười. Còn muối chợ thì cũng lớn con đâu thua muối Đồng Tháp.

Đọc mấy câu thơ phác họa khung cảnh Miền Nam :

*Quê các anh ở Miền Nam bát ngát
Trái dừa xiêm nước ngọt buổi trưa nồng
Đôi ba cô con gái hán hàng bông*

*Chèo yều điệu một xuồng đẩy vú sữa
Theo đường kinh đi sâu vào biển lửa.*

Tôi cảm thấy thương mến anh nhiều hơn nữa. Trong những ngày dạy học ở *Thủy Liễu* và những chuyến đi xuôi ngược khắp sông rạch ở miền Hậu Giang, tôi còn được nghe trẻ con mượn lời thơ Nguyễn Bính để hát đưa em.

*Thấy dừa thì nhớ Bến Tre
Thấy bông sen nhớ đồng quê Tháp Mười*

*.
Chim kia có cánh thì bay
Con ơi có nước thì mây phải thương
Thà rằng chết ở chiến trường
Còn hơn chết ở trên giường thê nhi.*

Anh Bính thích nhắc chuyện đời xưa và kỷ niệm đề thương nhớ bằng quơ rồi ném trả tất cả sau lưng để nhìn thẳng và đi tới.

Thơ của Nguyễn Bính đã đi sâu vào đại chúng nặng lòng yêu nước chống xâm lăng nhưng con người thi sĩ không mấy được trọng dụng? Hơn thế nữa, anh Bính là người phóng túng mang trọn vẹn tâm hồn thi sĩ đi vào cuộc đời nên làm sao tránh khỏi một vài cơn dỗi ngược đưng đầu trước kỷ luật tròn ốc. Kẻ chỉ đạo văn nghệ nhưng chẳng biết làm một câu thơ hay chẳng hiểu gì về văn chương nghệ thuật thì nhứt định sẽ bị anh Bính chống đối. Người làm văn nghệ tức nhiên đã làm cách mạng và trong vài khía cạnh vượt trội những nhà cách mạng xu thời hay kẻ làm chánh trị nửa mùa.

Trong những bức thư sau, anh Bính ký tên *KIỀU MỘC* hoặc ký tên Nguyễn Bính sau hàng chữ *KIỀU MỘC TRANG CK 8* ngày... Có lẽ trước căn chòi hẹp của anh Bính có bắc một chiếc

cầu cây nên anh tự ví mình là chiếc cầu ấy. Chiếc cầu cây đã nối liền hai bờ rạch nhỏ, sông con nhưng kẻ qua sông đã dẫm đạp và quên mất người bắc cầu. Ít nhiều tâm trạng bất mãn được bộc lộ trong bút hiệu *KIỀU MỘC* chẳng ?

Hình ảnh chiếc cầu cây chồi lá vươn lên giữa sóng biển có phải chăng là hiện thân của Nguyễn Bính đang cựa mình vươn lên với năng thơ nghèo khổ nhưng « có trái tim đau thương cả loài người và tâm hồn trù phú vũ trụ ».

TUỒNG CHỮ ĐỨNG

Nguyễn Bính viết chữ đứng. Dấu ngã và sắc được viết xĩa xiêng dài lên trời chữ g không bao giờ có vòng tròn. Nếu viết chữ đứng tôi có thể nhại tuồng chữ của Nguyễn Bính 8 phần 10. Đã nhiều lần tôi bắt chước ký tên Nguyễn Bính. Chính Bính cũng cho rằng chữ ký giả rất giống chữ ký thật.

RỜI MIỀN NAM TỪ CAO LÃNH

Lúc còn đi kháng chiến, tôi chỉ gặp Nguyễn Bính ở KÈ MỘT, CHẮC BẮNG, NƯỚC TRONG. Khi anh về chiến khu 8, anh thường gửi thư khuyên nhủ tôi bám cứng ngòi bút dầu phải chịu nghèo đói kham khổ đến mức nào. Anh thường trách cứ những người ngăn cản việc sống chung giữa tôi và anh.

Tôi về thành năm 1953. Năm sau tôi nghe tin anh lên đường tập kết ra Bắc Anh Bính rời hẳn Miền Nam từ bến sông Cao Lãnh. Lúc đó anh và chị không còn ở với nhau. Hình như vợ anh Bính còn ở lại.

HAY TIN ANH CHẾT

Đến năm 1966, hay tin anh Bính chết ngày 29 tháng chạp Ất Tỵ, tức ngày giáp Tết Bính Ngọ (20-1-đl 1966) qua lời của

nhà văn Thanh Nam, tôi vừa xúc động vừa sửng sờ. Mấy năm sau từ ngày nhóm Trăm hoa đua nở ở Miền Bắc, bị « tẩy não », anh Bính bất mãn trở về quê ở Nam Định và thờ hơi cuối cùng trong cảnh thanh bần. Báo chí và đài phát thanh bên kia chỉ loan tin một cách vắn tắt và không hề nhắc nhở đến thi nghiệp và công trình kháng chiến của anh lúc ở Miền Nam,

Bây giờ đọc lại bài « Tỉnh giấc chiêm bao » của Nguyễn Bính đăng trên báo Trăm Hoa xuất bản ở Hà Nội ngày 9-12-1956.

Chín năm đốt đuốc soi rừng

Về đây ánh điện ngập ngừng bước chân

Cửa xưa màn trúc còn ngăn

Góc tường vẫn đọng trăng xuân thuở nào

tôi đã hiểu Nguyễn Bính rất Nguyễn Bính. Không hề cúi xuống và nhắm mắt để làm thơ để bị sai khiến.

Sau chín năm đốt đuốc soi rừng trảm U Minh và vệt sóng biển cỏ Tháp Mười, Nguyễn Bính trở về nguyên quán với tâm trạng.

Thuyền nghe mỗi rạn trong xương cốt

Nằm kể cho sông chuyện hải hồ

(H.P)

Hơn thế nữa, Nguyễn Bính vẫn phong tặng mình là danh tướng mặc dầu công lao hạn mã đã bị bỏ quên chẳng ?

Ngày ấy bút cùn gươm dáo gươm

Tả tơi khô giáp, rách quân kỳ

Ta như danh tướng vừa thua trận

Nằm giữa sa trường, vạ tử thi

(Thơ cũ)

CHUYẾN TÀU ĐÊM VÀ GA ĐỜI

Bao nhiêu thư từ, bản thảo, thi phẩm mà Nguyễn Bính đã gửi và trao tặng cho tôi đã bị lính Miên « Pát-ti-săn » đốt cháy theo đồng rơm ở xã Long Thạnh Gò Queo lúc tôi còn dạy học. Thật là uổng ! Khi viết gần đến phần kết, tôi nâng niu thi phẩm « *Lỡ bước sang ngang* » đọc nghiền từng trang từng bài. Bỗng dưng tôi nghe tiếng còi tàu đêm thét lên mơ hồ xa vắng.

*Mà mãi hôm nay mới nhớ ra
Đời mình chẳng khác chuyến tàu qua
Nhưng từ ga lớn qua ga nhỏ
Đời chẳng làm cho lấy một ga*

*Tàu biết bây giờ chạy đến đâu
Đêm sâu hoàn trả lại đêm sâu
Bỏ đây một chiếc tàu nghiêng đổ
Và một toa tim nặng oán sầu*

Tôi tin chắc rằng thi sĩ Nguyễn Bính đã chở một toa tim nặng oán sầu để chạy sâu vào thế giới bên kia — chạy trốn những kẻ phụ phàng, phản phúc mà anh thường cho là phạm phu tục tử. Tuy nhiên anh Bính vẫn dành một toa nhưng găm để chở tình nhân, cố nhân, và những người bạn đời, bạn đường không phải là phường « mắt trắng như ngân nhũ ».

Anh Bính ơi ! tôi viết bài này gần khu phố mà anh đã ở trọ lúc làm báo *Đàn Bà* ở Sài Gòn trước năm 1945.

Đọc bài thơ « *Lá thư về Bắc* », tôi cảm thấy ớn lạnh. Phải chăng người thi sĩ đầu bù, mặc áo sơ mi bỏ ngoài lại hiền hiền

*Một buổi sớm mai đến Sài Gòn
Thân em chẳng khác con chim con*

*Bơ vơ trong xứ người xa lạ
Rộn những phồn hoa, em chạnh buồn*

Bây giờ tôi đang ở trong xóm Nan Cy. Nghe nói anh cũng ở Nan Cy nằm trong khu vực Chợ Quán giữa ruột hai đường Nguyễn Biều và Cộng Hòa. Biết như thế, tôi cảm thấy vừa sung sướng vừa ngậm ngùi đọc mấy câu thơ cũ

*Quán trọ nhà thơ như chiêm bao
Khi thì Chợ Quán, lúc Đa Kao
Hiện nay sống tạm bên cầu Muối
Rồi biết mai kia ở chốn nào ?*

HÃY ĐỀ MỒ ANH XANH SẮC RÊU

Trước thềm ngày giỗ thứ năm của thi sĩ Nguyễn Bính, tôi viết một phần cuộc đời và tâm tình giữa một con người với một con người, đề thương tiếc không nguôi một người anh trên thi đàn đã khích lệ tôi theo đuổi cái nghề chết đói : LÀM THƠ.

Tôi đang nuôi dưỡng một ước vọng ! «Ngày nào hết chiến tranh, tôi sẽ viếng mộ phần của thi sĩ Nguyễn Bính và sẽ đốt tuần nhang trước tấm bia rêu đề chữ *Nguyễn Bính Thuyết*.

Tôi sẽ ngâm lại bốn câu thơ mà anh đã dán trong căn nhà rêu ở xóm biển Rạch Giá.

*Tư độ về đây sống rất nghèo
Bạn bè chỉ có gió trăng theo
Những phường bất nghĩa xin đừng đến
Hãy đề thêm ta xanh sắc rêu.*

Ngày ấy chắc tôi phải sửa hai chữ trong câu chót.

Hãy đề « Mồ Anh » xanh sắc rêu

Tôi ước mong ngày ấy trời hanh nắng chỉ có Mây Nhật bay phơn phớt ở lưng trời.

Anh Bính sẽ ngủ yên và mỉm cười trong vòm trời mây nhật và trong màu rêu xanh thắm.

Anh Bính ơi ! Cô gái mang tên Mây Nhật bây giờ là một tu sĩ biết có đọc được phần chót trong bài này không ?

Tôi ước mong — chỉ một lần thôi « Mây Nhật » sẽ chờ chuông ngọ đồ đồ lắng nghe tiếng khóc từ đáy mồ vọng lên :

Chuông ngọ từng hồi chuông ngọ đồ

Từng hồi chuông ngọ đồ chơi vơi

Con nghe chuông đồ rồi con khóc

Cứu rồi linh hồn con chúa ơi !

Cũng có thể Mây Nhật sẽ khe khẽ ngâm hai câu thơ chót với tâm tình của tuổi băng trình

Em nghe chuông đồ rồi em khóc

Cứu rồi linh hồn ANH chúa ơi !

Xóm Nancy đêm 4-1-70

KIÊN GIANG

Nguyễn Sa

Nguyễn Bính trong trí nhớ

Nguyễn Bính, với tôi, bây giờ là tiếng hát. Tiếng hát văng đưa, tiếng hát lũy tre, tiếng hát buổi chiều mùa thu còn chút nắng không đủ ấm tiếng hát trẻ nhỏ khóc, tiếng hát thiếu nữ ngồi hong tóc, tiếng hát của mẹ, của Hà nội xa vắng, của Vân đình lo sợ, của những ngôi làng ven đường số năm cuối cùng trong ảo vọng. Đó cũng là tiếng hát trong ánh đèn của những phòng trà Saigon khoảng thời gian mới đi vào cuộc đời văn nghệ, và cũng là nỗi vang vọng đứt khúc của quê hương thanh bình trong kỷ niệm và ước vọng.

Tôi nghe thấy tên Nguyễn Bính lần đầu khi học lớp nhất. Nghe với cặp mắt mở lớn những ngơ ngác đầy ắp những sương mù. Đó là khuôn mặt nghiêm trọng của những anh học trò lớn trọ học ở nhà, những anh lớn đi đi lại lại trên gác đọc to *Le Cid* với những dáng điệu vung lên, vung những hành lễ cùng với những sấm truyền kỳ lạ. Những anh lớn buổi chiều đứng bên cửa sổ, mở ra cùng với khung trời trước mặt, những ngâm ngợi của tuổi lớn. *Tôi đứng bên này cửa khổ đau. Bên kia nàng dạo biết chi sâu... Hỡi Thượng Đế tôi cúi đầu trả lại Em chỉ nói rằng đời*

em buồn. Thế rồi nước nở lệ sầu tuôn... Những anh lớn đó một buổi trưa, chẳng còn nhớ được đó là ngày của mùa đông hay tháng của mùa hạ, chạy về nhà. Nhớ rõ : họ chạy về nhà bằng bước vội. Và sự nghiêm trọng chạy trong bước chân, đứng nặng trên vai, nằm sâu trong mắt. Họ bàn cãi chẳng biết đến sự giục giã của mẹ, của hương thơm phức của những con tôm bao trứng. Tôi nhớ lắm những con tôm bao trứng. Phải rồi, đó là mùa đông. Mùa đông tôm bao trứng mới thơm đến thế. Đó là sự khéo léo tốt cùng. Mỗi con tôm được đồ xuống cẩn thận vào chảo mỡ nóng với một thìa trứng đây. Có khi dưới thêm vào đó một chút trứng cho con tôm to, cho đủ lượng cần. Một con tôm bọc trong màu vàng nhậy, trong bàn tay thận trọng, trong gió hun hút lửa qua khe cửa đủ sức công theo một bát cơm có ngọn. Hai con hai bát. Thỉnh thoảng mẹ cho tôi ba. Tôi còn nhỏ. Tôi gọi. Họ chẳng xuống. Họ ngồi với nhau trên gác bàn cãi, thảo luận với ưu tư, cuối cùng chung góp. Tôi không biết chắc đó là những đồng bạc để mua một cuốn sách hay để cùng với người bạn mang lại đời sống cho một cuốn sách, hình như chung góp, nhưng chắc chắn khi *Lỡ bước sang ngang* được mang về, nhiều ngày sau, cuốn sách được truyền từ bàn tay trang trọng đến bàn tay trang trọng, từ ngón nâng niu đến ngón cứng chiều, tay này đã cầm, tay kia còn đỡ, và khi đã tới mắt thán phục chưa rời. Cuốn sách không làm tôi quan tâm gì. Vào tuổi đó, sự việc phải thế. Nhưng chẳng đọc lúc mà tôi vẫn đọc, hay đúng hơn vẫn thuộc, thuộc tất cả từ khởi đầu *Em ơi em ở lại nhà. Vườn dâu em hái mẹ già em thương...* cho đến đoạn cuối đi qua những lúc những ngày tháng *chàng nghệ sĩ tưởng đồ còn chuyển ngang*, đi qua đó rồi bỏ đi mặc những nước nở vang vọng. Tôi đã nghe đọc bài thơ, đã thuộc làm lòng bài thơ thật lâu trước khi đọc sách trước khi quan tâm đến thi ca. Những anh lớn đã đọc sách đã

ngâm ngợi. Nhưng tiếng nước nở vang vọng chỉ thật sự đến với mẹ, đi sâu vào tôi mỗi ngày với tiếng văng đưa, với mẹ. Mẹ đọc Lữ bước sang ngang để làm thành một nhịp cầu mang lại giấc ngủ cho những đứa em nhỏ không biết bao nhiêu lần. Ở Hà nội mùa đông và mùa hạ. Ở Vân đình những ngày tản cư những ngày Vân đình còn nhận nhịp về bình yên của khu an toàn trước khi quân Pháp nhảy dù. Ở Hải dương, ngôi làng của những ngày hè đánh đáo với những đồng trinh vàng, với đồng xu cái mài nhẵn, chơi bi với những hòn tròn ngâm trong dấm cho dấm ăn ồ chồ để bắn cho xoáy cho lúi trên mặt đất thịt mềm mà không ướt sau cơn mưa mùa hạ. Mẹ đọc Nguyễn Bình ở nhiều nơi, nhiều lúc, ở nhiều đoạn. Tôi nghe đứt đoạn. Thuộc đứt đoạn. Cứ thế, ngày tháng và sự nhắc lại, giọng hiền dịu nhắc lại, nỉ non nhắc lại làm cho những đoạn thơ đứt khúc, rời rã thành những cánh tay tìm thấy nhau, những cây cỏ, đá và dốc, suối và thông reo, làm thành núi nguyên vẹn trong trí nhớ. Cho nên, tôi chẳng thể bỏ được cái ý tưởng, không dựa trên phân tách nào hết, không xây trên biện chứng nào cả, ôi phân tách và tổng hợp; nhận thức trực tiếp và nhận thức biện chứng, sự phân biệt phân tách và phân chia, tổng hợp và hòa hợp, mười mấy năm trời tôi đùa rớn với những trò trẻ đó trong các lớp học, mà trẻ con mới học xong lấy làm quan trọng, tưởng chừng khai phá được núi non, những phân tách và tổng hợp đó chỉ đưa ta đến vùng ngoại ô của thành phố, đến đồ trang sức của thân thể, đến sự mù lòa của trí thức trước thi ca, cái ý tưởng, văng cái ý tưởng vu vơ là một trong những tinh túy của giọng lục bát của dân tộc là đó không phải là sợi chỉ có một khúc đầu và một khúc cuối không phải là giọng sông khởi đầu bằng suối và tận cùng nơi cửa biển dù nó, thơ ấy, vẫn có một khởi đầu và một tận cùng. Nó thơ ấy, là sự mịt mù của biển. Ta có thể đến với nó trên

một con thuyền lênh đênh, có thể bắt đầu từ một bãi vắng, nơi một hải đảo. Hay ở trên nhìn xuống cũng được. Bơi lội ở đó nhất định thống khoái. Mùa xuân đã tới, cần gì phải bắt đầu từ *trăm năm trong cõi người ta*. Ta cất tiếng lên là đã *cỏ non xanh rợn chân trời*. Hoa lê nở đã trắng trong tâm hồn làm sao không bắt đầu từ đó cho được. Cuộc đời bi thảm của người con gái yêu mến và mơ ước chẳng được hiện ra thì *nửa chừng xuân thoát gầy cành thiên hương* cũng tới. Đến đó, nơi của yên ngựa và lòng chảo, nơi của vùng cao độ này và cao độ khác trên họa đồ quân sự cần gì phải nhớ đến Từ Hải lâm liệt, đến những Khuyển Ưng Khuyển Phệ sa-địch hèn hạ bởi vì đã trong suốt *nao nao giòng nước uốn quanh. Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang*.

Nguyễn Bính cũng là sự bắt đầu ở bất cứ đâu, tận cùng mà chẳng hết. Đọc bài thơ rồi lại đọc lại như chưa bao giờ hết.

Đó là sự xuôi chảy, là giòng nước, nước đi theo nước, sóng bước theo sóng, giòng vội vàng và liên tục của con sông thần thánh gọi là cảm hứng một ngàn cuộc đời mới đi qua một, một ngàn ngày đời mới đến chỉ một chiều tối một sớm hôm. Đứng ở ngoài thơ, cái *anh bịt mắt nhìn trăng* gọi ánh sáng bình dị là dễ dãi chẳng thể hiểu được rằng những bay lượn trong nắng trong mưa của hải âu một ngàn đời cơ giới chẳng tới được, những hồn nhiên của hơi thở ước vọng tạo thành được bằng những hóa chất tinh vi chỉ là ảo vọng. Lấy những khéo léo nhân tạo nào mà làm cho nên được những lúc sông mở lớn trông chẳng thấy bờ, những khi nước rẽ mà thế giới đổi thay, cây cỏ trên bờ tưởng như tự nhiên mà mọc, không làm mà có, tưởng như đến từ không làm sao rủ được xuống đó bóng mùa hạ, ném xuống đó cánh mùa đông rì rào trên đó những lạnh buốt sương muối.

*Em ơi em ở lại nhà, Vườn dâu em hái mẹ già em thương...
Miếu thiêng vụng kén người thờ, Nhà hương khói lạnh chị nhờ*

cây em... Trời mưa ướt áo làm gì, Năm mười bảy tuổi chị đi lấy chồng, sông đầy, nước đầy, bờ đầy, cây cỏ, cảnh khô trôi và thuyền lặng lẽ. Tại sao đầu sông là một bãi dâu đầy lá lại đưa tới cửa biển có sóng ngút ngàn răn reo má mẹ, tại sao chiếc miếu hoang bên này sông lại đối diện với ngôi nhà tận bờ bên kia nhìn chẳng thấy mà đã rõ hoang vu của từng viên đá cũ, và cơn mưa nào đã rơi trên mái tóc mười bảy, bánh pháo nào đã vỡ trong mắt mẹ trông theo, lược nào chải được mắt quầng, gương nào soi thấu được tơ trong tóc rối. Cặp mắt nào nhìn kịp được đôi cánh lớn của trí tưởng bay từ núi ra biển, bay từ mùa đông trở về lúc lập xuân, bay từ than thở đến tâm sự, từ dạn dò em đến thương sót mẹ, từ đáy sâu liễu lĩnh tới bề mặt chấp nhận, từ định mệnh đè trên ngực đến phản kháng yếu ớt, từ mắt ước mơ tới cúi đầu cam chịu.

Nguyễn Bình trong trí nhớ như thế đó.

Nguyễn Bình trong trí nhớ một đêm trở lại trước mặt tôi bằng rộn ràng âm nhạc, bằng ánh đèn chói lòa, bằng phấn son duyên dáng, bằng áo màu rực rỡ. Thùy Nhiên, có đúng người ca sĩ đó tên là Thùy Nhiên không, hình như thế, có lẽ thế, nhưng chắc chắn có một người nào đó, làm sóng nhấp nhô, làm cười cợt, làm tình tứ, làm một « cô nhân tình bé » bằng âm thanh. Cô nhân tình bé, thật lạ, như người khách nào trên Tầm dương xưa lần âm thanh hiện ra. Tôi nhìn thấy. Tôi muốn nàng như thế. Tôi muốn môi nàng « chỉ mỉm cười ». Tôi muốn nàng chỉ nhìn tôi « những lúc tôi xa xôi ». Tôi đòi hỏi cái quyền, cái độc quyền mang cái không gian thơm ngát đó vào lồng ngực, cái hạnh phúc bơi lội một mình cùng với con cá kỳ lạ trong bể tắm đã trở thành biển khơi.

Tiếng hát dứt. Hồ tắm bỏ đi. Phố phường có người qua

lại trong một lúc nào muốn xâm chiếm không gian của riêng tôi bỏ đi. Bỏ hoa mơ ước và chiếc gối thù nghịch của thân thể ghen tức bỏ đi. Người ca sĩ không còn là bài hát chỉ còn là ca sĩ ngồi trước mặt. *Thưa thầy con tên là Nguyễn thị Đào.*

Thùy nhiên bây giờ ra làm sao? Đã có chồng con yên ổn hay còn vơ vất chốn nào? Các cháu nhỏ có đủ sữa mỗi ngày không?

Tôi đã đến nghe nhạc ở phòng trà một vài lần khoảng thời gian năm sáu mươi rồi chẳng bao giờ trở lại những nơi chốn có đèn hoa và nhạc vàng đó. Tôi không trở lại với «cô nhân tình bé» của Nguyễn Bính. Tôi không trở lại ngôi làng cũ có mẹ đứng ở đầu làng «ngồi trông theo chị...», ngôi làng cũ có chị bỏ đi, có họ hàng xưa cũ.

Tôi đã tới đó, ở đó, vẫn mơ ước một ngày nào đó thoát khỏi cái thế giới một ngàn lần tàn nhẫn hơn thế giới của Lữ bước sang ngang, mà chẳng biết có ngày nào. Dù sao, cùng với bằng hữu chết bờ chết bụi, cùng với anh em sống mà định mệnh chẳng có trong tay, thế giới của những người học trò mà tôi yêu quý học chưa thành mà đã bỏ đi chẳng về, đi tới những nơi ánh sáng thiêu đốt của ban đêm, những vật lộn tàn nhẫn của cuộc đời, đến chết chóc và nghèo đói.

Trong thế giới A tỳ này, thế giới của pháo, của dâu, của miếu và biển, mẹ và em, sông cách trở và thuyền yếu đuối thế giới Nguyễn Bính hiện ra như một giấc mơ chẳng thể tìm lại được, như những hạnh phúc đã mất luyện tiếc chẳng cùng.

NGUYỄN SA

Sóng Thai

NGUYỄN BÌNH

và những bước lữ làng gieo neo trong cuộc sống

Một trong các sinh hoạt tinh thần của con người không bao giờ thay đổi dù từ nghìn năm trước cho đến vạn năm sau, ở thời đại cổ sơ man dại hay ở vào một giai đoạn văn minh vượt bậc, vẫn là tình yêu. Nói đến tình yêu, trước hết là nói đến sự xúc cảm, rung động của trái tim. Và nhà thơ là người có khả năng nhất trong việc biểu hiện tâm trạng rung động, xúc cảm ấy.

Trong câu chuyện yêu đương, dù bản chất đều giống nhau, nhưng cách thể hiện giữa người này với người nọ, sự học lộ của người này, kẻ khác và kết quả cuối cùng của nó không hoàn toàn nhất trí. Nếu có những cuộc tình dẫn đến sự phối hợp nòng nân của hai cuộc đời chung sống dài trong niềm ân ái trọn vẹn thì cũng không thiếu những cuộc tình lẻ loi đơn phương hoặc bị dang dở bởi những khúc mắc, éo le, sóng gió của cuộc đời. Tình duyên trong trường hợp thứ hai vừa kể thường là những cuộc tình đâm lẹ. Và trong làng thơ Việt Nam, Nguyễn Bình là người nổi bật nhất trong việc miêu tả những mối tình bị lụy đó. Nói rằng Nguyễn

Bính là nhà thơ có tài trong việc miêu tả những mối tình dang dở thì không đúng hẳn, mà phải khẳng định rằng Nguyễn Bính là người đã từng thể nghiệm, những mối tình âm thầm cay đắng và gặp nhiều bất hạnh trong tình trường. Yếu rất nhiều nhưng bị tình phụ cũng lắm. Mơ ước thì dạt dào mà hạnh phúc chẳng được bao nhiêu. Đã thế, cuộc đời lại thường bắt nhà thơ phải liên tiếp nhận chịu những điều chua chát phũ phàng, những cái lận đận, bất trắc, gieo neo. Đó là tất cả tâm sự của tác giả Lỡ bước sang ngang.

NGUYỄN BÌNH, NHÀ THƠ CA DAO ĐÔN HẬU

Nói đến thơ Nguyễn Bính là nói đến những bài thơ hiền lành dễ thương mang cái hình thức lục bát nhuần nhuyễn đậm đà màu sắc dân tộc. Dòng thơ của Nguyễn Bính chảy xiết một đường êm ái, duyên dáng. Lời thơ của Nguyễn Bính mộc mạc, hồn nhiên. Điều thơ của Nguyễn Bính hài hòa, bình dị. Chính vì thế mà có người đánh giá thơ của Nguyễn Bính dễ dẫn tới mức tầm thường. Và cũng chính Nguyễn Bính là người được học ở nhà trường rất ít nên có kẻ đã cho rằng thơ của Nguyễn Bính thiếu vắng những tư tưởng sâu sắc. Nhưng nếu nhận rằng nhà thơ phải là người có tâm hồn cảm thụ nhạy bén và tiêu chuẩn hàng đầu làm nên giá trị một bài thơ là sự truyền cảm thì quả thực Nguyễn Bính đã thành công trong hầu hết sáng tác của ông. Mặt khác, nếu nghĩ rằng đa số nhân dân ta đều lớn lên trong không khí đồng ruộng thì những bài thơ nói lên tình tự dân tộc, những câu chuyện chung thủy, những hò hẹn trăm năm, những mơ ước đẹp đẽ của trai gái miền thôn dã,

những bài thơ thấm nhuần hương đồng cỏ nội đó của Nguyễn Bình không phải là không đáng quý, đáng nâng niu. Có biết thưởng thức cái đẹp đơn sơ của những câu ca dao được truyền tụng rộng khắp từ đời này qua đời khác như :

*Qua cầu ngã nón trông cầu
Cầu bao nhiêu nhịp em sầu bấy nhiêu*

hay :

*«Mình về mình nhớ ta chẳng
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười»*

ta mới thấy được thấm thía cái đẹp hiền hậu chắt phát nhưng không kém bẽ ý nhị của thơ Nguyễn Bình, chẳng hạn :

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Một người chín nhớ mười mong một người*

hay :

*«Sáng trắng sáng cả vườn chè
Một gian nhà nhỏ đi về có nhau »*

hoặc có nhận ra được cái sâu sắc, nhưng không kém bóng bẩy thường gặp trong kho tàng văn chương bình dân, tỉ mỉ như :

*«Yêu nhau cởi áo cho nhau
Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay»*

hay :

*«Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai ? »*

ta mới nắm bắt được nét đậm đà tình tứ cùng lối ví von diễm ảo trong thơ họ Nguyễn :

*«... Giá đừng có đậu mừng tôi
Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng»*

hay :

«Lòng em như quán bán hàng

Dừng chân cho khách qua đường mà thôi.

Những câu thơ rất mực dịu hiền, quyến luyến và thân thuộc trên đây hầu như không một người Việt Nam nào mà không biết đến. Sở dĩ thơ Nguyễn Bính gần gũi với nhân dân ta như thế là vì ông đã từng lăn lộn, hòa đồng với nhịp sống của đồng bào, chủ yếu là đồng bào dân quê, do đó, ông đã vận dụng thành công ngôn ngữ của họ. Cách sử dụng ngôn ngữ bình dân của Nguyễn Bính lại hết sức nhuần nhuyễn tới mức tạo cho thơ ông một sắc thái riêng biệt : duyên dáng mà không kệnh kiêu, thiết tha mà không vụng về, thành thực mà không sỗ sàng, lộ liễu. Đó cũng chính là giá trị của toàn bộ thơ ca Nguyễn Bính cách đây hơn 20 năm.

NGUYỄN BÌNH NHÀ THƠ CỦA TÌNH YÊU CHUNG THỦY

Đặc điểm cơ bản về nội dung của ca dao truyền thống là sự thể hiện tình cảm phong phú trong quan hệ tình yêu trai gái. Nhất là ở nông thôn, nếp sinh hoạt lao động hàng ngày đã là môi trường thuận tiện cho thanh niên nam nữ bày tỏ với nhau những ý tình chân thật :

« Hôm qua tát nước đầu đình

Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen

Anh được thì cho em xin

Hay là anh để làm tin trong nhà.

Nếu những câu ca dao mộc mạc và tình tứ thuộc

loại trên, ta thấy xuất hiện hàng bạc trong văn chương bình dân thì ta cũng thấy chủ đề muôn thuở ấy được khai thác triệt để trong thơ Nguyễn Bình. Nhưng điều đáng nói ở đây là trong thơ tình yêu của Nguyễn Bình không có những đam mê da diết, không có nhục dục thô bỉ, không có những sôi nổi ồn ào, điên loạn cuồng trí hoặc băng khuâng ray rứt giống như thơ lãng mạn tiêu cực của những Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, khác hẳn với thơ tình yêu của lớp thi sĩ đương thời, thơ tình của Nguyễn Bình trong sạch, kín đáo và cao thượng. Và dấu vết nổi bật nhất trong thơ ông là tấm lòng chung tình chung thủy.

Có lẽ ở ngoài đời, Nguyễn Bình là một chàng trai thường gặp nhiều lận đận, bạc bẽo trong tình yêu nên thơ ông thường phảng phất cái mùi vị xót xa đắng đót. Đọc thơ Nguyễn Bình, ta thường thấy toát ra cái không khí tội nghiệp, bé hỏm và rất dễ bị động lòng trắc ẩn trước những mầu tình duyên ướt đầm nước mắt của tác giả. Ngay cái tên gọi « Lỡ bước sang ngang », tên một bài thơ dài và cũng là tên gọi của tập thơ đầu mùa của ông cũng đã gợi lên một cái gì là dang dở, lỡ làng, một cái gì như đã trót, đã đành, đã lỗi nhịp, đã không ăn khớp.

« Chị đi một bước trăm đường ngồn ngang »

Tâm sự bất đắc chí của Nguyễn Bình có thể nói đã được ủy thác trong câu thơ ngậm ngùi đó. Thử đọc thêm một vài câu nữa trong bài « Dòng dư lệ » :

« Một ngàn năm, một vạn năm

Con tắm vắn kiếp con tắm vương tơ »

hoặc :

« Bởi sinh lạp kiếp giang hồ

Dám đâu toan tính xe tơ giữa đường»

Ta lại càng thấy rõ tâm tình mang nhiều uẩn khúc của tác giả. Có lúc nỗi đau đớn dày vò đã làm cho nhà thơ phải buột miệng thở than một cách tuyệt vọng :

«Đời còn có gì tươi đẹp nữa

Buồn thì đến khóc, chết thì chôn»

Rõ ràng là trên đường tình ái, Nguyễn Bính thường lui thủ cất bước một mình. Nhà thơ giống như một cô lái đò đa sầu đa cảm, không chờ không đợi, cũng không hẹn, không thề, chỉ biết mỗi mòn làm cái hồn phách khiêm tốn ngày ngày đưa khách tới bến này bờ nọ để rồi âm thầm xót xa với thân phận lênh đênh bọt bèo trôi nổi của mình trên dòng sông mệnh mông nhiều bão táp mưa sa. Tuy nhiên điều nên nói ở tám sự Nguyễn Bính trước hết vẫn là tấm lòng trung thành của nhà thơ. Dù cho người tình đã sang ngang, con chim mộng đã bay xa rồi nhưng nhà thơ vẫn một lòng gắn bó, bảo trọng nàng niu gìn giữ kỷ niệm êm ái đã một lần dừng lại bên ông.

Phải chăng vì người thanh niên thường hay thay lòng đổi dạ hơn người thiếu nữ, nhất là so với những cô gái miền quê, nên Nguyễn Bính thường mượn lời những người phụ nữ đồng ruộng để bộc lộ tấm lòng son sắt của mình nhằm đề cao đức tính thủy chung bền bỉ mà ông hằng chú trọng :

« Lòng em như cái con thoi

Thay bao nhiêu suốt mà thoi vẫn lành.

...Lòng em như bụi kinh thành

Đa đoan vó ngựa chung tình bánh xe.

...Lòng em như mảng bè trôi.

Chỉ về một bến chỉ xuôi một chiều.

Và có phải những kẻ biết chung thủy với tình yêu thường lại là những người phải gánh chịu nhiều thiệt thòi nhất? Mặt khác, cũng chính những kẻ giàu lòng cao thượng, vị tha mới can đảm nhận lấy phần mất mát cho mình để tránh những hệ lụy không may cho người yêu? Cả hai đặc trưng hiếm có ấy ta thường thấy rõ nét trong thơ Nguyễn Bình. Trong khi các bạn cùng thời với nhà thơ chỉ biết sống no thỏa cho hạnh phúc cá nhân, sống tham lam, ích kỷ, vội vàng, cuống quýt, như một Xuân Diệu đã hoảng hốt kêu lên :

*« Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm, »*

đã tính toán nhỏ nhen :

*« Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ
Phải nói yêu trăm bận đến ngàn lần »*

thì Nguyễn Bình vẫn chỉ biết nghĩ đến hạnh phúc của người yêu hơn là cá nhân mình.

*« Nhà em cách bốn quả đồi
Cách ba ngọn núi, cách đôi cánh rừng
Nhà em xa cách quá chừng
Em van anh đấy, anh đừng thương em ! »*

Nguyễn Bình lại vốn là con người dễ dãi, chịu thương chịu khó. Bản tính của người hiền lành thường dè dặt, nhút nhát nên cũng thường gặp những thử thách cam go, chủ yếu là những tổn thương mất mát, những hy sinh lớn lao về tình cảm. Đối với những ai liều lĩnh, táo bạo thì :

« Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo

Thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua ».

Nhưng với một người dè dặt, yếu ớt như Nguyễn Bính thì lại khác, nghĩa là nhà thơ vẫn thấy ngại ngùng mỗi lần nghĩ đến chuyện phải vượt qua mọi khuôn khổ lễ giáo, hay những ràng buộc chặt chẽ mà tập quán xã hội đã qui định, để chỉ đành biết thở dài nuối tiếc kỷ niệm dấu yêu xưa mỗi độ thu về :

« Thu sang rồi lại thu sang

Cúc bao lần nở, lá vàng bao rơi !

Bao nhiêu vật đổi sao dời

Đường bao nhiêu dặm, hỡi người bốn phương ?

Thông thường, người hiền lành phúc hậu chỉ có thể sống an lành trong một xã hội lương thiện chứ dưới một chế độ ngọt ngào hận thù, làm sao có thể yên vui thư thái được. Đó cũng là trường hợp của Nguyễn Bính kể từ ngày giã từ miền Nam ra Hà nội sống với chế độ mới.

NGUYỄN BÌNH TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG TỈNH GIÁC CHIÊM BAO

Như trên đã nói, thơ Nguyễn Bính mang nhiều tâm sự u uẩn ã làng của một người gặp nhiều bất hạnh trong tình yêu và rủi ro trong cuộc đời. Biểu hiện tập trung cao độ nhất về hai sự kiện tâm lý ấy đã được cụ thể hóa trong đời sống của Nguyễn Bính bắt đầu từ thời kỳ nhà thơ tiếp xúc với hiện thực xã hội miền Bắc dưới sự lãnh đạo của đảng Lao động Việt Nam.

Như chúng ta đã từng biết, trong những năm chiến

tranh chống Pháp trước đây, Nguyễn Bình tham gia kháng chiến ở Nam Bộ, Sau hiệp định Genève, ông để lại vợ con ở Saigon và đi theo một số cán bộ văn nghệ tập kết ra Bắc.

Đến Hà nội, Nguyễn Bình được chứng kiến tất cả những sự thực đau lòng. Nơi đây, dù là một thành phố lớn được dùng làm thủ đô, trung tâm sinh hoạt văn hóa của một chế độ, nhưng đời sống của các tầng lớp nhân dân ở đây sao mà tối tăm quá đỗi. Tất cả đều thiếu thốn. Tất cả đều túng quẫn. Tất cả đều bị khống chế tàn nhẫn dưới sức ép khắc nghiệt của Đảng và nhà nước.

Tuy không được thấy tận mắt cái thực tế phũ phàng diễn ra trong các đợt đấu tố cuồng loạn mệnh danh là cuộc cách mạng cải cách ruộng đất trước đó mấy tháng, song những dư âm thê lương vẫn chưa nguôi vang vọng đâu đây từ gan ruột quặn quai của quần chúng. Những tiếng vọng căm giận nghẹn ngào ấy đã tác động sâu sắc đến tâm hồn nhạy cảm của nhà thơ, khiến cho nhà thơ không thể đứng vững được, không thể hòa đồng với tâm trạng tủi nhục và ý chí phẫn nộ của đồng bào chung quanh ông. Đoạn thơ trích ở bài *Tiếng sáo diều* sau đây, quả là những lời oán than ngậm ngùi chua chát, là tiếng thở dài thống thiết não nùng, và cũng chính là lời buộc tội nghiêm khắc tại sao Đảng và nhà nước lại bắt đồng bào vô tội phải chịu đựng một kiếp sống đọa đày, cơ cực lầm than đến thế, một cuộc sống mà vắng hẵn, những tiếng cười vui đầm ấm, một cuộc sống mà sự im lìm ghê rợn thường xuyên đè nặng lấy số phận của dân lành như một bãi tha ma lạnh lẽo.

« Kịp ngày cải cách que tôi
 Nỗi oan cha muốn kêu trời, trời cao
 Đêm dài mờ mịt trăng sao
 Cánh đồng quê tiếng sáo điều bật tằm.
 Bụi đầy miệng sáo nín câm
 Dây treo chuột cắn, khung nằm mỗi xông » (1)

Không riêng gì đời sống của nhân dân Lao động bị ngột ngạt khó thở mà chính những người cầm bút cũng bị bóp nghẹt thậm tệ.

Để góp tiếng nói đấu tranh đòi giới lãnh đạo mở rộng xiềng xích áp bức bóc lột, Nguyễn Bình đã cùng với các nhà văn, nhà thơ yêu nước đem hết sức mạnh của ngòi bút phản kháng đường lối độc tài chuyên chính của Đảng. Trong khi Phan Khôi ra báo Nhân Văn, Hoàng Cầm Trần Dần ra các Tập Giai phẩm, các sinh viên đại học chủ trương tạp chí Đất Mối thì Nguyễn Bình cũng xuất bản tuần báo Trăm Hoa. Có lẽ nhận thấy Nguyễn Bình là người hiền lành, giới lãnh đạo Hà nội đã tìm cách uy hiếp, khủng bố, nhưng không ngờ con người hiền lành ấy đã bất chấp cả mọi đe dọa đe dũng cảm nói lên tiếng nói phản nộ: « Những hành động và lời nói thiếu lễ độ của Nguyễn văn Tố — tức Thiết Vũ — cán bộ của sở báo chí không những đã xâm phạm đến cá nhân tôi, đến danh dự của tờ báo Trăm Hoa mà còn làm tổn thương chung đến danh dự báo chí. Ấy là chưa kể nó đã xâm phạm đến quyền tự do dân chủ... » (2) .

Cho đến khi bài Tỉnh giấc chiêm bao xuất hiện trên

(1) Giai phẩm mùa thu, tập 1, tháng 8-56

(2) Trăm hoa số 2 tháng 10.1956

báo Trăm Hoa số ra ngày 9-12-66 người ta mới có dịp thấy rõ trọn vẹn cái tâm sự bi đát, ê chề của tác giả «Lỡ bước sang ngang». Bài thơ có giá trị một niềm thống hối ăn năn vì bước đi chệch đường của mình không những làm sụp đổ cả sự nghiệp cá nhân mà còn làm tan nát cả hạnh phúc gia đình. Qua nội dung bài thơ này, ta thấy tác giả đã mượn câu chuyện tình duyên của người khác để bộc lộ tâm sự thầm kín của mình, người đã say sưa đi theo ngọn cờ kháng chiến chống thực dân xâm lược, ròng rã chín năm trời để cuối cùng bị trả ơn bằng tất cả những sự phản bội trắng tráo. Ta hãy nghe nhà thơ kể lể :

*«... Bồi hồi chuyện cũ năm xưa
Gặp nhau lần cuối trang thư lệ nhòa
Thơ rằng : thôi nhé đôi ta
Tình sao không phụ mà ra phụ tình
Duyên nhau đã dựng Trường đình
Mẹ em đã xé tan lành gối thêu...» (3)*

Trả là những tiếng thở dài vô tận đã gây cho ta một ấn tượng xúc động thấm thía và một niềm cảm thông sâu sắc với một nhà thơ vốn ngay thật nên dễ bị lừa dối.

Dù tiếng thơ của Nguyễn Bình có bi hùng cũng như những lời phản kháng của các bạn ông có mạnh mẽ âm vang đến mấy nhưng với những người chỉ biết lấy ngòi bút và sự thật làm vũ khí thì làm sao đứng vững được trước bạo lực. Cho nên từ sau ngày Trăm Hoa cùng chung số phận bạc mệnh với Đất mới, Giai phẩm, Nhân Văn, (4)

(3) Xin xem trọn bài có đăng trong số này

(4) Xin tham khảo thêm ở bài 10 năm tạp chí miền Bắc của cùng tác giả trong Văn học số 62.

Nguyễn Bính đã phải gắng gượng tiếp tục kiếp sống thừa thãi vô vị, nhạt nhẽo. Dĩ nhiên, để được sống, dù là sống mòn, sống quần, Nguyễn Bính không thể thoát khỏi cái xiềng xích lao động mệnh danh là đi vào thực tế để cải tạo tư tưởng, để tích lũy vốn sống nhằm sáng tác cho đúng với đường lối quan điểm văn nghệ hiện thực xã hội do lãnh đạo vạch ra.

Kể từ tháng 4-1958, là thời gian mở đầu phong trào « thâm nhập thực tế » do đảng tổ chức cho các văn nghệ sĩ đi vào các xí nghiệp, công trường hăm hở để tham gia lao động cùng với công nhân, thợ thuyền, cho đến tháng 4-1961, người ta không được thấy thơ Nguyễn Bính xuất hiện trên các tạp chí tuần báo văn nghệ ở Hà nội, ngoại trừ một bài duy nhất là Xây nhà máy. Đây cũng là tác phẩm trúng giải khuyến khích của Nguyễn Bính trong cuộc thi thơ do tạp chí văn nghệ tổ chức từ tháng 4-60 đến 4-61. Hơn bốn năm, từ ngày báo Trăm hoa bị vùi dập, Nguyễn Bính chỉ góp mặt với làng thơ miền Bắc qua một bài thơ không dài lắm. Sự kiện hiếm hoi này chắc chắn không phải là một điều hân hoan đối với tác giả, càng không phải là điều đáng kiêu hãnh đối với những người đã từng ra sức uốn nắn nhà thơ đi theo đường lối của họ. *Xây nhà máy* dài hơn ba chục câu. (5) Ngay tên gọi của bài thơ cũng đã nói lên cái dụng ý tuyên truyền rồi. Bởi vậy, chưa cần nhìn vào nội dung, người đọc đã có thể đoán biết bài thơ chứa đựng các ý tưởng gán ghép sống sượng. Cũng nên biết thêm rằng Nguyễn Bính đang ở vào thời kỳ quá độ tiến lên xã hội chủ nghĩa. Trong khuôn khổ phục vụ các chính

(5) Tạp chí Văn nghệ, số đặc biệt về thơ, tháng 5-1961

sách của đảng mọi chủ đề thường được lãnh đạo qui định cho những người sáng tác thường không ra ngoài các ý nghĩa thần thánh hóa lãnh tụ, tô hồng chế độ, động viên quần chúng tăng năng xuất lao động, đề cao tình quốc tế vô sản.

Thơ, dù chủ đề tư tưởng của nó phục vụ cho chính trị, tôn giáo hay xã hội thì trước hết vẫn đòi hỏi một sự cô đọng, súc tích, lời ít mà ý nhiều, vì thơ chính là sự sống tập trung cao độ, là kết quả của những suy nghĩ và tình cảm đã chín mùi. Trên cơ sở nhận thức đó, thơ phải có một sức gợi phong phú. Mỗi một câu thơ, một đoạn thơ, một bài thơ khép lại là đồng thời cũng mở ra một chân trời, một thế giới mới trong đó ấp ủ, tiềm tàng những xôn xao rung động của một tâm trạng xao xuyến triền miên, say mê ray rứt. Nhưng Xây nhà máy đã không có đủ yếu tố ấy. Nguyễn Bình đã tham lam đề cập đến nhiều chuyện mà chuyện nào cũng để lộ nguyên hình cái mục đích ca ngợi công lao của đảng.

Mở đầu, tác giả nhắc lại cái hình ảnh điêu tàn trong quá khứ :

*« Mảnh đất ấy năm xưa giặc chiếm
Làm khu đại trắng tắt hơi người.
Đồn giặc đêm đêm tuôn hỏa pháo
Rụng đầy mặt đất lửa ma trời »*

Cũng chỉ là đề bắc cầu cho việc giới thiệu tinh thần chiến đấu của bộ đội :

*« Giữa lúc quân mình đánh Điện biên
Tin vui phối hợp rộn trăm miền*

*Nơi này dư kích ra tay bẻ
Hàng loạt đòn thù gậy một bên »*

Và tiếp theo đó là kể ra hàng loạt thành tích như một bản thống kê. Từ thành tích lao động, sản xuất :

*« Gạch đồn nạy lát sân phơi lúa
Khởi thời cơm xanh những mái nhà
Tay bầu quăn quít gieo tay bí
Đập nát xiềng dai, đất nở hoa.*

đến thành tích văn hóa ;

*« Tiếng học i tờ vang khắp xóm
Trăng sông sáng cả tối hôm rằm
Bến dò ai quạt thơm ngô nường
Mái mái chèo khua rổi bóng trăng.»*

để rồi cuối cùng đi đến cái kết luận tất nhiên là cổ vũ cho chính sách thi đua lao động :

*« Mùa xuân Tổ quốc ngày thêm mới
Cuộc sống ngày thêm bước trưởng thành
Nghe vang tiếng gọi : xây nhà máy
Náo nức nghìn phương góp nhiệt tình.*

Không kể đến dụng ý tuyên truyền lộ liễu, mà chỉ nhìn vào hình thức bài thơ, hẳn người đọc đã nhận rõ tính cách gán ghép, vá vúi, gò găm trong việc dụng chữ. Những sáo ngữ mòn nhẵn, ước lệ, cách vận dụng hình ảnh vụng về lác đác trong bài thơ quả đã hạ thấp giá trị của một tác giả đã một thời nổi tiếng là nhà thơ của ca dao dân tộc. Tuy vậy, giá bài thơ ngừng lại ở dòng cuối như đã trích dẫn trên đây, còn khá dễ chấp nhận được. Nhưng các tiêu chuẩn do lãnh đạo đặt ra đòi hỏi tác giả đi thêm một bước tuyên truyền nữa, và chính cái bước «đỉnh cao»

này mới thật sự xóa bỏ yếu tố thành thực của bài thơ. Hẳn khi cầm bút viết mấy câu thơ chót này, Nguyễn Bình không thể không cảm thấy ngượng thẹn với tâm hồn mình:

*“ Có cả bác chuyên gia Trung Quốc
Tóc phai ngời dậm tuyết trường chinh
Ngày ngày thiết kế quên mưa nắng
Đêm vẽ sơ đồ trắng mấy canh”.*

NGUYỄN BÌNH TRONG CHUỖI NGÀY TÀN TẠ

Trong chuỗi ngày tàn tạ của đời mình, kể từ hôm viết *Xây nhà máy* cho đến lúc nằm xuống vĩnh viễn (6) Nguyễn Bình đã gửi gắm vào đời một đứa con xấu số cuối cùng mang tên *Đêm sao sáng* (7) Tập thơ gom góp lại hơn hai chục bài ngắn nhe. Trong gần 5 năm trời, với một người chỉ biết làm thơ để sống thì con số quá ư khiêm tốn ấy quả là một điều không vui gì đối với những người cầm bút dưới chế độ đối lập với chế độ miền Nam.

Ở *Đêm sao sáng*, người đọc cũng thấy Nguyễn Bình vẽ lên thấp thoáng đôi ba nét hiện thực xã hội trước mắt, dăm bảy đường gân Lao động nhợt nhạt, mười lăm vết son gương gạo về cái gọi là con người mới, cuộc sống mới, nghĩa là thỉnh thoảng người đọc cũng nghe nhà thơ đề cập tới những điều mà giới lãnh đạo muốn phổ biến muốn giáo dục, muốn khẳng định, nhưng tựu trung, những ý thơ đó vẫn bị chìm đi dưới sức nặng của một tâm sự

(6) Nguyễn Bình mất ngày 20.1.1966 tại Hà nội

(7) do Văn Học xuất bản Hà nội 1963

nóng bỏng xót xa. Nói cách khác, những lời tác giả tuyên truyền thay cho đảng, quảng cáo dùm cho đảng, thuyết phục hộ cho đảng nghe thật xa lạ, lạc lõng chơi vơi, đứng đưng lạnh lùng như những phát biểu của một kẻ đứng ngoài lề cuộc sống, những cái nhìn của một khách bàng quan của chế độ, những đánh giá khách quan của một chứng nhân thời đại. Tiêu biểu cho những câu thơ rất công thức đó là :

« Xin hiến trọn cuộc đời tôi cho đảng

Cho cờ thiêng, cho áo ấm, cho người ».

Thật vô tư, người đọc trước sau vẫn thấy nếu như Nguyễn Bình có làm một vài nhiệm vụ minh họa chính sách của đảng, thì nhiệm vụ ấy, cũng chỉ được chấp hành với một thái độ miễn cưỡng, đại khái chủ nghĩa Thế thôi. Nguyên nhân chủ yếu là vì những vấn đề mà nhà thơ bị buộc phải nói lên chưa hề bén rễ vào tình cảm nhà thơ, chưa được thấm nhuần vào tư tưởng của tác giả mà tất cả chỉ mới ở cái mức khái niệm. Do đó, Nguyễn Bình chỉ dùng lời nói, chữ viết đăng thay thế cho những suy nghĩ, cảm xúc. Chỉ khi nào nhà thơ đem hết ngọn lửa nhiệt tình để nói lên những điều đã từng ấp ủ, đã từng thấm lắng vào máu thịt thì lúc đó thơ mới có cơ sở để trở thành giá trị, có sức truyền cảm và vang dội sâu xa vào lòng người đọc. Đó cũng là cái phần tâm sự riêng tư mà Nguyễn Bình đã ký thác trong Đêm sao sáng.

Sao tượng trưng cho một ánh sáng lung linh xa vơi, cũng được coi như biểu thị cho một phương hướng nào đó. Phải chăng, khi chọn ba tiếng Đêm sao sáng, Nguyễn Bình muốn được giải tỏa phần nào cái mặc cảm cô độc lẻ

loi vì lìa bỏ gia đình để rồi phải sống bơ vơ giữa cuộc đời
ghẻ lạnh ? Nếu không phải vậy tại sao người đọc thấy
hình ảnh về cuộc sống bên ngoài rất mờ nhạt mà cái phần
tình cảm gần bó nhớ thương miền Nam, nơi mà những
người thân yêu nhất của ông đang chờ mong, lại quán
xuyến suốt cả tập thơ ? Từ những niềm nhớ nhung với
vợ ban ngày về bóng dáng người đàn bà bé bỏng kia :

*« Trông vời viễn núi xa xanh
Trưởng trông rõ mái nhà mình phương Nam
Trưởng chừng người vợ tao khang
Đương nhìn lên thấy sao vàng nhớ anh »*

cho đến cả trong giấc ngủ, hình tượng mĩ nhân mà ruột thịt
nợ vẫn không nguôi ám ảnh :

*« Trong mơ con bú chưa rồi
Lưỡi con đưa đầy đôi môi còn thềm
Giật mình con bỗng thét lên
Hai tay chơi với quơ tìm mẹ đâu ?*

Lâu lâu người đọc cũng thấy le lói trong tập thơ một
tia hy vọng ;

*Bụi bờ ếch nhái kêu vang
Giếng thơi ngập ánh trăng vàng đêm qua.
Trời xuân lại ấm lời ca
Vườn hoa lại đỏ màu hoa hải đường*

hoặc một thoáng vui :

*« Lúa trờ đồng tơ ngậm cốm non
Lá dãi vươn sắc lưỡi gươm con
Tiếng chim mách lẻo cây hồng chín
Điềm nhạt da trời những chấm sao »*

Nhưng niềm vui quá mong manh, hy vọng quá yếu ớt, giống như mầm non vừa nhú lên đã bị giông bão vùi dập tã tơi. Chẳng thế mà dù đã mấy lần nói đến niềm thương nỗi nhớ gia đình nhà thơ vẫn thấy cần phải lập lại như một lời khẳng định mạnh mẽ :

*« Trời còn có bữa sao quên mọc
lôi chẳng đêm nào chẳng nhớ em »*

và nhà thơ vẫn không thể nào quên được một lời nhắn gửi thiết tha mang cái khát vọng nồng nàn :

*« Yêu nhau xin nhớ lời nhau
Lấy câu xum họp làm câu hẹn hò »*

Nhìn chung, tập thơ không làm người đọc thỏa mãn, nhất là về mặt hình thức với những lời, những chữ trực trặc, lờm ngờm, thô vụng, thiếu vắng cái phong cách ca dao đậm ấm trong sáng thuở nào trong Lữ bước sang ngang, Tâm hồn tôi, Hương cố nhân. Nhưng người đọc lại sẵn lòng cảm thông với tâm trạng độ vỡ, é chề của tác giả, và trước hết là cảm thông với một nhà thơ lấy sự thủy chung làm lẽ sống cho đời mình, nhưng chính tác giả đã xác nhận :

*« Biết bao tâm sự mấy chờ mong
Bến cũ đò xưa chuyện thủy chung ».*

(ĐÊM SAO SÁNG)

Trường hợp Nguyễn Bính đã đặt ra một vấn đề cụ thể. Đó là câu chuyện vì sao một nhà thơ tài hoa như tác giả Lữ Bước Sang Ngang, lại có thể thảm bại một cách

đáng thương trong các sáng tác sau này của ông ? Âm điệu thơ Nguyễn Bình ngày xưa thật hài hòa, thật giàu có nhưng ngày nay thì lại quá hẫng phẳng, lẻ nhạt. Lời thơ của Nguyễn Bình trước kia hồn nhiên lưu loát nhưng sau này thì lại quá trắc trở, vụng về. Vì sao vậy ? Câu trả lời thật dễ dàng. Là vì tâm hồn nhà thơ đã hóa ra căn cỗi, giá lạnh thiếu hẳn một ngọn lửa nhiệt tình làm cơ sở cho việc sáng tác. Đúng như Đào xuân Quý, một cây bút miền Nam tập kết đã nhận định về Nguyễn Bình : «... Trong ông, cái mới đã đến rồi nhưng chưa ở lại hẳn, còn cái cũ vẫn còn ở lại, chưa chịu rút ra mà đi. Còn một nguyên do sâu hơn là ông chưa thật thấy hết bản chất cách mạng của cái mới, cho nên ông không đủ lửa thật cháy để truyền vào thơ ông... (8) Nói như Đào Xuân Túy kể cũng tội nghiệp cho Nguyễn Bình. Ông là người đã từng đem hết khả năng và tuổi trẻ còn lại để cống hiến cho cách mạng và kháng chiến từ sau 1945. Không kể những hoạt động hành chánh, đoàn thể mà Nguyễn Bình đã tiến hành trong thời kỳ ở Rạch Giá, khu 8, chỉ nói đến các thành tích văn nghệ xuất sắc của ông, điển hình là những câu ca hò về động viên tinh thần yêu nước và nhất là thi phẩm Trường ca Đồng Tháp rất đẹp rất hùng rất được phổ biến của ông chưa đủ chứng minh rằng nhà thơ đã hết lòng với Cách mạng với tổ quốc, với nhân dân hay sao ? Cho nên vấn đề chỉ có thể đặt ra thơ Nguyễn Bình ngày nay đuối sức khô khan, căn bản là vì chế độ miền Bắc đã không có đủ yếu tố cần thiết tạo nên sinh lực cho tâm hồn và trí tuệ của nhà thơ. Nhưng nói gì thì Nguyễn Bình cũng đã không còn

(8) Tạp chí Văn Nghệ, số tháng 4-1963

có mặt ở trên đời nữa rồi. Có lẽ điều nèn ghi ở đây là cái tâm sự nảo nùng thâm kín của nhà thơ, tâm sự của một người lỡ làng trong tình duyên, lãng đãng trong kiếp sống, dờ dang trong sự nghiệp và cuối cùng là thất vọng trước sự phản phúc, ruồng bỏ của cuộc đời.

Saigon 11-1969

SÔNG THAI

**Văn
Học**

chủ đề

năm nhà thơ

LÃNG MẠNG TIỀN CHIẾN

Sáng tác • Thơ • Truyện

NGUYỄN BÌNH

HÀNH PHƯƠNG NAM

Đôi ta lưu lạc phương Nam này
Trải mấy mùa qua én, nhận bay
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở
Mà ta với người buồn vậy thay

Lòng chẳng xá gì muôn hớp rượu
Mà không uống cạn mà không say
Lời thề buổi ấy cầu Tư-Mã
Mà áo khinh cừu không ai may

Người giam chí lớn vòng cùm áo
Ta trói thân vào nợ nước mây
Ai biết thương nhau từ buổi trước
Bây giờ gặp nhau trong phút giây

Nợ tình chưa trả tròn một món
Sòng đời thua đến trắng hai tay
Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Ngóanh lại tha hồ mây trắng bay

Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc
Ly tán vì cơn gió bụi này
Người ơi buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy

Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết
Ngày mai ra sao rồi hãy hay
Ngày mai sáng lạn màu non nước
Cốt nhất làm sao tự buổi nay

Rẫy ruộng châu ngọc thù son phấn
Mắt đỏ lên rồi cứ chết ngay
Hỡi ơi nhiếp chính mà bầm mắt
Giữa chợ ai mà l-hóc nhận thấy

Kinh-kha giữa chợ sầu nghiêng chén
Ai kẻ dâng vàng kẻ biểu tay
Mơ gì áp Tiết thiêu văn tự
Giày cỏ gươm cùn ta đi đây

Ta đi nhưng biết về đâu chứ
Đã đầy phong yên lộng bốn trời
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ
Uống say mà gọi thế nhân ơi

Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ
Ta với nhà người cả tiếng cười
Người ơi hề người ơi
Người sang bên ấy sao mà lạnh
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi...

NGUYỄN BÌNH

XUÂN VẪN THA HƯƠNG

Bốn biên vẫn chưa yên sóng gió
Xuân này Em chị vẫn tha hương
Vẫn ăn cái tết ngoài thiên hạ
Son sắt say hoài rượu bốn phương
Em đi non nước xa khơi quá
Mỗi độ xuân về bao nhớ thương
Mỗi độ xuân về em lại thấy
Euôn như tên lính ở biên cương
Thời chưa gặp đở nằm xuông mãi
Xuông cả ân tình, rượu cũng xuông
Trước mặt bút nghiên sầu tịch mịch
Quanh mình chẵn chiếu rộn tang thương
Một thân quán trọ sầu phong tỏa
Đốt ngọn đèn lên bóng rợn tường
Đêm ba mươi tết quê người cũng
Tiếng pháo giao thừa dậy từ phương
Chị ạ, em không người nước Sở
Nhớ nhà đau mượn địch Trương Lương
Đất khách tình dằng hòa mắt lệ
Òi nhà ! Òi chị ! Òi quê hương !
Từ em lưu lạc ngoài muôn dặm
Một đoạn đường đi một đoạn trường
Cửa Quan chẳng mở, đầu Viên bạc
Tri kỷ không ai, mắt Tịch cuồng
Thôn đã từng quen mùi đạm bạc
Thị thành thêm chán miếng cao lương
Vụng tính bỏ rơi đi hạnh phúc
Sây tay đánh vỡ mất thiên đường
Trăm ván cờ cao trăm ván bại

Nước người thêm thẹn tiếng mang chuông
Trò đời, củi mặt xem thiên hạ
Thực đáng cười thay, thực đáng thương
Trọc phú ti toe bàn thế sự
Đĩ già tấp tênh nói văn chương
Đã coi đồng bạc như non thái
Lại học đòi theo thói mạnh thường
Lẳng lơ đi võng đi tàn cả
Gái chính chuyên kia đứng vệ đường
Đất đổi hoa màu, nhà đổi chủ
Trâu quên mục tử, ngựa quên chuồng
Thay đen đổi trắng bao canh bạc
Vẽ nhỏ đeo râu mấy lớp tuồng
Trói vo hồn lại ba đồng bạc
Bán rẻ đời đi nửa đấu lương
Chao ôi ! Giả dối, ôi mai mỉa
Sống chật phồn hoa một lũ mường
Chị ơi tất cả là vô nghĩa
Chả nhiều điều nào phủ giả gương
Tay trắng bạn bè đều tránh mặt
Sa cơ thân thích cũng khinh thường
Sông lạnh thấy đâu người gọi gió
Trắng tà tìm mãi kẻ mài gươm
Áo xanh bạc nửa màu sương gió
Sốt kẻ ăn nằm trong gió sương
Đầy vơi tâm sự cùng ai tỏ
Mộng lạnh đêm xuân, chiếu lạnh giường
Quê nhà gối chiếc, thôi rồi kẻ
Chia nửa vàng trắng với dạm trường
Son phấn hừng hờ niềm sắt đá
Sông hồ vô võ nổi yên cương
Chị ạ, duyên em mà chẳng đẹp
Chỉ vì không đọc chuyện Tây - Sương
Người yêu buổi ấy lên xe cưới

Cũng khóc tròn ý nhớ thương
« Khấp như Sứ nữ vu quy nhật »
Lệ có thành sông truyện cũng thường
Trò đời chẳng hẹn nhau lần gặp
Đập nát cho rời nửa mảnh gương
Duyên mới đẹp lòng người sứ nữ
Đầu sông ai nhớ cuối sông tương
Tàn lạnh lòng em từ buổi ấy
Voi tình thôi hết cả tơ vương
Chị ở quê chồng, xuân có đẹp
Con đò bến cũ có thê lương
Nêu cao pháo nổ trầm thơm ngát
Hoa bưởi, hoa cam rụng ngập vườn
Mưa xuân rắc bụi quanh làng mạc
Gái lịch trai thanh chạt phố phường
Lá lộc hồ tơ tay ngọc hái
Sông Hồ vò vổ nổi yên cương
Nhưng dù tết đẹp hay xuân đẹp
Chắc chi chưa hề nguôi nhớ thương
Người đi buổi ấy tàn hoa phượng
Cõi thực xa xôi mấy dặm trường
Phong ba từ nổi trong đời chị
Tóc rối xuân xanh, má nhạt hương
Qua đò mấy độ sâu sông nước
Dệt mộng bao lần túi phấn hương
Tháng hẹn chờ rơi cơn lá úa
Đêm tàn đợi khuyết cái trăng suông
Chỉ tỏ tài cao trời đất ghét
Một thân oan khổ có trăm đường
« Cuối thu mưa nát lòng dâu bể »
« Ngày muôn chuông đau chuyện đá vàng »
Em thương cầu nguyện thương van vái
Một sớm thanh bình mặt Đại dương
Bao giờ em được về quê cũ
Dâng chị bài thơ xuân cổ hương.

LỖ BƯỚC SANG NGANG

Em ơi, em ở lại nhà.
Vườn dâu em hái, mẹ già em thương.
Mẹ già một nắng hai sương,
Chỉ đi một bước trăm đường xót xa.

Cậy em, em ở lại nhà,
Vườn dâu em đốn, mẹ già em thương,
Hôm nay xác pháo đầy đường,
Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng.
Chuyến này chị bước sang ngang,
Là tan vỡ giấc mộng vàng từ đây...

1

Rượu nồng em uống cho say,
Vui cùng chị một vài giây cuối cùng,
Rồi đây sóng gió ngang sông,
Đây thuyền hận, chị lo không tới bờ.
Miếu thiêng vụng kén người thờ.
Nhà hương khói lạnh chị nhờ cậy em.
Đêm qua là trắng ba đêm,
Chị thương chị kiếp con chim lia đàn.
Một vai gánh vác giang san,
Một vai nửa gánh muôn vàn nhớ thương.

Mắt quầng, tóc rối tơ vương,
Em còn cho chị lướt gương làm gì...
Một lần sẩy bước ra đi,
Là không hẹn một ngày về nữa đâu,
Cách mấy mươi con sông sâu,

Và trăm ngàn vạn dịp cầu chênh vênh
Cũng là thôi, cũng là đành !
Sang ngang lối bước riêng mình chị sao ?
Tuổi son nhạt thắm, phai đào,
Đầy thuyền hận có biết bao nhiêu người ?
Em đừng khóc nữa, em ơi !
Dầu sao thì sự đã rồi nghe em,
Một đi bảy nổi ba chìm,
Trăm cay nghìn đắng con tim héo dần.
Dầu em thương chị mười phần,
Cũng không ngăn nổi một lần chị đi.
Chị tôi nước mắt đầm đìa,
Chào hai họ để đi về nhà ai.
Mẹ trông theo, mẹ thở dài,
Dây pháo đỏ bỗng vang trời nổ ran.
Tôi ra đứng ở đầu làng,
Ngồi trông theo chị khuất ngàn dâu thừa.

2

Trời mưa ướt áo làm gì ?
Năm mười bảy tuổi chị đi lấy chồng.
Người ta pháo đỏ rượu hồng,
Mà trên hôn chị một vòng hoa tang.
Lần đầu chị bước sang ngang,
Tuổi son sông nước dò giang chưa từng.
Ở nhà mẹ nhớ em thương,
Ba gian nhà trống, mảnh vườn xác xơ.
Mẹ ngồi bên cửa xe tơ,
Thời thường nhắc : «Chị mấy giờ ra sao ?»
Chị bây giờ... nói thế nào... ?
Bướm tiên khi đã lạc vào vườn hoang.
Chị từ lối bước sang ngang,

Trời đông bão, giữa tròng gian lật thuyền.
Xuôi dòng nước chảy liên miên,
Đưa thân thể chị tới miền đau thương.
Mười năm gối hận bên giường.
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh.
Mười năm đưa đón một mình,
Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên.
Mười năm lòng lạnh như tiền.
Tim đi hết máu ! cái duyên không về !
Nhưng em ơi ! một đêm hè,
Hoa xoan nở, xác con ve hoàn hồn.
Dừng chân trên đến sông buồn,
Nhà nghệ sĩ tưởng đồ còn chuyển sang !
Đoái thương thân chị lỡ làng,
Đoái thương duyên chị dở dang tháng ngày.
Rồi... rồi chị... nói sao đây ?
Em ơi, nói nhỏ câu này với em :
Thế rồi máu chảy về tim,
Duyên làm lạnh chị, duyên tìm về môi.
Chị tôi lòng ấm lại rồi,
Mối tình chết đã có người hồi sinh,
Chị từ đan diu với tình.
Đời tươi như buổi bình minh nạm vàng.
Tim ai khắc một chữ «nàng» ?
Mà tim chị một chữ «chàng» khắc theo.
Nhưng yêu chỉ để mà yêu,
Chị còn dám ước một điều gì hơn.
Một lần hai lỡ keo sơn,
Mong gì gấn lại phím đàn ngang cung.
Rồi đêm kia, lệ dòng dòng,
Tiễn đưa người ấy sang sông, chị về.
Tháng ngày qua cửa buồng the.
Chị ngồi nhặt cánh hoa lê cuối mùa.

Úp mặt vào hai bàn tay,
 Chị tôi khóc suốt một ngày một đêm !
 Đã đành máu chảy về tim,
 Nhưng không ngăn nổi cánh chim giang hồ,
 Người đi xây dựng cơ đồ
 Chị về trồng cỏ nắm mồ thanh xuân.
 Người đi khoác áo phong trần,
 Chị về đan áo lịm dần nhớ thương.
 Hồn trinh ôm chặt chân giường.
 Đã cùng chị khóc đoạn trường thơ ngây.
 Năm xưa đêm ấy giường này
 Nghiến răng... nhắm mắt... cau mày... cực chưa ?
 Thế là tàn một giấc mơ,
 Thế là cả một bài thơ nảo nùng !
 Tuổi son má đỏ, môi hồng,
 Bước chân về đến nhà chồng là thôi.
 Đêm qua mưa gió đầy trời,
 Trong hồn chị có một người đi qua.
 Em về thương lấy mẹ già,
 Đừng trông ngóng chị nữa mà uổng công.
 Chị giờ sống cũng bằng không,
 Coi như chị đã sang sông đắm đò.

NGUYỄN BÌNH

ĐỒNG THÁP MƯỜI

L.T.S : Bài thơ Đồng Tháp Mười của Nguyễn Bính mà chúng tôi giới thiệu dưới đây là bài thơ hay nhất của Nguyễn Bính đã sáng tác khi Nguyễn Bính tham gia kháng chiến tại chiến khu Đồng Tháp chống thực dân Pháp.

Bài thơ yêu nước này cũng đã được đăng lần đầu tiên trên tờ Tờ Quốc của chiến khu 8 Nam bộ 1949. Sau năm 1954 Nguyễn Bính có cho đăng lại trên các giai phẩm Miền Bắc với sự yêu cầu sửa đổi một vài câu theo ý Đảng đúng với đường lối độc tài Đảng trị và chỉ huy lãnh đạo văn nghệ của nhà nước Hà Nội.

Bảy trăm nghìn mẫu đất
Sốt chia bốn tỉnh miền Nam
Khặng khít biên thùy Chùa tháp
Năm trong tay trái Cửu Long giang
Đồng Tháp mười
Đồng Tháp mười
Bao la bát ngát
Đứng sậy lên hoang
Mùa nắng đất khô cỏ cháy
Mùa mưa nước ngập lan tràn
Cờ trắng nghìn năm bay chẳng dứt

Chân trời bốn mặt rộng thênh thang
Bưng sinh hỗn loạn
Kênh rạch ngồn ngang
Theo bờ kênh, dân chúng lập thành làng
Sức mạnh muôn người góp lại
Khai khẩn đất hoang
Đào đìa bắt cá
Lên liếp trồng tràm
Cổ công cùng sức ra làm
Nhớ câu tắc dất tắc vàng bấy nay
Muối mòng đĩa vắt
Nước đọng bùn lầy
Người dân quyết sống
Quản gì đặng cay
Nao nao mạch máu dòng kênh chảy
Loang loáng mồ hôi luống đất cày
Tuần mưa cứ nắng đòi thay
Vườn đơm trái ngọt
Ruộng đầy lúa thơm
Đồng Tháp Mười
Một mảnh giang sơn
Hình thôn dáng xóm thương thương
Hoa ô môi nở bốn phương anh đào

Kề từ khi
Đặt chân lên đất nước này
Giặc Pháp giở trò xâm lược
Ngậm hờn vong quốc
Tháp mười chung oán hận với non sông
Bông súng ngoài đồng
Bầm gan tím mặt

Nước phèn chua chát
Lắng nổi đau thương...
Đốc binh Kiều, Thiên hộ Dương
Bóng cờ khởi nghĩa mờ trong gió sương...
Dưới tay giặc trăm đường nhục nhã
Nai lưng làm, làm chả có ăn
Sưu cao thuế nặng trăm phần
Bưng tai bịt mắt xiềng chân gục đầu
Trai tráng đi sâu
Trẻ không được học
Đói nghèo nheo nhóc
Khắp cả non sông thành địa ngục
Há riêng Đồng Tháp mà thôi
Tiếng cuộc canh trường kêu khắc khoải
Đồng hoang vời vợi bóng trắng soi...
Gươm bầu chôn vùi
Đợi giờ quật khởi
Tám mươi năm đen tối
Chao ôi ! Thèm khát mặt trời !
Đến một buổi
.
Khắp xóm cùng làng
Reo hò chuyển đất
Say sưa ngây ngất
Cùng với giang sơn
Mừng ngày Độc lập
Đồng Tháp mười
.
Lúa vàng reo vui
Chim ca không ngớt lời

Địa ngục phá toang
Xiềng xích chặt rồi.

Giữa mùa thu xuân đất nước khoe tươi
Sáng ra Đồng Tháp mặt trời lại lên
Dân ta giành lại chính quyền
Gieo mùa hạnh phúc xây nền tự do
Gây dựng lại cơ đồ Đồng Tháp
Người dân cày mở mặt từ đây
Tiếng hò xa vướng chân mây
Bông gòn trắng xóa trải đầy lối đi
Sóng xanh biển lúa xanh rì
Gió lên, từng dãy bướm về phiêu phiêu
Mỹ an, Thiên hộ, Cái bèo
Rau tươi trái chín chợ chiều họp đông
Chòi đứng mái lá
Khói bếp cay nồng
Hương đồng say sưa
Hoa sen nở chẳng đợi chờ mùa hạ
Chim hít cô hót cả những chiều mưa
Đêm đêm trong ánh trăng mờ
Gần xa rộn tiếng nhật thừa giã bàng
Đồng Tháp mười
Một mảnh giang sơn...

Chưa được mấy ngày vui độc lập
Miền Nam khói lửa đã tơi bời
Giặc Pháp mặt người dạ thú
Toan bề nuốt sống ăn tươi
Cả nước Việt Nam
Cả người Việt Nam

Giặc thừa cơ hội
Gây cuộc xâm lăng
Nổi cuộc xâm lăng
Gây chinh chiến đất bằng nổi sóng
Xua binh qua chiếm đóng miền Nam

Xứng đáng đồng bào Nam bộ
Tháp mười thét lên
— Không hàng !
Tháp mười đứng dậy
Vững vàng
Tháp mười sẵn tới
Hiên ngang
Tháp mười quyết chiến không lùi bước
Vì Tháp mười là một mảnh giang sơn
Phải được bảo toàn
Chính tay Đồng Tháp.

Mặc dầu quân Pháp
Lũ quỷ hung tàn
Bao lần khùng bố
Đốt sạch xóm làng
Trẻ già giết hết
Của cải cướp ngang
Bom dội xuống đào sâu ngang giếng hận
Súng bắn vào tuôn bão thép mưa gang
Trâu đàn xô ruột
Lúa đồng thành than
Dụ trẻ hát rồi quăng vào lửa đỏ
Hiếp dân bà rồi rạch bụng xem gan.
Chém cha lũ quỷ tham tàn
Thù cao ngất núi, hận tràn ứ sông...

Tất cả tiến lên cùng một loạt
Quân bên dân, già trẻ gái cùng trai
Cướp súng trên tay giặc
Giữ vững Đồng Tháp Mười
Đào kênh, đắp坎
Gài thủy, địa lôi
Tưới nước mắt khàn thêm ruộng đất
Cấy lúa trồng khoai
Nghiến răng lại rèn gươm đúc súng
Kháng chiến lâu dài
Tháp Mười
Tháp Mười
Sáng bừng tương lai
Trời xanh đồng ruộng, kênh dài bao la.

Mỹ-tho, Mộc-hóa
Sài-tur, Kinh-ba
Ô-môi, Chà-là
Hàng nghìn giặc chết
Vũ khí về ta
Máu thù bết
Bón tưới cỏ hoa
Ấy những chiến công oanh liệt
Danh tiếng vang xa
Cửu long, Sở thượng cùng ca khải hoàn
Đồng Tháp đã đầy tràn sức mạnh
Giặc còn vào ta đánh cho coi !
Vớ người ta chẳng chung trời
Chẳng cho người thượng cờ người đất này.

Nắng Tháp Mười càng say chiến thắng
Mưa Tháp mười càng nặng công lao
Tháp mười sóng gió dâng cao

.

Quân đi tác chiến quên năm tháng
Súng diệt xâm lăng nở tối ngày
Tháp mười mang sức trái mười tám
Năm vững đường gươm rộng lối cày.

Tháp mười là đây !

Tháp mười là đây !

Càng cao gian khổ càng dày chiến công.

Chảy bao nhiêu máu hồng

Tháp mười chẳng sợ

Viết bao nhiêu máu hồng

Lên trang lịch sử.

Vinh quang thay ! một cánh đồng

Tháp mười cùng với non sông vững bền

Tháp mười càng ngát hương sen

.

Đồng Tháp mười. 1949

NGUYỄN BÌNH

TÌNH GIÁC CHIÊM BAO

Chín năm đốt đuốc soi rừng
Về đây ánh điện ngập ngừng bước chân
Cửa xưa mảnh trúc còn ngăn
Cốc tường vẫn đọng trắng xuân thuở nào
Làng xa bản nhỏ đèo cao
Gió bay tà áo chiêm bao nửa chừng
Anh về luyến núi, thương rừng
Nhớ em đêm sáng một vùng Thủ đô.
Bồi hồi chuyện cũ năm xưa
Gặp nhau lần cuối... trang thư lệ nhòa
Thư rằng : thôi nhé đôi ta
« Tính sao không phụ mà ra phụ tình
Duyên nhau đã dựng Trường đình
« Mẹ em đã xé tan tàch gối thêu... »
Trăng khuya sang núi gương đèo
Anh đi, thư vẫn nằm đeo bên mình
Lửa Sàn nét chữ chênh chênh
Nếp thư đến rách chưa lành vết thương.
Dầm dẫm hoa sữa lên hương
Chân anh đương bước giữa đường cái đây
Nẻo hồ, song cửa, lá bay
Sáng chung bóng dạng bao ngày yêu xưa
Trăm năm đã lỡ hẹn hò
Cây đa bến cũ con đò còn không ?
Tình cờ gặp giữa phố đông
Em đi riu rít tay chồng tay con
Nét cười âu yếm môi son.

Áo bay nhắc buổi trăng tròn sánh vai...
Chín năm bão tối mưa ngày
Nước non đề có hôm nay sáng trời
Em đi hạnh phúc hồng tươi
Anh nhìn tận mắt cuộc đời đẹp thay ?
Sắc hương muôn nẻo tuôn trào
Tiếc mà chi giấc chiêm bao một mình
Anh vẽ viết lại thơ anh
Đề cho bến mát cây xanh đôi bờ
Cho sông cho nước tự giờ
Chẳng còn lỡ chuyện con đò sang ngang
Lửa đôi những bức thư vàng
Chẳng còn chữ chữ hàng hàng lệ rơi
Chim hồng chim nhạn, Em ôi
Trên nền gối cưới đời đời yêu nhau.

NGUYỄN BÌNH

8-1956

(1) Trích từ báo Trám Hoa xuất bản tại

Hà nội ngày 9-12-56

Nguyễn Bình

KHÔNG NHAN SẮC

I

Dậu lấy giải yếm lau ráo nước mắt, vội nhìn xuống bụng mà thở dài.

Nàng có mang đã được bốn tháng rồi ! Sắp tới kỳ sinh nở. Tuy có mang con so nên bụng nhỏ, vậy mà mọi khi nhìn đến cái bụng mình, nàng thấy to quá ! dơ dáng quá ! và hồ thẹn quá chừng !

Đêm nay nàng thắp ngọn đèn hoa kỳ ngồi trong buồng mình, rờ những quần áo cũ để lựa khâu lấy ít lót cho đứa con mai ngày, lòng nàng đau đớn... Ngoài kia giăng đầu mùa thu chắc là trong sáng lắm lại có gió mát nữa cũng nên. Cảnh vật êm đềm tĩnh mịch biết bao ! Lòng Dậu thì không thể nàng vừa khâu vừa chưa sót.

Dậu sinh lòng thù ghét khinh bỉ chồng hết sức. Thề ra con người ấy chỉ là gã Sở Khanh.

Rồi ít tháng sau Dậu có mang.

Sự đó lại là một điều đau khổ cho nàng, mỗi lần trông đến bụng thì nàng lại giọt dài giọt ngắn. Đứa con trong bụng ấy là một cái giây xích sắt buộc chân nàng lại với cái cuộc đời tẻ lạnh này mãi mãi chứ không chơi !

Dậu mang chuyện có mang về La khoe với mẹ. Bà cụ Ấm vui mừng. Già nuôi biết chuyện cũng vui mừng rồi rít đem khoe khắp hàng xóm láng giềng và kết luận một câu: «Vợ chồng cô ấy thế mà chóng có tin mừng đấy chứ. Bà tôi chả mấy nữa đã có cháu ngoại ăm» Dậu cũng yên chí rằng câu chuyện mình có mang sẽ đề làng xóm khỏi nghi ngờ mình bị chồng chê. Cả mẹ và Già nuôi nữa.

Hiếu thì nghe đâu gian dầu với một cô con gái người làng. Cô cậu say nhau lắm, gần bó nhau nhiều lần. Chắc đã đập chiếc gương làm đôi, bẻ chiếc lược làm đôi, mỗi bên giữ lấy một nửa. Và chắc có một hôm cô này đã nũng nịu nói vào tai cậu nọ:

«Mình về bỏ vợ mình đi!

Thầy u em chả ăn gì nặng đâu»

Ấy thế là Hiếu về nhà nôn nả lên về việc bỏ vợ, lại biết vợ đã có mang, anh chàng lo sợ, càng muốn bỏ vợ ngay lập tức để lấy cô tình nhân cho vẹn chữ thề bội. Hiếu nghĩ một khi vợ đẻ rồi thì sự ly dị càng thêm trắc trở.

Hiếu liền đem việc nhất định bỏ vợ nói với ông bà kếp Vân, hai người ngạc nhiên hết sức, hỏi Hiếu:

— Sao tao thấy nó bảo nó đã có nghén với mày?

Lúng túng, Hiếu đáp liêu:

— Có nghén thì có con, cũng bỏ.

Rồi chàng thân hành đến nhà ông cả Trâm, nhờ ông lên La điều đình hộ về việc bỏ vợ. Ông cả Trâm khuyên can mãi, Hiếu cũng không nghe cứ lấy van ông đề ông lên La nói hộ. Ông cả Trâm vô tình, không biết Dậu đã có thai nghén nên cũng miễn cưỡng mà lên La. Đến nơi, sau một tuần trôi nước, ông cả Trâm đã đánh bạo nói chuyện ấy với bà cụ Ấm.

Nghe xong câu chuyện, bà cụ Ấm hiểu tất cả. Cụ buồn khổ và thương hại cho con gái lắm, nhưng ngoài mặt cụ vẫn bình thản, cụ thông thả nói với ông cả Trâm :

— Sao tôi thấy cháu nó nói cháu nó đã có ghen ?

Ông cả Trâm ngượng quá, không dám nói thêm gì nữa, chào cụ Ấm mà về. Bấy giờ cụ Ấm mới rầu rĩ khóc.

Hiếu thấy công việc không xuôi, mà càng ngày Hiếu càng say đắm cô nhân ngãi, chàng liền xin với cô ả để được lấy cô làm vợ lẽ. Nhưng cô ả nhất định lắc đầu. Cô bảo với chàng : « Hay gì cái kiếp ăn cơm nguội nằm nhà ngoài ! Tôi thềm vào ! »

Thế mới thật là khó sử ! Hiếu sinh ra bực tức cái kinh xuất ngày. Chàng không chê vợ ngấm ngấm như trước nữa, bấy giờ chàng chê ra mặt. Có khi chàng đồ lên đầu vợ cả nổi bực tức cái kinh của mình. Một hôm vì một cơ rất nhỏ, không đâu. Hiếu đã tát Dậu một cái tát thật sự, và đuổi :

— Mày séo đi ! Tao không có vợ chồng gì với mày. Đũa mốc lại cứ chôi mâm son.

Chính ra thì Dậu cũng muốn séo đi lắm. Nhưng nghĩ đến danh giá nhà mình, nghĩ đến mẹ già, nghĩ đến tiếng thị phi của mọi người, nhất là nghĩ đến đứa con trong bụng, nàng không thể séo đi được, và cũng không chết được.

Dậu đành nhẫn nại sống dưới sự vũ phu của Hiếu, sống trong nỗi lẻ loi của mình. Cho đến đêm nay, bên đèn, nàng ngồi khâu từng mảnh lót cho con ; Dậu nhớ lại tất cả những tình cảnh bụng bảo dạ :

— Chắc mẹ mình đương sầu khổ vì mình, cả Già nuôi nữa. Ở đời chỉ làm khổ lẫn nhau.

Và nàng lo sợ :

— Không biết làng xóm mình đã ai biết chuyện mình chưa?
Nhưng mà bụng thế nào kín được miệng bình mãi nhỉ?

Ngoài kia chắc là giăng thu trong và gió thu mát. Gió gió và giăng giăng! Hiếu hẳn lại ra đình đề tình tự cùng cô nhân ngãi.

Dậu ứa nước mắt, nhìn xuống bụng mình, chép miệng :

— Tám tháng.

II

A ời ời ! a ời ời !

Người ta lên núi thì vui.

Sao tôi lên núi những chui cùng trèo.

Gặp ghềnh núi đá cheo leo...

.

A ời ời ! a ời ời !

Trèo lên núi trên mà coi.

Thấy ông quản tượng cười voi cầm cờ

A ời ời !...

Dậu ru mãi mà con bé cứ khóc the the. Từ khi đẻ nó đến giờ, đêm nào nó cũng khóc như thế. Thì ra nó mắc chứng dạ đề.

Dậu bực mình, phát nhẹ nó một chiếc mà hậm hực :

— Rõ tội nợ !

Đêm hai mươi chín tết, tháng thiếu nên lấy làm ba mươi. Mưa phùn gió bắc. Rét cóng cả. Lúc này chắc chả còn ai đi đâu nữa. Những kẻ đi làm ăn xa thì đã về. Người ta quây quần quanh nồi bánh chưng, quanh bàn thờ tổ để đợi đến giao thừa, để mong đến mừng một tết đầu năm. Ấm cúng và vui vẻ siết bao ! Có ai bùi ngùi nghĩ đến rằng : ở trong một gian buồng nhỏ mà lạnh, có một thiếu phụ bị chồng chê ngời ôm con thâu đêm, để nghe cái

tiếng khóc như sé vải của đứa con không được bố nó nhìn nhận này ?

Nói đến cái « đàn tràng » Dậu đẻ con thì thật là thương tâm.

Dậu giờ dạ về lúc nửa đêm, nàng đau đớn đến phải kêu rên. Bà kép Vân lật đật sai người sang Lúa dò tìm bà mụ. Bà mụ đến nơi, mãi mãi mà Dậu vẫn chưa sò, nàng vẫn kêu rên. Nàng biết rằng lúc ấy Hiếu không có nhà, hoặc là đi đánh chẵn, hoặc là tình tự với nhân ngãi. Bà mụ đã tìm hết cách để Dậu dễ sò mà cũng không xong, Bà phải bảo người đi tìm Hiếu, Hiếu đương đánh chẵn bên hàng xóm, không biết chuyện gì nên vội về. Bà mụ bảo Hiếu phải ôm lấy lưng vợ Hiếu lắc. Bảo Hiếu phải lội qua ao hoặc trèo lên nóc nhà. Hiếu cũng lắc. Đó là những cách ở nhà quê thường dùng của người chồng một khi người vợ sinh nở khó. Hiếu lắc đầu tất cả công việc ấy, rồi lại bỏ sang hàng xóm đánh chẵn cho đến sáng. Và đúng đến sáng Dậu mới sò. Nàng mệt quá, nằm thiếp đi một lúc lâu.

Khi tỉnh dậy, câu đầu tiên nàng hỏi bà mụ :

— Giai, gái hờ bà ?

Bà mụ vừa bế đứa bé vừa giả nhời :

— Cái đi, cô ạ !

Dậu hỏi câu ấy chẳng qua chỉ là một câu hỏi tự nhiên, lấy lệ mà thôi. Chứ thằng cu hay cái đi nàng thấy cũng chẳng quan hệ gì cho lắm.

Nhưng chính vì « cái đi » mà Dậu lại được thêm một đoạn đường sầu tủi nữa

Nguyên trước đây hai tháng, vợ Hạnh đã ở cũ, mà ở cũ thằng cu. Thế thường người ta vẫn trọng nam khinh nữ, người

ta đã thuộc lòng câu : «nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô». Cho nên ông bà kép Vân thấy vợ Hạnh đẻ con trai thì có vẻ quý trọng nâng niu lắm.

Đến khi Dậu đẻ, câu đầu tiên bà kép Vân hỏi bà mẹ cũng là câu :

— Giai, gái hử bà ?

Và bà mẹ cũng giả lời thực thà :

— Cái đĩ đấy bà ạ :

Bà kép Vân nghe thấy «cái đĩ» thì sầm ngay nét mặt lại.

Có bao giờ Dậu nghĩ tới điều đó ? Nghĩ tới rằng mình đẻ con gái thì sẽ bị bạc đãi, sẽ bị cả nhà hờ hững với con mình, với cả chính mình nữa ?

Dậu đã bị hờ hững, bị mọi người hờ hững rõ ràng.

Huống chi bên cạnh nàng, vợ Hạnh đẻ con giai, được mọi người quý mến, lại là cái so sánh để cho nàng thấy rõ sự thiên lệch của mọi người đối với mình, mà sự hờ hững vì đó càng thấy to lớn hơn lên và rõ rệt hẳn ra.

Dậu đã bị chồng chê, giờ lại bị chê nữa. Dậu là nàng dâu trưởng đáng lẽ phải đẻ con giai mới phải, ai ngờ...

Trước kia vợ chồng Hạnh âu yếm nhau đã làm cho Dậu tủi cực, đến nay cả nhà âu yếm con Hạnh càng làm cho Dậu nhớ tới con mình mà tủi cực thêm.

Đứa con Dậu, ông kép Vân không buồn đặt tên cho nó, chả bù trước kia, biết vợ Hạnh đẻ con giai, ông vội vàng đeo mực kính lên, mở sách ra chọn cho nó một cái tên thật hay là «Phúc». Bố là Hạnh, con là Phúc. Thật là Hạnh—Phúc vậy.

Còn đứa con của Dậu vẫn phải mang lên tên «cái đĩ» cho

mãi đến hôm người hộ lại cấp sổ đến vào sổ sinh, hỏi tên bé, bà kếp Vân chép miệng đáp một câu :

— Thôi, ông cứ vào sổ hộ cháu nó cái tên xấu xí gì cũng được.

Rồi không hiểu nghĩ sao bà nói luôn :

— Hay đặt cho nó tên là Cái Bướm. Ông tính thế nào ?

Dậu vốn người đầy đà, vậy mà cái Bướm thì bé bằng tẹo, bé, quá bẽ lợt tay. Nó sinh ra lại mắc ngay chứng dạ đề, đêm nào nó cũng oe oe khóc sốt ruột, đề hồ mẹ nó. mẹ nó phải thức thâu đêm suốt sáng, đến sưng mắt gầy người đi vì nó.

Ngưng cái Bướm khóc chán thì thôi, ngoài Đậu ra cũng chẳng ai đoái hoài gì tới nó. Chứ giá thằng Phúc mà khóc thế, người nhà đã chạy thuốc bời bời. Xem như cái hôm thằng Phúc đau mắt và đi tuột thì biết, mấy ông lang.

Ở đời, chỉ có mẹ biết thương con. Bà cụ cấm ở trên La hay tin Đậu ở cũ thì vội vàng thuê cho Đậu một đứa ở gái và sai Già nuôi đem ngay xuống Vân cho Đậu, để Đậu có người sai bảo.

Đường thì xa, bà cụ thì già, nên không xuống thăm con và cháu được, cách mấy ngày bà cụ lại bảo Già nuôi xuống thăm Đậu và đem những thức ăn kiêng cữ, vì bà cụ biết Đậu ở đây cũng chẳng sung sướng gì, chồng đã chê, lại sinh con gái.

Thế là đêm đêm. Đậu và đứa ở gái, hai mợ cháu cứ chuyên tay mà bế cái bướm, luôn miệng ru cái Bướm. Vậy mà cái Bướm cứ khóc mãi thật khổ cơ chứ.

Đứa ở gái chịu khó thức lắm, chịu khó giặt giũ lam lam và cũng thương mợ nó lắm. Có khi hai mợ cháu chỉ nhìn nhau mà mắt lệ rung rung...

Cho đến đêm tất niên này, đứa ở gái xin về ăn tết từ chiều. Dậu đành ôm con ngồi trong gian buồng giá ngăn ngắt mà buồn rười rượi...

Cái Bướm vẫn khóc, đề cho Dậu ru :

A ơi ơi ! A ơi ời !

Qua đình ghé nón trông đình

Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu.

Miệng thì ru con mà lòng Dậu ngồn ngang..... Nàng nhớ tới nhà, nhớ tới mẹ, nhớ tới Già nuôi , vì chuyện nàng, chắc tết này bà cụ Ấm và Già nuôi mất cả vui. Người anh nàng hẳn chẳng về nào, nàng thì con mọn, còn Hiếu... Chao ôi ! nói đến Hiếu làm gì cho thêm buồn ! Thật là mất cả giỗ lẫn tết. Đến ngay như con, Hiếu cũng chẳng bao giờ thèm hỏi han nhìn nhận đến nữa là... Ít lâu nay xem chừng Hiếu càng say mê cô nhân ngãi, nên càng dưỡng dầy vợ ra tuồng. Hiếu thường gây sự với Dậu và thường bảo :

— Mẹ con mày bế nhau đi đâu thì đi ! Tao không có thiết. tao chẳng có vợ con nào !

Có một lần phản uất quá, Dậu đã cãi lại :

— Anh lấy tôi có cheo có cưới hẳn hoi, anh không đuổi tôi đi được, tôi cứ ở cái nhà này. Bao giờ thầy u không cho tôi ở nữa thì tôi đi.

Thế là Hiếu túm lấy tóc nàng mà đánh.

Hiếu đã vì mê gái mà xử với vợ dã man như một kẻ vô học và vũ phu.

Cái Bướm đã thiu thiu ngủ trên cánh tay mẹ, Dậu khe khẽ đặt nó xuống giường, và đắp chăn nằm với nó. Ngoài nhà cổ bàn đã làm xong, ông bà Kép Vân, vợ chồng Hạnh và Hiếu đã đi ngủ.

Sự im lặng dễ làm cho người ta nghĩ ngợi, Dậu không ngủ

được nên phải nghỉ ngơi vãn vơ. Nàng lại nhớ đến người mẹ già hiền hậu và người vú nuôi trung thành. Người mẹ già không ngày nào là không lần tràng hạt để tụng kinh trước điện Phật và xuất đời không chửi bới hoặc mắng mỏ ai. Người vú nuôi bao giờ cũng như bao giờ, cũng tận tụy với chủ, chăm chỉ với việc làm. Nàng lại nhớ đến giàn thiên lý đầy hoa thơm ngát; vườn cau thì già mà đôi chim bồ câu thì yêu nhau: chiếc cổng chống sơ sài, và nước ao trong vắt. Nàng lại nhớ đến thời còn « con gái » cái hồi còn được gội đầu bằng nước lá chanh, lá sả, rồi đứng bên tường hoa hong tóc cho khô. Cái hồi lòng còn nguyên trắng, được sống êm đềm dưới bóng từ bi của người mẹ, bên tấm lòng chắc phắc của người vú già, được sống nhớn nhoe trong vườn cau cạnh giàn thiên lý, đề sáng sáng rắc thóc cho đôi chim bồ câu, và buông từng chiều chiếc cổng chống sơ sài xuống; hoặc đứng bên bờ ao trong, lắng nghe tiếng chuông mõ của sư thầy chậm chậm ngân lên.

Ngày ấy đã xa rồi ! Đã xa xôi lắm lắm !

Đến bây giờ...

Cái Bướm bỗng giật mình thức giấc, khóc òa lên Dậy ôm sát nó vào lòng mà ru :

— A ơi ơi !

Qua đình ghé nón trông đình...

Cái Bướm như không muốn cho mẹ nó ru, nên nó càng khóc già và lấy tay đập lên mặt mẹ nó bành bạch. Ngay lúc ấy nó đá giẫm ra ướt nhè cả quần áo mẹ nó.

Dậy thở dài, lầm bầm :

— Chồng với con ! Tội nợ ! Cứ mãi thế này thì sống làm sao hờ giờ.

III

Tháng tám, mùa nước cả, các làng đồng chiêm đều đi lại bằng đò.

Hôm ấy chợ phiên Đặng đã tan bởi mặt trời đã đứng bóng. Ngẫu nhiên trong một chuyến đi của anh lái đò năm trước, lại có bà Thủ làng La, ba người cùng đong ngô, và hai vợ chồng người sầm bên Đông quan.

Nắng hanh chan hòa, gió hanh cũng chan hòa, nắng và gió chảy lênh láng trên mặt nước cánh đồng chiêm nhỏ sóng.

Con đò đi lừ lừ.

Người ta nói chuyện bâng quơ, hết chuyện giá ngô cao hạ, đến chuyện giá cau tươi đắt rẻ; vô tình người ta nhắc đến chuyện chồng con, và vô tình hơn nữa, người ta nhắc sang đến chuyện chồng con trắc trở.

Một bà đong ngô nói lên :

— Ấy, có cái đám... bên làng tôi tôi hôm qua, quan Huyện phải về khám.

Bác sầm gái hỏi ngay :

— Đám gì thế hở bà ?

— Đám vợ chồng chê nhau. Người vợ bị chồng chê, thất cồ ?

Bác sầm gái lại hỏi :

— Ồ, thế có chết không hở bà ?

Một bà đong ngô khác giả nhời.

— Chả chết mà quan Huyện lại về khám, bác này rõ rành...

Bà Thủ tỏ vẻ thương hại :

— Tội nghiệp ! Chồng chê thì về ở với mẹ, can gì phải hoài thân như thế ! Phải không các bà ? Ngay như bên làng tôi...

Bác sầm gái vừa búi lại búi tóc củ hành vừa nói : — Bà nói chí phải đấy ! Ở đời này « Bà chết thì thiệt thân bà, ông tôi sắp sửa cưới ba nàng hầu... » tội gì mà chết kia chứ !

Bà Thủ không nhớ rằng trước đây có một lần Dậu đã đi cùng chuyến đò với tất cả bằng ấy người. Bà đem chuyện Dậu ra khoe :

— Phải... ngay như bên làng tôi, cô con gái bà cụ Ấm gả chồng về Vân tập, hai nhà vẫn là chỗ đi lại với nhau thân lắm đấy ! Anh chàng rề có đi nom mắt hăn hoi, ấy thế mà sau lại chê vợ mới nực cười chứ !

Một bà đơng ngô ngắt lời :

— Hay nom mắt nhằm ?

— Nào có nom nhằm. Còn ai biết ra làm sao ?

Anh ta là con nhà văn tự thế mà hành hạ vợ y như một thằng du côn. Nghe đâu sau anh ta lại phải lòng đứa con gái người làng một hai nó lấy làm vợ... nên cố tình đẩy cổ này đi. Khốn nỗi, cô này lại đẻ được mụn con gái.

Mọi người nhao nhao lên :

— Chồng chê mà lại có con ? Hay là chữa hoang ?

Bà Thủ đàn giải :

— Nào phải thế. Anh chồng càng đăm con năn ngãi bao nhiêu thì càng hành hạ vợ bấy nhiêu cô này không thể ở được nữa, phải ôm con về ở với mẹ, đã mấy tháng nay. «Cháu bà nội, tội bà ngoại» là cái sự thế.

Bác sầm giai phán đoán ngay :

— Ồi chà ! « Đồng nát thì về cầu Nôm, con gái nỏ mồm về với mẹ cha ». Chắc cô này cũng nỏ mồm lắm chứ gì !

Bà Thủ vội bào chữa :

— Không phải đâu. Cô ấy nét na đáo đề ! Lại đảm đang nhất làng tôi đấy. Thế mà...

Bác sầm giai nói át ngay đi :

— Ồi chà ! « *Nửa trôi sông không gặp thì gầy, gái chồng dầy không chứng nọ thì tật kia.*

Bá Thủ cười xòa :

— Kề cô ấy cũng chẳng có tật gì, chỉ phải có một tật.

Một bà đồng ngô vội hỏi :

— Tật gì cơ hở bà ?

Ngay lúc ấy một bà đồng ngô khác né sang cạnh đò. giơ tay ra ngoài mà rửa làm đò chành đi, nước ào vào trong đò. Mọi người đều kêu lên :

— Giời ơi ! Đắm một cái bây giờ thì chết cả đồng dầy !

Thế rồi không ai nhớ đến hỏi bà Thủ xem Dậu có tật gì mà bị chồng chê, người ta quên bằng ngay chuyện ấy đi. Người nói ngay sang chuyện giời nắng giời mưa gì đó.

Janvier
NGUYỄN BÌNH

(Trích trong tập tiểu thuyết
Không Nhan Sắc)

Nguyễn Sa

Thi sĩ Nguyễn Sa, trong tập thơ Nguyễn Sa, đã in, cũng như Những năm sáu mươi, đang in, đã và đang trình bày với chúng ta bài thơ của ông thuộc nhiều loại. Chúng ta có thể tìm thấy ở đó thơ tám chữ, thơ bảy chữ, thơ tự do, thơ xuôi. Nhưng ở thi phẩm thứ nhất, thi phẩm của tình ái, cũng như ở thi phẩm thứ nhì, phản ánh những tận cùng đau khổ của quê hương, không hề có bóng dáng của lục bát,

Bởi vì lục bát chỉ xuất hiện trong tập thơ thứ ba của nhà thơ quen thuộc.

Và cũng bởi vì thế, Văn Học, trong số mùa Xuân này, vui sướng gửi tới bạn đọc một trong những bài lục bát của Nguyễn Sa. Tưởng cũng cần nói thêm rằng Về, bài thơ này, và Sân bắn, một lục bát khác của Nguyễn Sa đăng trong Đất nước số Xuân năm nay, là hai bài lục bát đầu tiên được mang ra in mà cũng là hai trong những bài lục bát đầu tiên của tác giả.

VĂN HỌC

VỀ

Tặng TA Y

Cho anh về nốt đi em
Răng chưa có ngọc, tóc còn thiếu mây
Một rừng ngọn đã lên cây
Cho anh mượn nắng ngắt ngậy má đào
Chân cao thì núi anh cao
Đến trong yên tĩnh, đến ngoài lặng kh ông
Cho anh từ đó xuôi trong
Trong thơ trong nhạc trên cùng trong môi
Đời xa anh nhớ mặt trời
Sông anh đợi nước em cười cho anh
Cho anh sóng nhỏ áo xanh
Nữ non giọng hát nghiêng cánh phi lao
Nét son lơ lửng chiêm bao
Hương thơm hoa buổi đêm nào anh xin
Xin em một chút không gian
Xin em vài sợi tơ buồn nghìn năm
Xin em chút biển mịt mùng
Trăng lên thuyền vắng sương ngàn xuống thu

Xin em, thân đó cây già
Trăm năm vẫn động muôn tờ lá run.

NGUYỄN-SA

Luân Hoán

Luân Hoán đã nắm chặt ngôn ngữ thi ca và tâm hồn của Hoán là tâm hồn bát ngát của thi sĩ.

Đó là ý kiến của Nguyên Sa.

Nguyên Sa đã bày tỏ ý kiến về những người làm thơ, tuy ít tuổi hơn, nhưng thuộc về cùng một thời đại với anh. Mỗi lần luôn luôn được thời gian chứng tỏ sự chính xác. Anh đã đề cập tới Nhã Ca cùng với những bài thơ đầu tiên của nữ sĩ. Nhiều lần anh nói tới tác giả *Tỏ tình trong đêm*. Chỗ đứng hiện tại của đôi vợ chồng văn nghệ này là sự chứng nghiệm của những lời nói kia. Anh đề cập đến Trần Tuấn Kiệt ba lần. Cả ba lần đều là sự nhấn mạnh về cái khoảng khoát và phong phú của lục bát của Kiệt, và đặc biệt nhấn mạnh đến *Triều miên ngâm khúc* từ khi chưa ai đề cập tới tác phẩm in không quảng cáo và không bán này.

Ý kiến của Nguyên Sa về Luán Hoán, theo anh là một ý kiến khách quan. Anh nói: "Tôi có gặp Hoán ở quân trường. Đó là bạn đồng ngữ, cũng như Cao Thoại Châu. Nhưng tôi chưa có dịp nói chuyện lâu với Hoán, chưa có tâm sự nào với anh, và cũng như làm việc cùng với người bạn đó. Dù vậy, tôi coi anh là một bạn thơ! Vì lý do giản dị: đó là một nhà thơ có tài."

VĂN HỌC

QUÀ XUÂN CHO BÉ HÒA BÌNH

trong vườn cây lòng tôi chắc đã nhiều chim đến
và hình như tôi vừa trồng một chậu hoa
sẽ ngủ một mình trong giọt lệ hân hoan
không ai biết tôi một người vừa mới sống
ngoài trừ con tôi, phải không bé hòa-bình của ba

ba đang viết về con một bài thơ
ba đang viết cho con một bài thơ
một bài thơ xanh biếc tình yêu thương
một bài thơ thên thang giọng máu chảy
có ai hỏi bài thơ dùng để làm gì ?
ba sẽ trả lời
để mừng con vừa tròn một tuổi
để mừng con đã có một mùa xuân
để mừng ba có thêm một cốc rượu
và để mừng cuộc đời vẫn nẩy nở sinh sôi

ba sẽ không bận tâm về bài thơ không vần điệu
và rất vừa lòng đã dùng chữ tự nhiên
bài thơ sẽ là chiếc nôi đưa con ngủ
bài thơ sẽ là chiếc gối con lót đầu
đừng lo mọi người phê phán
sẽ không có bài thơ nào hay
sẽ không có bài thơ nào dở
chỉ có hay không giọt tình của người viết nó
mà thơ ba, mà bài thơ ba đang viết cho con
có những gì chắc con đã hiểu

nổi tự hào thành thật tự nhiên
thơm tho như nụ hôn ba dành tặng con thường lệ

bé hòa bình của ba
ba gọi tên con âm thầm như gọi niềm ước mơ
sâu xa

khi tìm một danh từ đặt tên con
một danh từ khá to lớn
nức lòng mọi người chờ đợi
một danh từ sẽ làm con vui hay khiến con buồn
vui vì hãnh diện
buồn vì mặc cảm có cái tên thật con trai
hãy cho ba xin lỗi
nếu ba thật lỗi lầm ước mơ một điều không thể có
hòa bình cho Việt Nam

hỡi bé hòa bình của ba
con đang làm gì trong chiếc nôi nhỏ bé
con chưa nói được tiếng nào
con chỉ biết cười biết khóc
biết nhận mặt người quen thân
hai bàn tay con dịu dàng lắm
con hãy cầm một đóa hoa
vừa nở từ lòng ba thơm ngát

muốn nói với con chuyện người Mỹ xuống đường
đòi chấm dứt chiến tranh đòi rút quân đòi bảo
toàn danh dự

muốn nói với con những hiềm khích những chia
rẽ những tham quyền tham lợi
muốn nói với con cuộc hội nghị Ba Lê
tìm kiếm hòa bình dẫu có giết người làm áp lực
muốn nói với con đời sống người Việt Nam
(đồng bào quân nhân chính quyền công chức)
muốn nói với con những danh từ tự do dân chủ
muốn nói với con những mắt thấy tai nghe
những thắt lưng buộc bụng
muốn nói với con... và muốn nói với con...

xấu hổ đã không thuộc ca dao
đã quên chuyện cổ tích
ngồi đây đưa con không lẽ làm thinh
mớm sữa mớm cơm, nỡ nào không mớm lệ
con thương yêu xin hãy ngủ ngon
chẳng những lòng ba là chiếc chiếu
chẳng những lòng ba là tấm chăn
nếu mỗi một người có một bầu trời
thì lòng ba là bầu trời cho con hít thở
giọt máu ba đã vỡ
đóa hoa sinh đẹp đã nở
hỡi con, con mến yêu, con dịu dàng
con đỏ như giọt máu ba tinh khiết
ba đã nguyện sẽ làm rất nhiều thơ
đi rất nhiều nơi
thương yêu, làm quen mọi người trên trái đất
ba đã nguyện chịu hy sinh phải hy sinh và can đảm

con hãy hân hoan lớn lên hân hoan xinh đẹp.
ba mơ ngày mồm con nhú lên răng sữa
ba mơ ngày con học nói tiếng mẹ đẻ đầu tiên
ba mơ ngày con biết buồn, con biết ước mơ
hãy để cho ba nói
hay đúng hơn ba đang hát lời con
mùa xuân đã trở về cây lá đã xanh màu nắng mới
lòng ba ai rót rượu hồng

sẽ sắm cho con áo quần giày dép mới
sẽ để dành cho con những đồng tiền mừng tuổi
sẽ cho con đầy đủ nụ cười trẻ thơ
con yên trí
dù ba rất nghèo ba sẽ cố gắng
với số tiền cấp dưỡng theo mức độ tàn phế
với số tiền ba đã bán đoạn một bàn chân
lẽ nào không cho con một mùa xuân thật đẹp
một mùa xuân thật đẹp của một đời người
con phải có pháo bông
phải có một chậu hoa vạn thọ
phải có chiếc nơ vàng trên mái tóc xanh
phải có niềm vui trong veo trong lòng con tinh
khiết

hỡi con hỡi bé hòa-bình của ba
ba đang làm cho con một bài thơ
khiêm nhường đặt tên cho nó ;
«quà xuân cho bé hòa-bình»
ôi món quà thật dễ vỡ

cả lòng con đã giữ gìn
nhưng con còn muốn mọi người tham dự chăm
nom

rất hiền con nên ba đã mạn phép
gởi đăng tải bài này
tiền nhuận bút dĩ nhiên sẽ khiêm nhượng
bởi thi ca là nhu yếu phẩm
có phải là nhu yếu phẩm?
thứ nhu yếu phẩm thuần túy
không được lên lút xảo quyết tăng giá
hồi hòa bình con gái đầu lòng của ba
con có biết con là hoàng hậu
của những châu hoa ba mới vừa trồng
của những con chim trong vườn nhà ta liu lo
của những ngón tay ba đầy nụ tình

con hãy hôn má con
hay hôn lên cặp vú hồng sữa ngọt
đôi mắt xanh thao thức
con hãy quì dưới tuổi già ông nội con
con hãy tựa lên tấm lưng trần nhăn nheo của ông
cố ngoại con
để nghe những giọt máu tiền nhân đổ
những giọt máu bao la tình yêu dẫu
con ơi, bánh chưng sẽ rất xanh
bánh tổ sẽ rất ngọt
trong đêm giao thừa ba sẽ không mang chân giả

ba sẽ vịn lên vai con
đôi vai của một người vừa lên một tuổi
dù con chưa biết đi
nhưng con cũng vừa biết đứng
hãy giữ cho ba thật bình an
và chắc ba sẽ bình an tặng con món quà mừng tuổi
đó là bài thơ này, là trái tim ba

bé hòa-bình của ba
món quà xuân cho con đẹp như giọt lệ.

1970

LUÂN HOÀN

Luân Hoàn

Luân Hoàn

Nguyễn Quốc Thái

Nguyễn Quốc Thái không phải là cái tên xa lạ trong vòm trời thi ca hiện đại. Nhà thơ trẻ này đã đăng nhiều thơ trên Đất nước. Anh cũng là tác của Những cánh bồ câu mơ ước, một tập thơ được nhiều nhà thơ coi là có giá trị, nhưng không được cái may mắn lọt qua vòng lưới gọi là Phối hợp nghệ thuật.

Nói về Nguyễn Quốc Thái, một người cầm bút tên tuổi nghĩ rằng họ Nguyễn đã có một chỗ đứng tốt và sẽ đi xa. Bởi vì Nguyễn Quốc Thái là một người kiên nhẫn, quyết tâm, và thành thực. Đó là những đức tính quý giá của văn nghệ. Hơn nữa, trí tưởng của anh không bị che kín bởi mặt nạ đồ kị, thân thể anh không vướng víu bởi những đáng điệu của trò chơi "nhà văn lớn."

ĂN TIỆC CUỐI NĂM

cho ta con cua rang muối thật mặn
mặn, thật mặn
nhớ thật mặn
ta sẽ ăn dè
gặm thật kỹ
nhai thật tan
tan như bột trong miệng
rồi nuốt từ từ,
rồi nhớ mẹ
nhớ anh chị
nhớ em
nhớ các cháu
nhớ bạn bè
đem rơi xuống đầy bụng trống trơn
đầy bụng ngày tháng ủa ta
cho ta đĩa rau
đĩa rau thật tươi
màu xanh thật mát
ta vuốt ve mặt lá
ta vuốt ve cuống lá
ta vuốt ve lưng lá
ta vuốt ve gân lá
ta vuốt ve riềm lá
như vuốt ve bóng em
như vuốt ve giấc mơ
như vuốt ve ngực ta

như vuốt ve thính không,
cho ta đĩa rau
đĩa rau
đĩa rau
ta cuốn từng lá thật gọn
cho vào miệng thật vừa
nhai nhẹ nhàng
nhai mồ hôi, nhai da cháy
nhai năm cùng tháng tận
nhai bà con, nhai hăng, nhai ta

cho ta chai coca
nhớ chọn chai đầy nhất
cho thật nhiều đá
thêm đá
thêm đá
ta uống từng ngụm nhỏ
mắt lim rím thở khẽ
chờ đá tan chờ kêu thêm đá
hay tay cầm ly
uống thật chậm rãi
uống thật khẽ khàng
rồi nhớ bà con
đầy bụng hơi
đầy bụng buồn phiền lo lắng
đầy bụng mơ tưởng
ngồi vò vố trong đêm
chờ ta về kể chuyện ăn tiệc
rồi lên giường hàn hoan

cho ta chén nước mắt
cho ớt thật cay
cay, thật cay
những khoanh ớt đỏ tươi
chói lòa`
như những vòng hào quang
trôi rập rờn trong bóng tối
cho ta chảy nước mũi
cho ta phồng mồm
cho ta xuýt xoa

cho ta chảy nước mắt

12.68

NGUYỄN QUỐC THÁI

Dương Nghiễm Mậu

Mơ thấy mình bay trên mái nhà

ĐL. 14-11-69. Chuyến bay đưa tôi đến thị trấn với nhiều kỷ niệm khó quên. Thành phố của những con đường vòng ôm lấy nhau khăng khít, những ngọn đồi thông kế tiếp nhau với màu xanh không cùng. Thị trấn hoàn toàn không còn một người thân. Tôi nhớ Niệm trong chuyến đi cũ. Tôi cũng nhớ tới đời sống chia rời với những bạn hữu khác. Mười hai năm trước, vào một ngày lạnh cuối mùa thu, hai người bạn thiết, nay mỗi người một đời sống sung túc... Tôi vẫn như mười hai năm trước, ngoài nỗi cay đắng ngậm ngùi về người khác, về cái muôn mặt, về cái ràng buộc, về những điều được gọi là đời sống. Buổi trưa im vắng nằm trên đỉnh đồi cỏ, tôi thấy mình bay lên cao hư không... Trời cao xanh, mấy dải mây trắng bay chậm lững lờ. Nếu như mình bay lên được, nếu như... Tôi có ý trông gặp lại Quân, nhưng không có. Bây giờ Quân đang nằm ở Ban Mê Thuật. Hôm nào hắn còn cầm chai rượu, đi từ quán này tới quán khác, nói tới những ngày ở A-Shau, ở Công Trường sáu, ở Khe Tre, ngày ở Đức Dục tưởng như đã chết... Hắn nói về người chết, kẻ sống, hẳn muốn được ngừng chân lại với thị trấn miền biên, nhưng

hắn không được sống như thế. Tôi nghĩ tới những người bạn mới của hắn, những chai rượu và thị trấn quanh hiu klà mà tôi đã có lúc ngừng chân lại... Bây giờ hắn vẫn chưa tỉnh cơn say, vẫn chưa bỏ quên đường súng bắn trăm phát trúng trăm và tiếng cười khô khan ?

Nhớ đến hắn, tôi lại nghĩ tới những người khác. Những người nói với tôi : tôi không ở phe nào hết ; tôi không muốn là một quân cờ... Tôi chỉ biết mỉm cười. Đồng ý, tôi cũng chẳng phải là kẻ cồ động chém giết, tôi cũng chẳng là điều hâu, hay gấu dữ gì. Nhưng nếu chọn như vậy thì phải có một đời sống tương xứng như thế. Không được phép nguy hiểm, che đậy cho cuộc sống hèn của mình. Anh muốn vui quên trong sung sướng ư ? *Giót rồi nâng chén lên môi. Không dung tưởng có máu người tanh tanh...* Anh có thấy thể không hay anh thấy ngon ngọt trong men rượu, trong khói thuốc ? Anh khinh miệt bọn dơ bẩn ư ? Nhưng anh có nhờ nước miếng vào mặt chúng không ? Thị trấn thân yêu ơi ! nào ta muốn nhớ chỉ những điều đó. Hãy cho ta một giấc ngủ, hãy cho ta một vài giây mơ mộng, hãy cho ta thanh thản nghĩ tới vị hôn thê, hãy cho ta giấc mơ êm đềm cùng với nàng dạo chơi trong thung lũng cỏ hoa... Ta muốn quên mọi điều, tất cả...

S.1-12-69. Buổi sáng ơi, hãy chậm lại, hãy thanh thản. Buổi sáng ơi. Ta lắng nghe tiếng con chim sâu ngoài ngọn cây. Lệnh Hồ Xung. Xuống hàng. Ba năm sau. Xuống hàng và mùa xuân cho Doanh Doanh.

Trời gây lạnh và nhớ tới ngày cuối năm, buổi tối, thị trấn ngoài xa. Tà áo gió bay lẩn vào bóng tối. Cây cầu. Hàng cây tối. Chịu ơn người...

S.4-12-69. Lại muốn điên lên. Không dần lòng được. Là thế nào nhỉ ? Bút mực có còn nghĩa gì không ? Ta hỏi

hoài hoài... *Mắt trừng gửi mộng qua biên giới. Đêm mơ Hà-nội* *dáng kiêu thớm* (1), cậu thấy không, xưa kia người đi kháng chiến còn có nơi để gửi mộng, còn có nơi để trông đợi ngày trở về, bọn mình ngày nay thì thật là vô tổ quốc, không quê hương... không cả đến một bóng dáng.. Vậy chứ mình vì cái gì nhỉ, vì cái gì mà mình có thể sống như vậy nhỉ, vì Saigon, vì... miết rồi mình như kẻ hư vô. Anh không tin. ? Có một cái gì ấy à, cái gì mà kỳ bí vậy. Hôm trước, thằng bạn, đó, cái thằng nó uống với mình hồi chiều đó, cái thằng uống không biết say, bắn súng bách phát bách trúng, phải rồi, cái thằng đeo kính cận, không chịu nói, cườ khan... Nó được về phép, nó chọn trở về Saigon, rồi nó lên, hỏi nói : đốt mẹ nó đi, vậy chặt lại, đốt không cho thằng nào chạy ra ngoài hết, thằng nào chạy ra thì vứt vào. Có thằng hỏi, nhưng có những người không đáng chết thì sao, nó nói, cũng chẳng có bao nhiêu, mà nữa, những người đó cũng chẳng chạy ra đâu, chạy ra thì phải là bọn bắt lương.. Nghe cái giọng ác ôn còn đồ ấy thì chắc không ai ưa, người ta sẽ nói vô nhân đạo, nhưng nghĩ cho cùng cũng có phần đúng đấy chứ. Anh không đồng ý.

Anh thì không chịu là phải rồi. Dưới ấy... Thật thì tôi cũng chẳng yêu, cũng chẳng ghét, cũng chẳng có liên hệ bao nhiêu đến nó, cũng có lúc sống ở đó, nhưng mà chẳng có, bà con chẳng có, người tình cũng chẳng có, chỉ có những ngày lang thang cô quạnh, những buổi chiều nơi góc phố ngó đui, ngó mông ngó ngực, nói tục, chơi gái, nhậu nhẹt, chửi bới, ngủ... Máy tháng chỗ này, vài năm chỗ kia, chẳng có gì gắn bó ràng buộc, nghĩ lại thật chán. chán. Anh thấy vậy không. *Saigon đẹp lắm Saigon hôi, Saigon đẹp lắm, Saigon... hôi... Saigon hôi...* Cái ông nhạc sỹ nào đó thật là tuyệt diệu nhỉ. À phải rồi, có cái thằng cha mắc dịch đó, nó đầu

(1) Thơ Quang Dũng.

ở tận bên Mỹ, nó nói Saigon như một nhà điếm, phải không? Cái thằng đó thì pheng đi, nó nói cái thủ đô của mình như vậy thì không được rồi. Beng, cái thằng đó thì beng. Còn cái thủ đô của nước nó thì là gì mà sinh ra cái thằng bá láp như thế... Thật ra, phải nói, mình bức về cái đời sống, chứ tổ quốc ta chỗ nào cũng đáng thương yêu hết. Cái chiến tranh này, cái cuộc sống này làm dơ dáy đi mất biết bao nhiêu, nò đâu phải chỉ có Saigon, ôi những thị trấn ta đã ngang qua, những vùng đất đai ta được biết đến. Thật muốn kêu một tiếng cho bầu trời xanh, mà có trời nữa không mà kêu. Anh ban, anh ở Saigon lên đó đấy ư, anh hãy nói cho ta nghe cái đời sống ở dưới đó, cái đời sống ồn ào, xô bồ ấy. Không có gì? Thế còn cái cảnh nơi đây ta như mán rừng đứng coi cái bồn nước không? Thế những hàng cây ở Saigon này đã khô hết chưa? Phải nghĩ tới cái cảnh những thành phố như người còi truồng thì tức cười lắm, này nhỉ, tới một lúc có lẽ người ta phải dựng lên những hàng cây bằng sắt cho coi, rồi lá nữa, tới mùa nào thì sơn màu ấy, cái đời sống chỉ còn những sắt, những đá, những gạch ngói thôi, tới cái lúc chưa chừng người ta sẽ chẳng còn biết cây cối, hoa cỏ là như thế nào, chẳng bao giờ còn nòn nao với một ánh trăng, mơ mộng với một giải ngân hà. Trên trời có ba mươi sáu ông sao, có sao quân tử, có sao chung tình... ôi là là cái con người đông phương mình, cái con người mà kẻ nào cũng có lần làm thơ, làm thơ khi gặp người đẹp, khi buồn, khi nhớ bạn, khi làm nhà mới, khi ngắm trăng, khi uống rượu, khi thăm đồng.. chỗ nào cũng có trăng sao, mưa gió, cỏ hoa, mây nước, núi sông.. thật là một dân tộc tuyệt diệu. Cái Tây phương nó ghen ghét với mình. Ôi dân tộc ta, tổ quốc ta, quê hương ta... Cái gì của ta cũng tuyệt diệu cả... Nhưng nay chẳng được sống như thế. Tiếc thay...

Dakto 25 cây số. Ba mươi sáu tuổi. Một cuộc đời. Người gầy cao, tiếng nói khỏe mạnh, dáng nhanh nhẹn... Người bạn nói, có hai đứa trẻ nhặt banh ở sân quần vợt đã ôm lấy quan tài khóc, Người bạn thân bề vọt không còn tiếp tục cuộc chơi vì thiếu bạn. Trước đó, trong tờ khai lý lịch ông ghi địa chỉ cần khi cấp báo : đường Âm Hồn, nhiều năm mới đi chụp một bức ảnh để cho bạn bè : đó là bức ảnh trên bàn thờ... Tôi đã gặp ông hai lần, lần thứ nhất trong bộ chỉ huy hành quân của cuộc hành quân Bình Tây 7 đón trên quốc lộ 14. Lần thứ hai tại Ban-hét với con đường nối 10 cây số những vỏ đạn những xe tăng cháy và tiền đồn hoang vu... Bây giờ, sáu đứa con thơ, một người vợ hiền, và người nằm xuống khô gầy... Tôi cũng nhớ, hồi tôi gặp rắc rối về giấy phép một cuốn sách, ở thông tin cũng nói tới ông. Ông cho in một cuốn sách «Việt Nam Việt Nam ơi» cái bìa vẽ hai con gà đá nhau, cái bìa bị bôi bỏ để thay vào đó hình một người đàn bà hốc hác, sợ hãi... Sao lại hai con gà đá nhau. Gà cùng một mẹ chó hoài đá nhau. Ý ông muốn nói. Ông đã viết trong đó cái đề nghị làm một ngôi nhà Thống Nhất trên giòng Bến Hải... Mơ ước của ông cho đến khi hết vẫn chỉ là mơ ước cho người khác... Tôi nhớ tới Kon Tum, nhớ thị trấn nhỏ bé thơ mộng...

S.18.12.69, Mơ thấy mình bay trên mái nhà... Sân gạch, ao sen, hàng cau cao vút...

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Thư đầu năm

Những lời cầu chúc tốt lành đầu năm chúng tôi thành tâm gửi đến các văn hữu và bạn đọc.

Chúng tôi cùng xin cáo lỗi cùng bạn đọc, vì trở ngại kỹ thuật ngoài ý muốn của tòa soạn, nên số Xuân Văn Học Canh Tuất chủ đề viết về mùa «Xuân quê hương» đã không ấn hành được.

Đề đáp lại sự tin tưởng của bạn đọc đã và đang dành cho Văn Học, số chủ đề Nguyễn Bính này với những biên khảo hồi ký đặc sắc của các văn hữu tên tuổi, tòa soạn, còn gửi đến bạn đọc những sáng tác thơ văn sáng chói nhất mùa Xuân của các nhà văn nhà thơ đang được bạn đọc mến yêu.

Văn Học số Tân Xuân sẽ là một số chủ đề về một nhà văn tên tuổi mà bạn đọc đang mong đợi. Ngoài ra, tòa soạn còn gửi đến bạn đọc những thơ văn của những nhà văn trẻ đang góp mặt trên Văn Học.

Tòa Soạn

ĐÍNH CHÍNH

Vì lý do kỹ thuật trong khi ấn hành, tòa soạn đã có những sơ sót dưới đây, mong bạn đọc sửa dùm và thành thật cáo lỗi cùng các tác giả. Cảm tạ.

<i>Trang</i>	<i>Dòng</i>	<i>In sai</i>	<i>Xin sửa lại</i>
5	3	« nhà quê », không làm thơ	« nhà quê, làm thơ
5	27	tâm trạng này anh em	tâm trạng anh em
7	2	Muốn gì cũng được :	Muốn gì cũng được.
21	5	nhà tình thất nhà thơ	nhà thơ thất tình nhà thơ bình dân.
24	22	quảng vào cồ nhau	quảng vào cồ nhau
26	26	thơ mà mà lúc đó	thơ mà lúc đó
27	6	tóc bông sữa	tóc bông của
27	20	mong gì vương vúi	mong gì vương vít
29	3	ca dao mài	ca dao mà
30	26	nhớ trâu—không	nhớ trâu—không
33	9	nên chưa dịp	nên chưa có dịp
58	3	Người ơi ! Hỡi người ơi	Người ơi ! Hỡi người ơi
58	28	19-12-2946	19-12-1946
75	15	Tôi buộc miệng	Tôi buột miệng
80	15	những khách Sang sông	những khách sang sông

Và riêng trang 35 bài thơ « Sao chẳng về đây » đã thiếu 23 câu, tính từ câu :

.
Từng chung sống dưới mái nhà tranh.

Sao chẳng về đây mức nước sông ?
Tưới cho những luống cỏ hoa trồng.
Xuân sang hoa nọ rồi hoa nở,
Phôi nhụy vàng hây với cánh nhung.

Sao chẳng về đây bắt bướm vàng,
Nhốt vào tay áo, đợi Xuân sang
Thả ra cho bướm xem hoa nở ;
Cánh bướm vờn hoa loạn phấn hương.

Sao chẳng về đây có bạn hiền,
Có hương có sắc có thiên nhiên.
Sống vào giản dị, ra tươi sáng.
Tìm lấy cho lòng một cảnh tiên.

Sao chẳng về đây lựa tứ thơ ?
— Hỡi ôi ! hồn biển rộng không bờ !
Chùn hoa sự nghiệp thơm muôn thuở,
Thiên hạ bao nhiêu kẻ đợi chờ.

Sao chẳng về đây nữ lạc loài.
Giữa nơi thành thị gió mưa phai !
Chết dần từng nấc rồi mai một,
Chết cả mùa Xuân, chết cả đời.

Xuân đã sang rồi em có hay ?
Tình Xuân chan chứa, ý xuân đầy.
Kính kỳ bụi quá, Xuân không đến,
— Sao chẳng về đây, chẳng ở đây.

Nguyễn Bính
(Xóm Dừa cuối năm Thân)

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

SOVISEL

Công ty Muối Việt Nam

SARL AU CAPITAL DE V.N. 8.738.000 đ.

Tax Building — Rooms 233—234 — 1er Etage

135, Nguyễn Huệ, Saigon — Téléphone : 24.565

Adresse Télégraphique : SOVISEL Saigon

● **SALINES A CANA (PHAN RANG)**

Hãng VINH-LỢI

Nhập cảng :

PHỤ TÙNG XE HƠI

XE GẮN MÁY

VỎ RUỘT XE HƠI

Tổng phát hành : Bình Điện VANGUARD

Đ.T. : 25.519 — Điện tín : MAIHAM SAIGON

Số 70-72-74, Đại lộ Trần hưng Đạo SAIGON

VĂN HỌC

BẢN NGUYỆT SAN - PHÊ BÌNH - SÁNG TÁC
VĂN HÓA • XÃ HỘI • NGHỆ THUẬT

BẢN BIÊN TẬP

Biên - khảo : DƯƠNG THỨ LANG - TRẦN BÍCH LAN - VŨ BẢNG -
NGUYỄN HỮU DUNG - HOÀNG VŨ Đ. V - SÔNG THAI -
NGUYỄN TRỌNG VĂN.

Truyện : DƯƠNG KIỀM - NGUYỄN ĐÌNH TOÀN - VƯƠNG THANH
VŨ PHIẾN - DƯƠNG NHẤT NHÂN - VIỆT ĐẦU - ĐỖ TIẾN
ĐỨC - TRẠNG CHÂU - THẾ HOÀI - NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Thơ : NGUYỄN SA - LUÂN HOÁN - HÀ NGUYỄN THẠCH - LÊ VĨNH
THỌ - PHÙNG KIM CHÚ - HOÀNG LỘC - HOÀNG ĐÌNH
HUY QUAN - PHAN NHỰ THỨC

Dịch - thuật : HOÀNG NGỌC BIÊN - HOÀNG VĂN ĐỨC - NÔNG BẢNG
GIANG - TẠ TRUNG SƠN - BUI NGỌC DUNG - NGUYỄN
KIM PHƯỢNG - THƯỢNG SỸ - VƯƠNG TRẦN NAM

Sinh - hoạt : BẠCH CÔNG - PHƯƠNG KHANH - VĨNH LỘC

NGOÀI NƯỚC

LÊ VĂN PHONG (Tokyo - Nhật Bản) - PHAN TRỌNG QUÝ (Londres -
Anh) - LÊ THỊ HẸN (Tokyo - Nhật Bản) - NGUYỄN THANH HUY (Bonn
Tây Đức) - NGUYỄN LONG (Paris - Pháp) - TRẦN VĂN TOÀN (Louvain
Bi) - TRẦN QUÝ PHƯƠNG (Siney - Úc Đại Lợi) - LÊ THÀNH NGHIỆP
(Tokyo) - NGUYỄN QUANG (Texas - Hoa - Kỳ) - NGUYỄN
TRẦN HUÂN (Paris - Pháp)

VỚI SỰ CỘNG-TÁC CỦA

L. M CAO VĂN LUẬN

Nguyên Viện Trưởng Đại Học Huế

L. M BỬU DƯƠNG - THANH LĂNG - TRẦN THÁI ĐÌNH - HOÀNG VĂN
ĐỨC - TRẦN HÀ TRUNG - HUBERT HOHL - NGUYỄN CAO HÁCH - NGUYỄN
KHẮC HOẠCH - NGUYỄN NHƯ CƯƠNG - LÝ CHÁNH TRUNG - NGUYỄN
VĂN TRUNG - NGUYỄN HỮU DUNG - TRƯƠNG VĂN CHÍNH - ĐOÀN
QUỐC SĨ - NGUYỄN MẠNH CÔN - LÝ HOÀNG PHONG - DƯƠNG
NGHIÊM MẬU - TAM ÍCH - NHẬT TIẾN - LINH BẢO - NGUYỄN THỊ
VINH - TÚY HỒNG - THẾ VIÊN - SƠN NAM - BÌNH NGUYỄN LỘC
DUYÊN ANH - ĐÌNH HÙNG - LÝ QUỐC SINH - VŨ HOÀNG CHƯƠNG
MỘNG TUYẾT - NGUYỄN DUY CẦN - TRINH XUYẾN - MAI CHƯỜNG ĐỨC
CHÂM VŨ - NGUYỄN VĂN TÂN - TẠ TỶ - BẢNG BÁ LÂN

Tòa soạn và Trị sự

61, Lê-văn-Duyệt - SAIGON

Chủ nhiệm
NGUYỄN-THỊ-NGỌC-LIÊN

Đ.T: 41.265

Chủ bút
PHAN-KIM-THỊNH

INTERNATIONAL SCHOOL

TRUNG TÂM SINH NGỮ

QUỐC-TẾ



95 - 101 Công Lý (Crystal Palace) Saigon

Tel: 92.115 Ext: 252

KHAI GIẢNG KHÓA II NGÀY 16-2-1970

các lớp sinh ngữ

ANH-NHẬT-ĐỨC-PHÁP-HOA-ĐẠI HÀN

- **ANH NGỮ** : Từ lớp : tới lớp 12 (tương đương Diploma of Cambridge)
- **NHẬT NGỮ** : Từ lớp sơ cấp tới trung cấp, cao cấp và đàm thoại Do giáo sư Tiến Sĩ Nguyễn Thăng Thái trực tiếp hướng dẫn.
- Tất cả học sinh các lớp đều được học bằng phương pháp thính thị do Nữ giáo sư *MORNA TROTTER*. M.A., Diploma in General Linguistics of the University of Edinburgh và Giáo sư *M.C GUIANG*, M.A., Ph.D (Georgetown University Washington D.C) Đại Học Hoa Kỳ phụ trách thường trực.
- Tài liệu giảng huấn do nhà trường soạn thảo và cung cấp
- **GIỜ HỌC** : Từ 8 giờ sáng tới 10 giờ tối
- Học phí mỗi khóa (3 tháng) : **2.700\$**

GHI TÊN VÀ HỎI THẺ LỆ TẠI VĂN PHÒNG